

Phước huệ tập 6

福慧集（六）

Thích Hậu Quán

釋厚觀 著述

Việt dịch:

Thích Thị Nghĩa, Thích Nữ Hạnh Tín,
Thích Nữ Diệu Pháp, Thích Nữ Thuận Trí,
Thích Nữ Hạnh Tường, Thích Nữ Đức Minh

越南文翻譯：

釋是義，釋行信，釋妙法
釋純智，釋行祥，釋德明

Printed for free distribution by

The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation

11F., 55, Sec 1. Hang Chow South Road , Taipei, Taiwan, R.O.C.

Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: overseas@budaedu.org

Website: <http://www.budaedu.org>

This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.

KINH ẨM TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

MỤC LỤC

● -- LỜI TỰA.....	5
● -- 1. ÔNG LÃO NGHÈO	15
● -- 2. XEM VÀNG NHƯ RẮN ĐỘC.....	28
● -- 3. TRƯỞNG GIẢ KEO KIỆT THỰC HÀNH NĂM PHÁP BỔ THÍ LỚN.....	38
● -- 4. VÌ CỨU CON NGỒNG DÙ THÂN CHỊU KHỔ VẪN KHÔNG PHẠM GIỚI.....	55
● -- 5. ĐỨC PHẬT KHÉO ĐỘ THẦY TỈY-KHEO TRẺ BỊ MÊ TÌNH LÀM LOẠN Ý.....	74
● -- 6. TRỮ CHÂU BÁU NHƯ NÚI KHÔNG BẰNG GẶP ĐƯỢC ĐẠO	83
● -- 7. ĐỨC PHẬT LÀ ĐẠI Y VƯƠNG ĐỂ LẠI GIÁO PHÁP ĐỘ CHÚNG SANH.....	92
● -- 8. ÁC KHẨU NHỤC MẠ TẶNG CHÚNG ĐẠO LÀM THÂN TRÙNG TRONG AO PHÂN.....	106
● -- 9. PHIỀN NÃO TỪ TÂM KHỎI BÔI THUỐC LÊN THÂN CÓ ÍCH GÌ?.....	117
● -- 10. CHẴNG THỂ LẤY TÂM OÁN ĐỀ TIÊU TRỪ OÁN HẬN CHỈ CÓ NHÃN NHỤC THÌ OÁN HẬN TỰ TIÊU	134
● -- 11. NGƯỜI GIỎI ĐIỀU PHỤC TÂM SÂN	

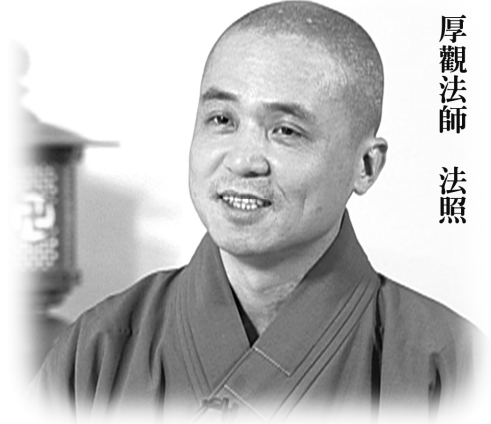
HẬN MỚI CHÍNH LÀ BẠC ĐIỀU NGỰ SƯ	153
● -- 12. SÂN OÁN NHỰC MẠ NGƯỜI NHƯ NÉM BỤI NGƯỢC GIÓ	159
● -- 13. GẦN GỬI THẦY LÀNH BẠN TỐT CÓ THỂ DIỆT TRỪ ĐƯỢC CÁC PHIỀN NÃO (1)	165
● -- 14. GẦN GỬI THẦY LÀNH BẠN TỐT CÓ THỂ DIỆT TRỪ ĐƯỢC CÁC PHIỀN NÃO (2)	185
● -- 15. VÍ DỤ VỀ BỐN NGƯỜI VỢ	205
● -- 16. NẪM TRÊN CHÔNG GAI CHỈ KHỔ MỘT ĐỜI, BỊ GAI NHỌN CỦA THAM SÂN ĐÂM, KHỔ VÔ LƯỢNG KIẾP	219
● -- 17. PHƯỚC HUỆ SONG TU	232
● -- 18. NGƯỜI TRÍ SIÊNG NHIỆP TÂM, LÂM CHUNG KHÔNG TÁN LOẠN	241

LỜI TỰA

Thích Hậu Quán

Trong sách Phước huệ quyển 6 được phát hành lần này, đã thu thập và ghi chép mười tám câu chuyện trong kinh Phật, đề cập đến các giáo lý như nhân quả báo ứng, sám hối, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, giữ gìn chánh niệm, phước đức, trí huệ v.v., nội dung những câu chuyện vô cùng sâu sắc, lời lẽ dễ hiểu.

Trong bài ‘Ông ông lão nghèo’, kể lại câu chuyện: Có một ông lão nghèo, dung mạo trông rất trường thọ, đôi tai của ông dài và rộng, hai hàm răng đều đặn trắng như vỏ sò, hai tay dài quá



厚
觀
法
師
法
照

gói. Nhìn tướng mạo bên ngoài, ông ta giống như một trưởng giả giàu có, nhưng trên thực tế thì ông lại vô cùng nghèo khổ, thường phải chịu đói khát, áo không đủ che thân. Ông lão nghe nói có đức Phật xuất hiện ở thế gian, nên mong muốn tận mắt nhìn thấy Ngài một lần, do đó, ông chống gậy đi suốt cả mười năm, vô cùng khó khăn để mong được chiêm ngưỡng đức Phật, thế mà lại bị Phạm thiên và Đê Thích ngăn lại ngoài cửa, nhất định không cho vào gặp Phật. Ông nói: “Vì tôi quý kính lòng từ bi và ân đức của Phật, nên mới xin các ông cho tôi vào chiêm ngưỡng Ngài một lần”. Sau đó, đức Phật giải nói nhân duyên cho ông nghe ‘tại sao ông lão có tướng mạo trang nghiêm trường thọ, nhưng lại luôn chịu quả báo khổ đau’, và nói ‘nhân duyên thiện ác như bóng theo hình, như âm vang theo tiếng’, quả báo tội phước giống như bóng thường theo hình, lại giống như tiếng vang, bất cứ âm thanh gì, hễ truyền đến vách núi thì núi sẽ dội lại âm thanh giống như thế. Câu

chuyện này cảnh tỉnh mọi người phải cẩn trọng trong từng lời nói, việc làm, khởi tâm động niệm, không nên tùy ý não loạn chúng sanh.

Trong câu chuyện ‘Chẳng thể lấy tâm oán để tiêu trừ oán hận, chỉ có nhẫn nhục thì oán hận tự tiêu’, kể về đức Phật Thích-ca khi còn trong giai đoạn tu bồ-tát hạnh. Thời quá khứ, do nhân duyên sân khuê nên Ngài từng bị đọa làm con độc long. Hôm nọ, có một nhóm người vào núi để tìm của báu, phát hiện ra màu sắc sặc sỡ trên thân rồng giống như bảy báu tụ lại. Họ nghĩ: “Nếu lột da rồng đem dâng cho quốc vương, thì nhất định được trọng thưởng”, rồi họ cầm dao bén lột lấy da rồng. Độc long đau đớn không thể chịu nổi, nhưng nó chẳng những không khởi niệm sân mà còn phát nguyện: “Những người này lột da của ta dâng lên vua để mong được ban thưởng tiền của. Ta nguyện khi thành đạo, sẽ thường bố thí cho họ vô lượng pháp tài”. Sau khi rồng bị lột da, lại có rất nhiều côn trùng nhỏ nhít tụ tập đến ăn máu thịt

trên thân của nó. Độc long sợ sẽ làm đám côn trùng tổn thương nên không dám trở mình, lại phát nguyện: “Ta bố thí thân cho các côn trùng là vì cầu Phật đạo, nay dùng thịt bố thí là để cho chúng được no đủ; về sau, khi ta thành Phật, sẽ dùng pháp bố thí để làm lợi ích cho tâm của chúng”. Nghĩa là, ta vì muốn thành Phật đạo, nên hiện tại, thịt trên thân của ta bố thí cho những côn trùng, để chúng nuôi dưỡng sắc thân; sau này ta thành Phật đạo, sẽ dùng Phật pháp vi diệu bố thí cho chúng, để chúng trưởng dưỡng tâm thanh tịnh, thành tựu pháp thân, đạt đến cứu cánh giải thoát.

Đức Phật dạy chúng ta: Lấy oán báo oán không thể dừng oán, chỉ thực hành nhẫn nhục mới làm cho oán chấm dứt. Nếu lấy sân hận báo lại sân hận thì giống như đem củi khô bỏ vào trong lửa lớn, sẽ khiến cho lửa càng bùng cháy mạnh thêm. Chỉ có từ bi, trí huệ, nhẫn nhục mới là phương thuốc hay để tiêu trừ sân khuể, phiền não. Ở thế gian, có một số người rất thích tranh giành

hơn thua với người khác, nhưng trong *Đại trí độ luận* nói:

*Kẻ thắng thường kiêu mạn
Người thua thường ưu sầu
Cho nên người có trí
Chẳng luận bàn thắng thua.*

Nghĩa là người thắng lợi thì thường rơi vào hố sâu kiêu mạn, mà kẻ thất bại thì rơi vào lao ngục buồn phiền. Vì thế, người trí tu hạnh nhẫn nhục thì thường chẳng tranh luận với người, để phải khởi lên phiền não.

Ngoài ra, chuyện ‘Người giỏi điều phục tâm sân hận mới chính là bậc Điều ngự sư’ và ‘Sân oán nhục mạ người, như ném bụi ngược gió’, hai bài này cũng liên quan đến việc điều phục tâm sân, thường hay được tham khảo.

Câu chuyện ‘Phiền não từ tâm khởi, bôi thuốc lên thân có ích gì?’, kể về chuyện: Có một người con trai ăn trộm hoa từ trong tháp thờ Phật, đem tặng cho cô dâu nữ xinh đẹp, sau đó, toàn thân

của anh ta mọc lên những mụn nhọt, lở loét chảy đầy máu mủ. Cha mẹ của anh ta cho mời rất nhiều thầy thuốc có tiếng tăm đến chữa trị, lại dùng đủ các loại thảo dược để trị liệu cho anh, nhưng mụn nhọt càng ngày càng lớn, không cách nào tiêu trừ. Người con trai này vô cùng hoảng sợ, nói với cha mẹ: “Xin cha mẹ đừng uổng phí công sức nữa, bệnh của con từ tâm sinh ra, bệnh tâm thì cần phải dùng thuốc trị tâm, nếu chỉ dùng thuốc bôi trên thân, chữa trị bên ngoài thì có tác dụng gì?”. Sau đó, anh ta nhờ người chuẩn bị hương hoa, đích thân đem đến dâng cúng lên tháp thờ Phật, lại khởi tâm chí thành sám hối thì bệnh mới thuyên giảm. Cổ đức từng dạy: “Trân quý vật của Thường trụ như giữ gìn đôi mắt của mình”. Việc này thức tỉnh chúng ta, chúng ta phải trân quý vật của Tam bảo giống như yêu quý, giữ gìn đôi mắt của mình, tuyệt đối không được tùy tiện làm hư hoại, càng không thể trộm về làm vật sở hữu riêng. Ngoài ra, chúng ta cần phải giữ gìn thân, khẩu, ý

cho thanh tịnh, nếu lỡ làm sai việc gì thì cần phải mạnh dạn sám hối. Phiền não từ tâm khởi, cần phải dứt trừ gốc bệnh sâu thẳm trong tâm thì mới giải quyết triệt để được vấn đề.

Khi đức Phật thuyết pháp, Ngài thường khéo dùng phương tiện thiện xảo để thí dụ. Như trong bài ‘Ví dụ về bốn người vợ’, Ngài nói: Một người đàn ông nọ có bốn người vợ, một hôm, ông ta biết rằng mình sắp lìa nhân thế, nên bắt đầu hỏi theo thứ tự, từ người vợ cả mà ông yêu quý nhất, rồi đến các bà vợ kế, xem có ai đồng ý đi với ông không. Nhưng ba người vợ trước đều không đồng ý, chỉ có người vợ thứ tư, rất xấu xí, lúc bình thường không được chồng thương yêu, lại đồng ý đi cùng ông ta. Đức Phật dạy: Người vợ thứ nhất là dụ cho thân thể, lúc bình thường, chúng ta luôn quan tâm chăm sóc cho thân này trước nhất, nhưng một khi chết, thân thể cứng đờ nằm trên đất, bốc mùi hôi thối, khi ấy, thân thể có đi cùng với chúng ta được không? Không! Người vợ thứ hai

ví như tiền của, ta phải khổ cực đủ cách mới có được của cải, nhưng một khi mạng chung, đành phải để lại cho người khác tiêu xài, nó không cách nào đi cùng với chúng ta được. Người vợ thứ ba dụ cho những người thân thuộc, bạn bè của chúng ta. Khi mạng chung, dù cho quyến thuộc tình thâm đến đâu, thì cũng chỉ đưa tiễn ta đến huyệt mộ là cùng. Sau khi an táng xong thì ai về nhà nấy, người nào có thể chết theo bạn? Người vợ thứ tư rất xấu xí, thô kệch, là dụ cho tâm niệm của chúng ta, nó suốt ngày bận bịu, vất vả, nhưng chúng ta rất ít quan tâm và trân quý nó. Tại sao nói tâm niệm rất xấu xí? Vì tâm chúng ta chứa đầy các thứ tham, sân, si, mạn, nghi, cái bản. Tuy nó như vậy, nhưng lại rất trung thành với chúng ta. Thậm chí sau khi chúng ta chết, nó vẫn chung thủy theo sát một bên như bóng theo hình.

Lại nói đến câu chuyện ‘Người trí siêng nhiếp tâm, lâm chung không tán loạn’: Thời quá khứ, có một người hầu cận của vua Bà-tu tên là

Đa-sí-na-ca, thông minh hơn người. Nhưng vua nghe theo lời vu khống của người khác, nên tức giận sai người đến giết ông. Trước khi Đa-sí-na-ca lâm chung, tinh thần hoảng loạn bất an, ông nói với các thân quyến đến thăm: “Trước kia, khi biệt ly cha mẹ và quyến thuộc, ta cho rằng ái biệt ly là cái khổ nhất ở thế gian, nhưng đến hôm nay, khi phải đối diện với cái chết, ta mới hiểu được sự đau khổ của ái biệt ly thật quá nhỏ bé so với cái chết; thế nhưng, tử vong vẫn chưa phải là cái khổ lớn nhất, cái khổ vô bờ bến khi không biết chết rồi sẽ sanh về đâu, mới là nỗi khổ đích thực”. Lúc này, ông ta mới hối hận, vì lúc sinh tiền chưa trì giới và điều phục tâm cho tốt, nên lúc sắp chết hoảng hốt lo sợ. Nếu chúng ta hy vọng muốn tùy tâm vãng sanh về cõi lành, hoặc vãng sanh về cõi Phật, thì bình thường cần phải điều phục tâm cho chính trực, thuần thực, như trong kinh có dạy: ‘Trực tâm là đạo tràng’; trái lại, nếu tâm bất chính, thường truy cầu những thú vui

ngũ dục, tâm không an trụ nơi thiện pháp, thì đến lúc sắp mạng chung tâm ý sẽ hoảng loạn, lo sợ không biết sẽ thác sinh về nơi nào.

Còn nhiều câu chuyện khác, hàm ý rất sâu xa, độc giả muốn am tường thì nên dùng tâm để thể hội.

Những câu chuyện này đã được chuyển thể thành sách đọc Mp3, mọi người có thể tìm trên trang web “download băng đĩa ở giảng đường Huệ Nhật”, nguồn:

<http://video.lwdh.org.tw/html/lecture/story/story.html>

Phật học viện Phước Nghiêm

Ngày 25 tháng 12 năm 2016

1. ÔNG LÃO NGHÈO

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện trong kinh, câu chuyện này trích từ *kinh Ông lão nghèo*, trong Đại Chánh tạng quyển 17, trang 742 -743.

Thời quá khứ, có một thời, đức Phật ở tại thành Xá-vệ, trong vườn cây của ông Cấp-cô-độc và thái tử Kỳ-đà, có 1.250 vị sa-môn và hàng vạn chư vị bồ-tát cùng tụ hội tại đó. Khi ấy, trong đại chúng có vô số trời, rồng, quỷ, thần. Mọi người đều cung kính nhiễu quanh đức Phật, nghe Phật thuyết pháp, ai nấy đều rất hoan hỷ.

Lúc đó, có một ông già nghèo, hơn hai trăm tuổi, dung mạo trông rất trường thọ. Lông mày của ông rủ dài, vành tai dày và rộng, hai hàm răng trắng và cứng như vỏ sò, tay dài quá gối. Nhìn tướng mạo bên ngoài thì ông lão phải là một

trưởng giả giàu có, nhưng trên thực tế thì ông ta rất nghèo khổ, cuộc sống vô cùng khó khăn, áo không đủ che thân, y phục rách rưới, ăn không đủ no, đi được mấy bước thì thở hổn hển.

Ông lão nghe nói có đức Phật thị hiện nơi đời, trong lòng cảm thấy vô cùng vui sướng, nên ngày đêm phát nguyện muốn được tận mắt chiêm ngưỡng đức Phật một lần. Ông ta chống gậy đi suốt mười năm như vậy, vô cùng khó khăn mới tìm được đến nơi. Nhưng khi nguyện vọng sắp được thực hiện, thì ông lại bị vua Đế Thích và Phạm thiên giữ cửa quở trách và không cho vào. Ông lão lớn tiếng kêu lên:

- Tôi cả một đời gặp quá nhiều bất hạnh, sống cảnh bần cùng khốn khổ, chịu những tháng ngày đói lạnh, muốn chết không được, sống thì không chỗ nương tựa. Nay tôi nghe nói đức Thế Tôn nhân từ cứu độ tất cả chúng sanh, thiên hạ muôn vật đều có thể nương nhờ ân đức của Ngài, nên trong lòng rất vui mừng. Tôi ngày đêm phát

nguyện mong muốn được chiêm ngưỡng đức Phật một lần, trải qua hơn mười năm, hôm nay nguyện vọng sắp thành hiện thực. Tôi từ nơi vô cùng xa xôi tới cầu xin được chiêm ngưỡng đức Phật một lần thôi, để có thể thoát ly được tất cả sự thống khổ, các ông lại ngăn cản tôi như vậy là làm trái với nguyện vọng của tôi, cũng làm trái với tâm nguyện độ sinh của đức Phật, các ông làm như vậy có thích hợp không?

Đức Phật biết sự việc này, liền quay sang nói với A-nan:

- Ông đã từng thấy một ông lão có tướng mạo trang nghiêm trường thọ, nhưng lại thường phải chịu quả khổ, đến nay tội báo vẫn chưa hết không?

Ngài A-nan quỳ gối, chấp tay bạch với đức Phật:

- Vì sao người có tướng trang nghiêm, trường thọ lại phải chịu ác báo như vậy? Người đã gặp ác báo như vậy, tại sao lại được trường thọ và có

tướng mạo trang nghiêm? Cả đời này, con chưa từng thấy qua, không biết người này rốt cuộc đang ở đâu?

Đức Phật bảo:

- Ông ta đang ở ngoài cửa, bị Đế Thích và Phạm thiên ngăn cản không cho vào, ông hãy ra mời ông ta vào đây!

Sau đó, ông già rất khó khăn, run rẩy chống gậy đi vào. Vừa nhìn thấy Phật, ông ta buồn vui lẫn lộn, nước mắt nước mũi giàn giụa. Sau khi đánh lễ Phật xong, ông quỳ gối chấp tay bạch đức Phật:

- Con cả đời này gặp biết bao nỗi bất hạnh, sống trong cảnh bần cùng khổ sở, trải qua bao tháng ngày đói rét, muốn chết không được, sống thì không biết nương tựa vào đâu. Nghe nói đức Thế Tôn từ bi cứu giúp tất cả chúng sanh, vạn vật trong thiên hạ đều được nương nhờ ân đức của Ngài, lòng con vô cùng vui sướng, ngày đêm phát nguyện mong muốn được chiêm ngưỡng đức Phật

một lần. Trải qua mười năm, hôm nay, cuối cùng nguyện vọng của con gần được thực hiện. Nhưng con đi hơn mười năm, không dễ dàng đến được, rốt cuộc lại bị ngăn lại ngoài cửa, đợi rất lâu mà không có cách nào để vào, muốn quay về cũng không còn sức lực nữa, thật là tiến thoái lưỡng nan. Con lo lắng không có cách nào để gặp được đức Phật, lại phải bỏ mạng ở ngoài cổng, làm mất đi sự thanh tịnh nơi thánh địa, càng làm cho tội nghiệp của bản thân con nặng hơn. Không ngờ trong lúc tuyệt vọng, đức Thế Tôn từ bi thương con, cho phép con được vào để gặp Ngài một lần. Bây giờ con chết cũng không còn gì nuối tiếc nữa, chỉ mong có thể mau chóng kết thúc thân nghiệp chướng này, sau khi tội báo được tiêu trừ, mong rằng sau này có thể nương nhờ ân đức của Phật, ban cho con trí huệ thù thắng nhất.

Đức Phật nói:

- Con người sinh ra ở đời, mỗi người đều có nhân duyên sinh tử, do nhiều nhân duyên từ quá

khứ mà dẫn đến tội báo ở đời này. Bây giờ, ta sẽ giải thích rõ ngọn ngành cho ông biết.

Trong kiếp quá khứ, ông được sinh ra trong một quốc gia rộng lớn, quyền thế, trong hoàng tộc của đức vua Minh Huệ. Ông là một thái tử vô cùng kiêu ngạo, chuyên quyền. Trên thì có cha mẹ thương yêu ông như châu báu, dưới thì có rất nhiều kẻ hầu người hạ, ông thường tùy ý coi rẻ và ức hiếp người khác, cống cao ngã mạn, không coi ai ra gì. Của cải mà ông có đều là do vơ vét tài sản của dân chúng, cuộc sống của họ đã vô cùng khôn khó, lại phải chịu sưu thuế hà khắc. Ông chỉ biết tích chứa tiền của mà không biết bố thí.

Lúc ấy, có một vị sa-môn nghèo, từ một quốc gia vô cùng xa xôi, đến để thăm viếng Thái tử, mong cầu của vị sa-môn này không nhiều, chỉ muốn xin Thái tử một bộ pháp y mà thôi. Ông không những không tiếp đón, trái lại, lại dùng thái độ ác nghiệt để tiếp đãi vị sa-môn này. Ông đã không cúng dường pháp y, lại không dâng cúng

ảm thực, khiến cho vị sa-môn vừa đói vừa lạnh ngồi đợi ngoài cổng, mà ông cũng không cho sa-môn đi. Vị sa-môn đợi như vậy trải qua bảy ngày bảy đêm, không được chút thức ăn, nước uống. Vậy mà khi tận mắt nhìn thấy vị sa-môn chỉ còn hơi thở thoi thóp sau cùng, giống như ngọn đèn leo lét trước gió, ông lại rất thích thú, còn tụ tập mọi người vây quanh xem như trò vui.

Lúc đó, có một vị đại thần khuyên ông rằng:

- Thái tử, xin ngài đừng làm như vậy! Vị sa-môn này có thái độ rất từ bi cung kính, xem ra là người có đức hạnh thanh tịnh, dù phải chịu lạnh cũng không hề than lạnh, chịu đói cũng không hề than đói. Sa-môn đến khát thực chỉ vì muốn ngài tích lũy phước đức mà thôi, ngài đã không muốn bố thí thì cũng đừng áp bức, đùa cợt người ta, xin hãy mau chóng tha cho vị sa-môn ấy đi đi, tránh chuốc lấy tội báo.

Thái tử trả lời:

- Ông ta là loại người nào? Muốn lừa gạt

người khác, tự xưng có đạo đức, có tu hành. Ta chẳng qua chỉ là thử ông ta, giam giữ vài ngày mà thôi, không để ông ta chết đâu, bây giờ tha cho ông ta đi cũng được, để tránh làm phiền ta.

Sau đó, thái tử đuổi vị sa-môn đi, trực xuất ra khỏi đất nước.

Không ngờ, sa-môn đi đến cách biên giới khoảng hơn mười dặm, lại gặp phải tên cướp đói khát, muốn giết ngài để ăn.

Sa-môn nói:

- Tôi là sa-môn nghèo khổ lại bị đói lạnh, toàn thân gầy còm chỉ còn da bọc xương, thịt rất tanh hôi, ông nuốt cũng không trôi đâu. Tôi đói với ông không có chút tác dụng gì, ông giết tôi cũng uổng công vô ích mà thôi!

Kẻ cướp nói:

- Tôi vừa đói khát, vừa mệt lả đã nhiều ngày, chỉ có thể ăn đất cát mà thôi. Ông tuy gầy gò, cũng có được chút thịt, vẫn tốt hơn là ăn đất cát. Tôi tuyệt đối không thả cho ông đi đâu. Ngoan

ngoãn nạp mạng đi!

Hai bên cứ như vậy tranh luận không ngừng.

Thái tử biết được sự việc này, bèn vội vàng đi đến biên giới để tiếp cứu. Thái tử nói:

- Ta trước đây đã không cúng dường cho sa-môn y phục, đồ ăn, nay sao nữa để ông ta bị đao tặc giết chết được!

Ác tặc vừa nhìn thấy thái tử liền chạy đến đập đầu lay lục, mong được lượng thứ, rồi liền thả cho vị sa-môn đi.

Ông có biết không? Vị sa-môn lúc đó, nay chính là bồ-tát Di Lặc, còn vị thái tử kiêu ngạo ngang ngược kia chính là ông. Ông hiện nay chịu quả báo khốn cùng chính là do nhân tham lam ở đời quá khứ. Còn ông được trường thọ là do ông cứu vị sa-môn kia một mạng. Nhân duyên thiện ác như bóng theo hình, như tiếng vang dội lại vậy.

Ông lão hướng lên Phật thưa:

- Ôi! Nghiệp báo quá khứ của con đã lỡ tạo, mong rằng có thể kết thúc trong một đời này.

Hôm nay thọ mạng của con không còn nhiều, chỉ hy vọng những năm tháng còn lại được xuất gia làm sa-môn, đời vị lai có thể đời đời kiếp kiếp được hầu hạ bên cạnh đức Phật.

Đức Phật nói:

- Lành thay! Lành thay!

Lập tức, râu tóc của ông lão tự rụng, pháp y tự nhiên xuất hiện trên thân. Không những thế, ông lại được thân khỏe, xương chắc, tai thính, mắt sáng, lập tức được trí huệ vi diệu, nhập vào tam-muội.

Khi đó, đức Thế Tôn liền nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Ông quá khứ thân làm thái tử, không biết lấy nhân từ tiếp đãi người, không hiểu được con người nên tôn trọng phép tắc và đạo lý, kiêu ngạo ngang ngược lại phóng túng, cậy mình làm con của đại quốc vương, tự cho là không có nhân quả tội phước, cho rằng vĩnh viễn giữ được sự tôn quý, quyền lực, ông nào thể ngộ được sự báo ứng của

sinh tử. Ngày nay, cuối cùng ông cũng gặp phải tai họa như vậy. Tuy là chịu tội báo, nhưng từ nay lại nhận được sự từ bi che chở của đức Phật, được bái kiến Thế Tôn, có thể giải thoát các tội báo quá khứ. Lúc tuổi già như ngọn đèn trước gió lại được vào cửa Phật, được xuất gia tu đạo. Mong ông vĩnh viễn xa lìa tâm xan tham, thường có thiện căn trí huệ, đời đời kiếp kiếp được hầu bên cạnh Phật, cứ như thế trải qua vô số kiếp, huệ mạng vẫn mãi trường tồn”.

Bấy giờ, ông lão đã là thầy tì-kheo già, sau khi nghe Phật khai thị, rất vui mừng hướng về đức Phật chí thành đánh lễ.

Lúc đó, Thế Tôn bảo A-nan:

- Nếu như có người đọc tụng kinh này, về sau sẽ gặp được một nghìn đức Phật ở Hiền kiếp. Nếu có người nào y theo bản kinh này mà thực hành, hoằng dương cho chúng sanh đời sau, sẽ được đức Phật Di Lặc thọ ký. Đức Như Lai có tướng lưỡi rộng dài, lời nói chân thật không hề hư dối.

Tất cả đại chúng sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, vui vẻ tin nhận phụng hành, cung kính đánh lễ đức Phật.

Câu chuyện này thức tỉnh chúng ta:

Phải chú ý cử chỉ hành vi, khởi tâm động niệm của mình, không nên tùy ý làm não loạn chúng sanh. Nếu não loạn chúng sanh, quả báo sẽ theo sau như bóng theo hình, như âm thanh vọng lại. Dù bạn đi đến đâu, cái bóng nhất định cũng sẽ đi theo đến đó, chẳng hề rời xa. Cho nên, chúng ta đối với thân khẩu ý của mình phải rất cẩn thận.

Ông lão này vì muốn thấy Phật, chống gậy đi từng bước khổ sở, đi hết hơn mười năm mới gặp Phật, mà còn bị ngăn cản ở ngoài cửa, chút nữa là không gặp được Phật, may mà đức Phật biết được, nên từ bi cho phép, ông ta mới có thể gặp Ngài. Đúng là thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Chúng ta có may mắn được nghe Phật pháp, hy vọng mọi người biết trân quý, tinh tấn tu hành. Mong mọi người cùng cố gắng!

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 04.10.2014***

2. XEM VÀNG NHƯ RẮN ĐỘC

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này rút ra từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 289 -290.

Khi nghe được những lời hay, chúng ta nên tư duy thì nhất định sẽ có được lợi ích, do đó, người có trí huệ nên thường lắng nghe, tin nhận sự vi diệu, thiện lành của chánh pháp.

Thời quá khứ, tại nước Xá-vệ, một hôm, đức Phật và tôn giả A-nan khi đang đi qua một cánh đồng rộng, bên bờ ruộng, hai vị nhìn thấy dưới đất có một hũ vàng, đức Phật nói với A-nan:

- Đây là một con rắn rất độc.

Ngài A-nan đáp:

- Đúng vậy, bạch đức Thế Tôn! Đây đúng là một con rắn độc hung ác.

Lúc đó, có một bác nông phu đang cày ruộng ở bên cạnh, nghe đức Phật và ngài A-nan nói có rắn độc, ông nghĩ: “Mình tới xem thử coi, hai thầy trò ông sa-môn nói có rắn độc, rốt cuộc là cái gì?”.

Ông ta bước tới xem, nhìn thấy một hũ vàng, thì vô cùng mừng rỡ:

- Thứ mà sa-môn gọi là rắn độc, lại là vàng ròng tuyệt đẹp.

Ông ta vui sướng ôm hũ vàng về nhà. Người nông dân này xưa nay cuộc sống vốn nghèo khổ, ăn chẳng đủ no, áo chẳng đủ mặc, do bất ngờ nhặt được vàng nên trở thành giàu có, ăn mặc đầy đủ. Vì người nông dân lâu nay nghèo nàn mà đột nhiên giàu lên một cách bất thường, triều đình cảm thấy kỳ lạ, nên âm thầm sai người điều tra. Họ tố giác ông ta, bắt nhốt vào ngục, tất cả số vàng mà ông nhặt được đều phải nộp lên cho triều đình, nhưng tội thì vẫn không được miễn, hơn nữa còn phải chịu những cực hình đau đớn. Người này

đau khổ, lớn tiếng than:

- Ôi! Thật đúng là rắn độc, ngài A-nan ơi!
Thật đúng là rắn độc hung ác, đức Thế Tôn ơi!

Những người xung quanh nghe thấy vậy bèn đem câu chuyện tâu lên nhà vua, nhà vua cho gọi ông ta tới và hỏi:

- Tại sao ngươi lại kêu lên: “Thật đúng là rắn độc, ngài A-nan ơi! Thật đúng là rắn độc hung ác, đức Thế Tôn ơi!”?

Người nông dân đáp:

- Trước đây tôi đang cày ruộng, nghe đức Phật nói với ngài A-nan “đây là rắn độc, là con rắn độc vô cùng nguy hiểm”. Tới hôm nay, tôi mới thật sự hiểu ra, biết được vàng đúng là rắn độc.

Sau đó, ông ta nói bài kệ, đại ý là:

“Những lời của đức Phật dạy chính là lời chân thật, không hư dối. Ngài nói: “Vàng là rắn rất độc”, A-nan đáp lời Thế Tôn: “Vâng! Vàng đúng là con rắn độc hung ác”.

Hôm nay, tôi mới tự mình thấu hiểu sức mạnh

của rắn độc, nên đối với đức Thế Tôn lòng càng thêm tôn kính. Hôm nay, đối diện với gian nguy, lòng tôi rất niệm ơn đức Thế Tôn đã khai thị.

Bị rắn độc cắn, chỉ bị tổn thương một người, không làm liên lụy tổn thương tới những người khác. Bà con thân thuộc, vợ con hay nô tì, phục dịch đều không bị nguy hại, nhưng nếu bị loại rắn độc là tiền tài cắn phải, thì họa hoạn sẽ ập tới toàn thể gia đình, người thân.

Bây giờ, tôi đối với tiền tài và thân tộc, coi như là một con rắn độc hung ác, uy mãnh đang nổi giận. Người có trí huệ thì nên mau chóng tránh xa, cũng giống như xa lánh con rắn độc hung ác, nên mau chóng xuất gia, vào nơi núi rừng tu hành. Làm gì có một bậc trí huệ nào tự mình nhìn thấy, nghe thấy việc như vậy mà còn chấp trước vào tiền tài, để nó che mờ tâm mình? Tôi vốn cho rằng nhặt được vàng là được lợi ích lớn, nhưng trái lại, phải chuốc lấy sự tổn hại khổ đau”.

Nhà vua sau khi nghe xong bài kệ, biết rằng người nông dân này đã có được sự tin hiểu sâu sắc đối với lời dạy của đức Phật, nên vua cũng nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Bây giờ, người đã kính tin những lời dạy của đức Phật từ bi là chân thật không hư dối. Đức Thế Tôn chưa bao giờ nói những lời sai trái. Những của báu mà trước đây người đã nhặt được, bây giờ ta đều trả lại cho người. Hơn nữa, ta sẽ tặng thêm cho người một ít của báu nữa, xem như để cúng dường người, bởi vì người có duyên, có thể kính tin những lời chân thật của đức Điều Ngự, Thiện Thế, Phật Thế Tôn. Đức Phật là người được Đại Phạm thiên cung kính, bất luận là a-tu-la, Thiên vương, trời Đế Thích, ta và các vị vua của các nước, các vị quý tộc, bà-la-môn, sát-đế-lợi, những bậc tôn quý có trí huệ trong thành, tất cả đều rất kính tin đức Phật. Người có thể giống như ta, cùng khởi lòng kính tin đức Phật, trước khi được

quả báo tốt lành, bây giờ chính là hoa báo¹”.

Câu chuyện này kể về việc đức Phật và ngài A-nan nhìn thấy của báu ở bên bờ ruộng thì gọi nó là rấn độc, còn bác nông dân đi tới nhìn thì lại là một hũ vàng. Theo pháp luật của Ấn Độ thì hễ là vàng bạc, dù là ở trên đất, thì đều quy về tài sản của quốc gia, nhưng bác nông dân lại khởi lên lòng tham, chiếm giữ làm của mình, kết quả là chiêu lấy tai họa tù ngục, thậm chí suýt chút nữa thì mất mạng. Trong cuộc đời này có rất nhiều người vì tiền tài mà khiến gia đình bất hòa, bạn bè thân thích với nhau trở thành thù địch, bao nhiêu những khổ đau đều do bởi tiền tài mà phát sinh.

Nhưng kinh điển Phật giáo cũng có nói, nếu

¹ ‘Hoa báo’ là đối với ‘quả báo’ mà nói, ví như cây cối, từ hạt giống nảy mầm rồi nở hoa kết trái, trước khi cảm đến ‘quả báo’, thì sẽ cảm được ‘hoa báo’. Ở đây nói về ‘hoa báo’ là để chỉ cho việc nhà vua tặng của báu cho bác nông dân. Như hôm nay bác nông dân đối với đức Phật khởi lòng tin thanh tịnh, nên đạt được Sơ quả. Sơ quả là ‘quả báo’, mà trước đó được nhà vua ban thưởng cho của báu là ‘hoa báo’.

đem tiền tài để bố thí làm thiện thì có thể tích lũy tư lương, phước đức để thành Phật. Trong cuộc đời có rất nhiều sự việc đều có hai mặt phải trái, vấn đề là do chúng ta hành động, xử lý thế nào cho phải. Trong *kinh Đại bát niết-bàn* cũng có nói về một ví dụ về hai mặt phải trái của một sự việc. Đó là câu chuyện về “Công Đức Thiên và Hắc Âm Nữ”. Câu chuyện như sau:

Vào một ngày nọ, có một cô gái rất xinh đẹp đoan trang, bước vào căn nhà của một người chủ nọ. Ông chủ nhà hỏi rằng:

- Cô tên gì? Cô tới đây làm gì?

Cô gái xinh đẹp đáp rằng:

- Tôi tên là Công Đức Thiên. Tôi có thể cho mọi người các thứ tiền bạc châu báu, xe ngựa, nô bộc...

Ông chủ nhà nghe như vậy thì vô cùng vui mừng, liền thắp hương, rải hoa cúng dường, cung kính lễ bái. Khi đó, ông lại nhìn thấy ngoài cửa có một cô gái rất xấu xí, quần áo vừa bẩn, vừa rách

nát, ông hỏi:

- Cô tên gì?

Cô gái xấu xí đáp:

- Tôi tên là Hắc Âm Nữ.

Chủ nhà hỏi:

- Vì sao cô tên là Hắc Âm Nữ?

Cô trả lời:

- Những nơi tôi tới, đều khiến cho tất cả các tài sản của báu trong ngôi nhà đó hoàn toàn bị tiêu tán.

Chủ nhà nghe xong, lập tức chạy vào trong, cầm ra một con dao bén ngót, nói với Hắc Âm Nữ:

- Cô mau rời khỏi đây, nếu không tôi sẽ giết cô.

Hắc Âm Nữ nói:

- Ông đúng là người ngu si không có trí huệ.

Chủ nhà hỏi:

- Tại sao cô lại nói tôi là người ngu si không có trí huệ?

Hắc Âm Nữ đáp:

- Người con gái xinh đẹp vừa vào nhà ông là chị gái tôi, chị em tôi cùng vào cùng ra, xưa nay chưa hề rời nhau. Nếu ông đuổi tôi đi, thì chị tôi cũng sẽ ra đi cùng tôi thôi.

Chủ nhà đi vào trong, hỏi Công Đức Thiên:

- Bên ngoài có một người tự xưng là Hắc Âm Nữ, nói là em gái của cô, có đúng vậy không?

Công Đức Thiên đáp:

- Đúng nó là em gái của tôi, chị em tôi đi chung với nhau, chưa bao giờ rời nhau một phút nào. Mỗi khi chúng tôi đi đến đâu, tôi thường tặng của cải cho mọi người, còn em gái tôi thì làm tiêu tán tiền bạc của họ. Nếu ông yêu quý tôi, thì cũng phải yêu quý em gái tôi; nếu ông cung kính tôi, thì cũng nên cung kính em ấy.

Câu chuyện này nói rằng: Tiền tài phú quý trên đời là vô thường, lúc mà Công Đức Thiên tặng cho chúng ta sự phú quý, cũng là lúc Hắc Âm Nữ đến để phá tán chúng. Các bạn đã từng

nhìn thấy một người nào tích chứa tài sản mà chưa từng bị tán thất không? Chắc chắn là không có! Nói theo Phật Pháp, thế gian luôn luôn có hai mặt, tạo bao nhiêu phúc đức thì sẽ nhận được bấy nhiêu phúc báo, đối với tiền tài không nên quá mong cầu; nếu có bị tổn thất cũng không nên quá buồn phiền, bởi vì chúng sớm muộn cũng sẽ bị tiêu tán. Mong mọi người có thể đem tài vật của thế gian này đổi thành pháp tài công đức, đừng để nó mất đi một cách vô nghĩa. Những điều trên đây xin chia sẻ với đại chúng.

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 18.04.2015***

3. TRƯỞNG GIẢ KEO KIỆT THỰC HÀNH NĂM PHÁP BỒ THÍ LỚN

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!
Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 301- 302.

Người đã chứng ngộ chân lý Tứ đế, sẽ không bị thiên ma và các hàng ngoại đạo lừa gạt, mê hoặc, nên chúng ta hãy tinh tấn, dốc lòng tu hành thì nhất định sẽ chứng ngộ chân lý.

Thời Phật tại thế, có một vị cư sĩ tên là Thủ-la vô cùng keo kiệt, bòn sẻn. Ngài Xá-lợi-phất và các đệ tử của đức Phật thường đến nhà ông ta, dùng kệ tụng khai thị cho ông ta, đại ý như sau:

“Ba đường ác giống như biển sâu không thấy đáy; tâm tán loạn giống như nước dơ bẩn, tanh hôi.

Do chúng sanh bị trôi lăn trong dòng sông phiền não tham lam, keo kiệt nên nói dối là không có gì để bố thí (Tâm nhiễm ô giống như dòng nước như bản, cùng với tâm xan tham hợp lại thành dòng sông phiền não. Dòng sông phiền não này sẽ chảy về biển khổ, sâu không thấy đáy). Trong dòng sông lớn của lòng ganh tỵ tật đố, đầy dẫy các loài cá, ba ba, tà kiến độc ác, chìm nổi mãi không dừng nghỉ (Người tà kiến, tật đố, thì sẽ ở trong tam giới, luân hồi sinh tử mãi không dứt). Cần nhổ dẹp gốc bất thiện tham lam keo kiệt, để thành tựu quả báo bố thí. Đức Thế Tôn từ bi, các đệ tử của Ngài là bậc vô úy, quán sát rõ các chúng sinh chìm đắm trong đau khổ, nên các ngài thường suy nghĩ: ‘Chúng ta nên cứu giúp họ’.

Hôm nọ, tôn giả Đại Ca-diếp đắp y, ôm bình bát tới nhà trưởng giả Thủ-la tán thán công đức của việc bố thí. Trưởng giả Thủ-la do không muốn bố thí, nên nghe những lời tán thán đó giống như bị mũi dao nhọn đâm vào tim. Ông ta

bực bội, nói với tôn giả Ca-diếp:

- Ngài được mời tới để nhận cúng dường hay là muốn tới đây khát thực?

Tôn giả đáp:

- Tôi thường lấy việc khát thực để sống.

Thủ-la nói:

- Nếu muốn khát thực, thì ngài nên đến đúng thời điểm.

Tôn giả Ca-diếp đành bỏ đi. Cứ như vậy, đến các vị đại đệ tử của đức Phật như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, đều lần lượt đến nhà Thủ-la khát thực, nhưng ông ta đều chẳng bằng lòng tiếp đãi cúng dường.

Một hôm, đức Thế Tôn đến nhà trưởng giả Thủ-la, Ngài nói với ông ta:

- Bây giờ, ông nên thực hành năm pháp bố thí lớn.

Trưởng giả Thủ-la vừa nghe đức Thế Tôn nói như vậy thì vô cùng phiền não, trong lòng thầm nghĩ: “Việc bố thí chút ít, ta đây còn không muốn

làm, sao lại bảo ta thực hành năm pháp bố thí lớn? Trong giáo pháp của đức Như Lai, lẽ nào không còn pháp môn nào khác ư? Vì sao các đệ tử của đức Phật đã bảo ta phải bố thí, mà bây giờ đức Phật cũng đến dạy ta bố thí?”. Sau khi nghĩ như vậy, ông ta bèn bạch đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Ngay cả bố thí những cái nhỏ nhất, con còn không muốn làm, huống gì muốn con thực hành năm pháp bố thí lớn.

Đức Phật nói với Thủ-la:

- Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, thực hành năm điều thiện hạnh đó chính là thực hành năm pháp bố thí lớn.

Sau khi Thủ-la nghe như vậy thì vô cùng hoan hỷ, trong lòng thầm nghĩ: “Thực hành năm việc đó không tốn của mình một xu! Đối với mình không tổn thất gì cả, lại có thể được danh tiếng là đại bố thí, tại sao không làm nhỉ?”. Nghĩ thế, nên ông ta đối với đức Phật khởi lòng hoan hỷ, cung

kính và tín thọ sâu sắc, lòng nghĩ rằng: “Đức Phật thật đúng là khác với những người khác”. Ông ta bạch đức Phật:

- Ngài là bậc Điều Ngự Trượng Phu, đúng là chân thật không hư dối, ngoài đức Thế Tôn, còn ai có thể giảng giải như Ngài? Còn có ai mà không khởi lòng cung kính và muốn chống đối Ngài chứ?

Tiếp đó, ông ta nói bài kệ, đại ý như sau:

“Tướng hảo của Phật trang nghiêm không ai sánh kịp, biện tài vô ngại thế gian hiếm có, Thế Tôn nói pháp luôn hợp thời cơ, đầy đủ phạm âm thanh tịnh và ngôn từ đẹp đẽ. Pháp do Phật nói chân thật không hư dối, khiến người nghe được lợi ích, chứng đắc thánh quả”.

Nói kệ xong, trưởng giả đối với đức Phật khởi lên tâm vô cùng hoan hỷ, bèn vào trong kho lấy hai cuộn vải mịn muốn cúng dường đức Phật, nhưng rồi ông lại nghĩ rằng hai cuộn nhiều quá, hay chỉ cúng một cuộn là được; lại nghĩ một cuộn

có ít quá không, hay là cúng hai cuộn?

Đức Phật biết trong lòng Thủ-la đang nghĩ gì, bèn nói bài kệ, đại ý như sau:

“Khi bố thí mà lòng do dự không dứt khoát, như hai đội quân giao chiến có lúc thắng lúc thua. ‘Nên bố thí nhiều một chút, hay ít một chút?’, hai điều này, trong lòng một vị nam nhân yếu đuối luôn giằng co không ngừng, nên trong tâm luôn không ngừng tranh đấu, do dự không thôi, đây là điều bậc trí không ngợi khen. Giống như chiến đấu, người dũng mãnh sẽ tiến về phía trước, kẻ yếu đuối sẽ lùi về sau; bố thí cũng như vậy, nếu khi bố thí trong lòng yếu đuối, khởi tâm niệm xan tham ích kỷ, cũng giống như kẻ chiến đấu thua trận thoái lui. Nếu dùng tâm kiên định, đem lòng thanh tịnh, thành tâm bố thí thì giống như trên chiến trận dũng mãnh tiến lên phía trước. Hai việc này, tâm niệm khởi lên và việc làm nên tương đồng nhau”.

Thủ-la nghe đức Phật đọc bài kệ này, lòng

nghĩ rằng: “Đức Như Lai biết ta đang nghĩ gì”. Do đó, ông vô cùng hoan hỷ, từ bỏ tâm keo kiệt bòn sẻn, vui vẻ lấy vải mịn, thành tâm cúng dường đức Phật. Đức Phật biết Thủ-la trong lòng rất hoan hỷ, bèn nói pháp môn khế lý khế cơ cho ông ta nghe, Thủ-la liền phá trừ được hai mươi ức ngã kiến căn bản, chứng được quả Tu-đà-hoàn (Sơ quả).

Khi đó, đức Phật từ tòa ngời đứng dậy để trở về tịnh xá. Thủ-la cung kính tiễn đức Thế Tôn về tận nơi, sau đó, ông mới trở về nhà, trong lòng ông vẫn tràn đầy hỷ lạc.

Ma vương nhìn thấy Thủ-la hết sức vui mừng, bèn nghĩ: “Bây giờ, ta nên đến nhà Thủ-la để phá hoại thiện tâm của ông ta”. Nghĩ xong, ma vương liền hóa thành thân đức Phật với ba mươi tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp đến nhà của Thủ-la. Ma vương nói bài kệ, đại ý như sau:

“Thân thể thanh tịnh như núi vàng, ánh sáng trên đỉnh đầu chiếu rọi rõ, tự tại biến hóa hiển

hiện, bước đi nhẹ nhàng vững chãi như voi chúa, đến nhà của Thủ-la, giống như ánh mặt trời xuyên vào các tầng mây trắng, người nhìn thấy đều không muốn rời mắt, ánh sáng giống như trăm nghìn ánh mặt trời”.

Lúc này, ánh sáng chiếu rọi vào nhà của Thủ-la. Thủ-la cảm thấy quái lạ, nghĩ rằng: “Đây là ai?”. Rồi trưởng giả nói bài kệ, đại ý như sau:

- Giống như vàng ròng chói sáng tràn ngập cả căn nhà của ta, lại giống như ánh mặt trời hiện ra, phóng vô số ánh quang minh khác thường.

Nói kệ xong, Thủ-la rất vui mừng, giống như được nước cam lộ rưới lên thân. Ông lại nói tiếp:

- Ta có phúc đức lớn, đức Như Lai lại đến nhà ta rồi, lại quang lâm tới lần nữa, việc này chẳng phải quá hi hữu sao? Bởi đức Thế Tôn thường vì sự nghiệp từ bi tế độ chúng sinh.

Rồi trưởng giả lại nói bài kệ, đại ý như sau:

“Đầu Ngài như quả Ma-đà, màu da giống như vàng ròng thanh tịnh, có tướng hào quang trắng,

đôi mắt trong suốt, lông mày dài rộng giống hoa sen xanh nở rộ; dùng năng lực thiền định tịch tịnh vô thượng để điều phục thân tâm, hàng phục hết thầy phiền não; bước đi khoan thai nhẹ nhàng tĩnh tại, dung mạo đẹp đẽ thù thắng; quang minh của đức Phật viên mãn chiếu khắp thân thể và xung quanh, đức Như Lai dùng công đức như thế để trang nghiêm thân, dũng mãnh tự xưng: ‘Ta chính thật là đức Phật!’”.

Lúc đó, ma vương với hình dáng vô cùng đẹp đẽ trang nghiêm, hiện ra trước mặt Thủ-la, nói với ông rằng:

- Trước đây, ta có nói ngũ thủ uẩn khổ là do phiền não và nghiệp sinh, tu tập Bát chánh đạo thì có thể diệt trừ được ngũ thủ uẩn, thực ra, đó đều là tà thuyết.

Thủ-la nghe cách nói này thì cảm thấy vô cùng kỳ lạ, ông nghĩ: “Nhìn thì giống đức Phật, nhưng lời nói thì lại khác, lẽ nào mình đang nằm mơ? Hay là do tâm mình khởi lên điên đảo? Nghe

lời ông này nói tràn đầy lòng tham lam, tật đố, đây là kẻ ác nào biến hóa ra hình dáng đức Phật? Giống như giữa một rừng hoa có một con rắn độc. Ta đã quan sát tỉ mỉ, xác định đây đích thị là ác ma. Giống như người bán kim đến chỗ người thợ chế tạo kim muốn rao bán kim vậy. Ác quỷ nhà ngươi! Bây giờ hãy ngoan ngoãn nghe đệ tử Phật ta đây nói cho ngươi nghe một bài kệ”.

Rồi trưởng giả nói bài kệ, đại ý như sau:

“Muốn dùng đôi cánh của thiên nga quạt tung núi Tu-di, còn có thể khiến nó có chút biến động; nhưng muốn khiến cho tâm của một người đã thấy được chân lý mà giao động để nghe theo ngươi là việc tuyệt đối không thể. Ngươi có thể mê hoặc nhục nhãn, nhưng không thể mê hoặc được pháp nhãn. Đức Phật sớm đã biết tình huống này, nên Ngài từng nói: “Nhục nhãn rất thấp kém, không thể phân biệt chân thực hay hư dối, người đã chứng được pháp nhãn thì có thể tận mắt nhìn thấy đức Thế Tôn”. Ta đã chứng được Pháp nhãn

tịnh (tức là Kiến đạo vị), là người đã diệt trừ được kiến hoặc, dù thế nào, ta cũng không bị lời nói của người làm cho dao động, người chỉ uổng công phí sức mà thôi, rốt cuộc cũng không thể làm nhiều loạn tâm ta được, vì ta đã biết rõ người là ác ma. Người đã thấy được Tứ thánh đế, khổ tập diệt đạo, thì dù thế nào cũng không bị dao động. Giống như lấy vàng, mạ lên đồng tiền bằng đồng để gạt bán cho người chuyên mua vàng thật, việc này không thể thành công, bên ngoài nhìn rất giống tiền vàng, bên trong rốt cuộc chỉ là tiền đồng thôi. Lại giống như lấy da của con hổ để phủ lên thân một con lừa, hình dạng bên ngoài dù có thể lừa gạt được mắt thịt, nhưng chỉ cần cất tiếng kêu lên thì sẽ bị người ta nhìn rõ sự giả dối của người.

Lửa có tính nóng, còn có thể khiến lửa nguội lạnh; gió có tính động, còn có thể khiến cho gió dừng lại không động; thậm chí có thể làm cho ánh mặt trời bị che tối, khiến mặt trăng sinh tỏa nhiệt, nhưng không thể nào khiến một người đã giác ngộ

chân lý có ý niệm dao động. Cho dù người khiến cho cỏ cây, núi đá, hươu nai, cầm thú... trong toàn thế giới này biến thành hình tướng đức Phật, cũng không thể lay động được tâm ta, huống gì thân ác ma của người, làm sao có thể lay động ta được?”.

Thủ-la đưa ra rất nhiều ví dụ, mạnh mẽ trách mắng ma vương Ba-tuần, giống như một mãnh tướng xông lên tả xung hữu đột, làm quân địch rất khiếp sợ.

Khi ấy, ma vương cảm thấy rất sợ hãi, vội chạy trốn về thiên cung. Giống như con voi phát hiện đây là chỗ ở của sư tử, ngay lập tức cắm đầu chạy; ma Ba-tuần cũng thế, gặp nơi ở của người đã thấy chân lý, tất cả ma đều không dám ở lại.

Trong *kinh Xuất diệu* cũng có một đoạn kinh có nội dung tương tự, xuất xứ thuộc Đại Chánh tạng quyển 4, trang 754.

Thời xưa, trong thành Xá-vệ có hai trưởng giả, một người tên Tối Thắng, một người tên Nan

Hàng. Hai người này tuy có rất nhiều của báu, voi, ngựa, xe, người hầu, nô tì, thóc gạo, ngũ cốc, nhiều tới mức đếm không xuể, nhưng họ đều là những người tham lam keo kiệt nhất trong thành Xá-vệ.

Nhà của hai ông trưởng giả này xây bảy lớp tường bao. Họ còn ra lệnh cho những người gác cổng không được cho những người ăn xin vào. Hơn nữa, vì sợ chim chóc vào ăn thóc lúa trong kho, nên xung quanh các phòng ốc, họ đều dùng lưới sắt để bao vây che đậy, tường bao đều làm bằng sắt để ngăn ngừa chuột bọ vào cắn hư các đồ vật.

Năm vị đệ tử của đức Phật đến khuyên răn họ, nhưng họ vẫn không chịu nghe lời giáo hóa. Sau đó, đức Phật phải đích thân tới, nói giáo pháp cho họ nghe. Trưởng giả nghe, tuy không có cách nào hiểu thấu, nhưng trong lòng nghĩ rằng: “Dù sao thì đức Phật cũng đã đích thân đến đây, không nên để Ngài ra về tay không, ta nên vào kho lấy một

cuộn vải trắng để cúng dường Ngài”.

Ông ta muốn chọn một miếng vải không tốt lắm trong kho, nhưng không ngờ khi cầm ra, lại trúng phải cuộn vải tốt. Ông bèn bỏ lại và chọn miếng khác, nhưng rồi lại cầm phải một cuộn vải đẹp hơn. Ông ta cứ như vậy, do dự không dứt, chần chừ rất lâu. Lúc này, đúng lúc đội quân của a-tu-la và trời Đao-lợi giao đấu, có lúc quân của trời Đao-lợi thắng, quân của a-tu-la thua; có lúc quân của a-tu-la thắng, quân của trời Đao-lợi thua. Khi đó, đức Phật dùng tha tâm quán sát tâm niệm của trưởng giả, biết tâm tham lam và tâm bố thí của trưởng giả đang giao chiến, do đó, đức Phật nói với trưởng giả bài kệ:

“Khi bố thí mà tâm do dự không dứt khoát, cũng giống như hai đội quân của a-tu-la và trời Đao-lợi giao chiến. Tâm do dự không dứt khoát này, bậc trí không khen ngợi tán dương. Khi bố thí trong lòng giao chiến với do dự: “Nên bố thí vật tốt hay vật không tốt?”, giống như hai đội

quân đang giao chiến vậy”.

Trưởng giả Tới Thắng nghe xong cảm thấy vô cùng xấu hổ, nên ông chọn một miếng vải loại thượng đẳng để cúng dường đức Phật. Trưởng giả Nan Hàng cũng chí thành cúng dường đức Phật năm trăm lượng vàng.

Câu chuyện này đã chỉ ra mấy điểm quan trọng sau:

Đức Phật tán thán: “Trì ngũ giới là năm pháp bố thí lớn”, vì sao? Ví như giữ giới không sát sanh, chẳng phải là hôm nay không sát sanh, ngày mai không sát sanh mà là từ nay trở đi mãi mãi không sát sanh. Cũng không phải nói là: “Tôi không giết con này hay không giết con kia”, mà là từ nay về sau không sát hại bất cứ chúng sanh nào. Hơn nữa, đối với tất cả chúng sanh, kể từ nay cho tới mãi mãi về sau, phải bảo vệ mạng sống cho chúng, khiến chúng không còn cảm giác bị uy hiếp, sợ hãi.

Không trộm cắp cũng vậy, đối với tài sản của

tất cả chúng sanh, chúng ta cho họ sự an toàn, bảo đảm không bị xâm hại, khiến cho hết thấy chúng sanh vĩnh viễn không có cảm giác sợ hãi bạn. Chúng ta khắc chế lòng tham của bản thân như vậy, thì ở bất cứ đâu cũng lo nghĩ cho người khác để giữ giới, chính là năm pháp bố thí lớn vậy.

Chúng ta trì giới cũng không nên cho rằng cái này không được làm, cái kia không được làm, khiến bản thân gò bó, không được thoải mái, không nên nghĩ như vậy. Nếu chúng ta khởi suy nghĩ, thì nên nghĩ như thế này: “Do chúng ta giữ giới, nên có thể khiến cho hết thấy các chúng sanh được an ổn, không còn sợ hãi”. Như vậy, mọi lúc đều lo lắng cho tất cả chúng sanh, thì chúng ta sẽ nuôi lớn được lòng từ bi, đồng thời, phước đức cũng được tăng trưởng.

Ngoài ra, có nhiều người làm việc thiện thường hay do dự không dứt khoát. Việc này, nên thực hành giống như lời của bồ-tát Long Thọ dạy trong trong *Luận thập trụ Ti-bà-sa*: “Điều thiện

chưa sinh nên mau chóng làm sinh khởi giống như mài cây lấy lửa”. Chúng ta mài cây lấy lửa, phải mài liên tục không ngắt. Cũng vậy, muốn dứt trừ điều ác cũng phải dứt khoát không nên chần chừ lẩn lữa, nếu nhỏ cỏ mà không nhổ tận gốc, thì chỉ cần gió xuân thổi nhẹ, mưa xuân tưới qua, cỏ lại mọc lên.

Ngoài ra, đối với người kiến đạo thì dù ma có hóa thành thân Phật, nói rằng: “Ta trước đây đều lừa gạt ông, khổ tập diệt đạo đều là tà thuyết”, nghe như vậy, người kiến đạo cũng không bị dao động.

Xin chia sẻ với đại chúng như vậy.

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 10.01.2015***

4. VÌ CỨU CON NGỒNG DÙ THÂN CHỊU KHỔ VẤN KHÔNG PHẠM GIỚI

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!
Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện Phật giáo, được trích trong *kinh Đại trang nghiêm luận*, thuộc Đại Chánh tạng quyển 4, trang 319- 321.

Câu chuyện này có thể mọi người đã nghe, nhưng chúng ta hãy nghe lại một lần nữa để cùng tư duy về ý pháp trong kinh, giữ gìn giới luật, thà bỏ tính mạng cũng không phạm.

Ngày xưa, có một thầy ti-kheo đi khất thực theo thứ lớp, khi đi tới nhà một người thợ làm nghề xâu chuỗi ngọc, thầy đứng đợi trước sân. Lúc đó, người thợ này đang xâu cho nhà vua một chuỗi ngọc, trong đó có viên ngọc báu ma-ni rất quý có màu đỏ thẫm, màu sắc trên ca-sa của thầy

tì-kheo phản chiếu lên viên ngọc báu ma-ni, khiến nó hiện lên màu đỏ thắm rất đẹp. Người thợ xâu ngọc nhìn thấy thầy ò-kheo đi khát thực, ông liền vùi để viên ngọc sang một bên, rồi vào nhà để lấy chút ít đồ ăn cúng dường cho thầy. Lúc đó, có một con ngỗng nhìn thấy viên ngọc ánh lên màu đỏ thắm, hình dáng giống như cục thịt, nó liền nhanh như chớp, mổ viên ngọc nuốt vào bụng. Chủ nhà đem đồ ăn ra dâng cúng cho thầy ò-kheo, sau đó tìm viên ngọc, nhưng tìm mãi mà không thấy, trong khi chỉ có một mình thầy ò-kheo đang đứng đó mà thôi. Do viên ngọc này là tài sản của nhà vua, vô cùng quý giá, ông thợ xâu ngọc lại rất nghèo khó, làm mất của báu của nhà vua, ắt phải mất mạng. Ông vô cùng lo lắng, nói với thầy ò-kheo:

- Xin thầy hãy trả viên ngọc lại cho tôi!

Lúc bấy giờ, thầy ò-kheo nghĩ: “Viên ngọc đã bị con ngỗng nuốt vào bụng, nếu ta nói thật với ông thợ xâu ngọc, ông ấy nhất định sẽ giết nó để

lấy lại viên ngọc. Thật là khó xử, ta phải dùng cách nào để tránh khỏi tai họa này đây?”. Do đó, thầy ti-kheo nói bài kệ, đại ý như sau:

“Ta muốn bảo vệ mạng sống cho con ngỗng này, thân thể ta sẽ phải chịu nhiều đau đớn, nhưng trước mắt chẳng có cách nào tốt hơn, nên bắt đắc dĩ chỉ biết dùng tính mạng này để chịu thay nó. Nếu ta nói với ông thợ xâu ngọc, là con ngỗng đã nuốt ngọc quý vào trong bụng, ông ta chưa chắc đã tin, lại có thể giết hại con ngỗng. Rốt cuộc phải dùng phương pháp nào để ta có thể an toàn ra đi mà không làm hại tới con ngỗng? Nếu nói là do người khác lấy viên ngọc đi, thì đó là nói dối, lời như vậy cũng không thể nói ra, dù cho mình chưa từng có lỗi cũng không nên nói lời dối trá.

Ta có nghe trong pháp của bà-la-môn, vì bảo vệ tính mạng có thể nói dối. Nhưng ta cũng từng nghe thánh nhân xưa có dạy: ‘Thà bỏ thân mạng chứ tuyệt đối không nói dối’. Đức Phật từng dạy, nếu bị kẻ cướp, hoặc bị người ác cắt xẻ thân thể,

dù gặp phải cảnh khổ như thế, cũng tuyệt đối không được hủy hoại giới pháp. Tuy nói dối có thể may mắn sống sót, nhưng ta không nên làm như vậy, thà nhất tâm giữ giới mà bỏ sinh mạng. Nếu ta nói dối, các bạn đồng hạnh thanh tịnh sẽ chê cười ta phá giới, sự cười chê này tuy không nghiêm trọng nhưng có thể làm đau nhói và thiêu đốt tâm ta. Vì vậy, ta không nên hủy hoại giới pháp khiến phải rơi vào trong biển khổ. Giờ đây, ta nên học tập giống như thiên nga uống sữa, có thể uống hết sữa tươi mà để lại nước lã; bây giờ ta cũng nên làm như vậy, bỏ hết ác hạnh mà lấy thiện hạnh. Trong kinh có nói: ‘Kẻ trí tuy cùng làm việc với phàm phu ngu muội, nhưng tuyệt đối không thuận theo ác hạnh ngu si của phàm phu. Người thiện khéo bỏ ác hạnh, giống như con ngỗng chỉ uống sữa tươi không khác’. Ta hôm nay nguyện bỏ thân mạng để bảo vệ tính mạng của con ngỗng, vì nhân duyên lành trì giới, mong sau này có thể thành tựu đạo giải thoát”.

Lúc bấy giờ, người chủ nhà nghe vị tì-kheo nói bài kệ như vậy, nhưng vẫn nằng nặc:

- Mau trả lại ngọc báu cho tôi, nếu không trả thì thầy phải chịu khổ thôi, tôi không tha cho thầy đâu.

Thầy tì-kheo đáp:

- Ai lấy châu báu của ông?

Rồi thầy trầm tư im lặng không nói gì.

Chủ nhà chất vấn:

- Ở đây đâu có ai khác ngoài thầy, còn ai có thể lấy trộm viên ngọc nữa chứ?

Rồi ông thợ xâu ngọc liền khóa cửa lại, dọa thầy tì-kheo:

- Bây giờ, thầy cứ ở đây mà ngoan cố đi!

Thầy tì-kheo nhìn bốn phía, không có gì che chở, giống như một con lừa bị rơi xuống cạm bẫy đầy gai góc, không biết đi đâu về đâu, thầy cũng vậy, không có bất cứ ai có thể cứu giúp. Khi đó, thầy bèn thu nhiếp thân tâm, chỉnh sửa y áo chỉnh tề. Ông chủ nhà thấy vậy liền hỏi:

- Lẽ nào bây giờ thầy muốn quyết đấu với tôi sao?

Thầy tì-kheo đáp:

- Tôi không quyết đấu gì với ông cả, tôi chỉ quyết đấu với giấc phiền não thôi, vì sao? Vì tôi sợ khi bị ông đánh, thân thể lộ ra, y phục không được trang nghiêm tề chỉnh. Sa-môn chúng tôi dù gặp phải cảnh khó khăn, lúc mệnh chung vẫn lấy ca-sa để che thân, không để lộ thân thể.

Thầy lại nói một bài kệ đại ý như sau:

“Đức Thế Tôn đầy đủ tâm tầm quý, con giờ phút này cũng xin học theo Ngài, dù cho mạng chung cũng tuyệt đối không để lộ thân thể”.

Ông chủ nhà nói với thầy tì-kheo:

- Làm gì có ai mà không yêu quý thân mạng?

Thầy tì-kheo đáp:

- Trong pháp xuất gia của chúng tôi, cho đến khi chứng ngộ giải thoát, luôn bảo vệ thân mạng, dù trong hoàn cảnh gian nan nguy hiểm, cũng cố gắng bảo toàn tính mạng. Nhưng hôm nay, tôi

quyết định xả bỏ thân này, để được tăng đoàn đều tán thán tiếng thơm của tôi.

Rồi thầy òi-kheo nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Khi tôi xả bỏ thân mạng, giống như cành cây khô rơi xuống đất, không hề có chút nuối tiếc. Tôi sẽ khiến mọi người khen ngợi, do tôi đã vì con ngỗng mà có thể bỏ thân; cũng khiến sau này nếu ai có buồn phiền đau khổ, cũng có thể bỏ thân này; khiến những người nghe thấy có thể khởi tâm tinh tấn, tu hành đạo giải thoát, kiên trì giữ gìn giới pháp; khiến những người đã từng hủy phạm giới luật, cũng phát nguyện vui về trì giới”.

Lúc đó, ông thợ xâu ngọc nói:

- Những lời ông vừa nói quá giả dối, ông còn mong muốn được mọi người ngợi khen hay sao?

Thầy òi-kheo đáp:

- Ông nghĩ rằng tôi đang đắp ca-sa trên thân mà giả dối, không thật được sao? Vì sao có thể được tiếng tốt? Chẳng phải vì nịnh nọt hòa theo người khác, mà là do bản thân hoan hỷ với việc

thiện; cũng không phải vì muốn người khác khen ngợi tôi, mà chỉ mong đức Thế Tôn hiểu được tâm lòng chân thành của tôi.

Sau đó, thầy nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Đệ tử của đức Phật vì giữ gìn giới luật, có thể xả bỏ tính mệnh khó bỏ, có thể khiến cho những người ở thế gian đối với những bậc tu hành sinh khởi ý nghĩ hy hữu khó được. Cho dù bây giờ chưa sinh khởi ý niệm hy hữu khó được, thì sau này nhất định cũng sẽ sinh khởi”.

Lúc đó, ông thợ xâu ngọc trối thầy lại, dùng gậy đánh thầy một trận toi tả, rồi lại tra hỏi:

- Ngọc quý ở đâu? Mau trả lại cho tôi!

Thầy đáp:

- Tôi không lấy ngọc của ông!

Ông thợ xâu ngọc khóc than thảm thiết, trong lòng vô cùng bức rứt, phần vì phải đánh vị ti-kheo, phần vì đã làm mất ngọc báu của nhà vua, nên cảm thấy rất buồn rầu đau khổ, bèn nói bài kệ:

“Ôi! Đều là do sự nghèo khổ hại người, tôi

biết rõ nghiệp thiện ác, nên sinh khởi lòng hối hận, phiền não. Bởi quá khứ tôi làm ít nghiệp thiện, lại tạo lắm nghiệp ác, nên mới dẫn tới sự nghèo khổ hôm nay. Do nghèo khổ nên không thể bồi thường được ngọc quý cho nhà vua, trong tình thế nóng vội đã đánh thầy òi-kheo. Tôi cũng biết đánh một vị òi-kheo là tạo ác nghiệp, sau này sẽ phải chịu nhiều đau khổ hơn, nghĩ lại càng cảm thấy đau khổ, hối hận. Đều là do cái nghèo hại người, do nghèo cùng, lại tạo ác nghiệp đánh thầy òi-kheo”.

Bởi thế, ông thợ xâu ngọc khóc lóc quỳ dưới chân thầy òi-kheo, đánh lễ và nói:

- Xin thầy hãy ban tặng niềm vui cho tôi, xin hãy trả ngọc quý lại cho tôi. Thầy đừng tự tìm đau khổ, cũng đừng khiến tôi khổ sở.

Thầy òi-kheo đáp:

- Thật sự là tôi không lấy.

Người thợ xâu ngọc lại nổi giận:

- Thầy này thật là ngoan cố, đã bị đánh đau đớn như vậy mà còn không chịu nhận tội lấy cắp!

Do ông thợ xâu ngọc bị cái nghèo dồn ép, tìm không thấy viên ngọc, càng nghĩ càng nổi giận, nên lại tiếp tục đánh đập thầy tì-kheo. Lúc bấy giờ, hai tay và cổ của thầy tì-kheo đều bị trói chặt, nhìn bốn phía không thể cầu cứu ai, đành vô vọng đợi chết. Vị tì-kheo suy nghĩ: “Sống hay chết cũng đều khổ như nhau, phải tiếp tục kiên trì, không nên trái với giới luật. Nếu ta hủy phạm tịnh giới, sau này sẽ chịu tội báo nơi địa ngục, còn khổ hơn bây giờ rất nhiều lần”.

Thầy bèn nói bài kệ, đại ý như sau:

“Nên nhớ nghĩ đến đức Phật, đức Phật lấy Nhất thiết trí và tâm đại bi làm thể, là bậc Ân sư mà ta tôn trọng, nên thường xuyên ghi nhớ những lời chỉ dạy của Ngài. Ngoài ra, cũng nên nhớ nghĩ tới các vị tiên nhân nhẫn nhục ngày trước tu khổ hạnh trong rừng, dù bị cắt tay chân, gọt tai mũi... cũng không khởi tâm sân giận. Tì-kheo phải luôn nhớ nghĩ, như trong kinh đức Phật thường dạy các tì-kheo: ‘Dù có bị kẻ ác dùng cưa cắt xẻ thân thể,

tay chân v.v., cũng không nên sinh khởi ác tâm, nên một lòng nhớ Phật, nên nhớ việc xuất gia và các giới pháp mà đức Phật đã chế định'. Ta đời quá khứ vì dâm dục, trộm cắp mà mất đi sinh mạng, biết bao nhiêu đời kiếp đọa làm thân dê, nai, hoặc đọa vào lục súc mà mất mạng cũng không thể tính đếm, chỉ toàn chịu khổ, không được lợi ích gì. Hôm nay, ta vì giữ gìn tịnh giới mà xả bỏ thân mạng, còn hơn những người vì muốn an phận mà hủy phạm giới hạnh. Cho dù ta muốn bảo vệ tính mạng, nhưng cuối cùng thân này cũng tan hoại, chẳng bằng cứ trì giới thanh tịnh, bảo vệ tính mạng cho chúng sinh, xả bỏ thân xác giả tạm mỏng manh này để tìm cầu huệ mạng giải thoát. Tuy đều là xả bỏ thân mạng, nhưng một bên là đầy đủ công đức, một bên thì chẳng được gì. Người trí bảo vệ tính mạng chúng sinh, bản thân được tiếng thơm, đầy đủ các công đức. Người ngu chỉ yêu mến bản thân, nhưng cuối cùng cũng mất mạng, lại không được gì".

Lúc bấy giờ, thầy òi-kheo nói với ông thợ xâu ngọc rằng:

- Dù thế nào cũng đừng xả bỏ tâm từ bi, nếu không có tâm từ bi thì sẽ chiêu cảm lấy đau khổ vô cùng.

Người thợ xâu ngọc khóc lóc thảm thiết, vô cùng sầu não, nói bài kệ rằng:

“Tôi tuy đánh thầy, nhưng thực sự tôi vô cùng khổ tâm, chỉ cần nghĩ tới việc quốc vương sẽ dùng cực hình tra hỏi tôi viên ngọc quý, là tôi lại muốn trừng phạt thầy nặng nề thêm. Mong thầy hãy đưa viên ngọc báu ra, như vậy thầy sẽ tránh khỏi được bao nhiêu đau khổ, cũng khiến tôi tránh được nghiệp ác. Thầy là người xuất gia, nên đoạn trừ tham dục, xả bỏ tâm tham, mau đưa ngọc quý cho tôi”.

Thầy òi-kheo mỉm cười, nói bài kệ:

“Tôi tuy vẫn còn tâm tham, nhưng cũng không hề tham luyến viên ngọc quý đó. Ông bình tĩnh nghe tôi nói, tôi bây giờ chỉ yêu thích danh tiếng

mà người trí huệ khen ngợi tán thán, cũng yêu thích trì cấm giới, và cả pháp giải thoát, tôi yêu thích nhất không gì ngoài phương pháp giải thoát. Đối với viên ngọc quý của ông, tôi thực sự không có chút tâm ưa thích nào. Tôi đắp y phần tảo, lấy việc khát thực để sống, nghỉ dưới gốc cây, như vậy tôi đã rất hài lòng rồi. Rốt cuộc là do đâu mà bị ông cho là kẻ trộm, ông hãy bình tĩnh suy xét, quan sát”.

Ông thợ xâu ngọc nói với thầy ti-kheo:

- Thầy nói nhiều lời vô ích như vậy làm gì?

Ông ta lại trói thầy chặt hơn và đánh đập tàn nhẫn hơn, còn dùng dây thừng ra sức lôi kéo, khiến cho tai, mắt, miệng, mũi của thầy đều chảy máu. Lúc đó, con ngỗng thấy vậy chạy lại ăn máu tươi, ông thợ xâu ngọc sẵn đang tức giận, phang một gậy đập chết con ngỗng.

Thầy ti-kheo vội hỏi:

- Con ngỗng còn sống hay đã chết?

Người thợ xâu ngọc nhiên:

- Con ngỗng này sống hay chết, có đáng để thầy hỏi không?

Thầy tì-kheo đến bên con ngỗng, nhìn thấy nó đã chết, thầy vô cùng thương xót, bất giác rơi lệ, rồi thầy nói bài kệ, đại ý như sau:

“Tôi chịu biết bao đau đớn, chỉ mong có thể giúp cho con ngỗng này được sống, nhưng giờ này tôi còn chưa mất mạng thì nó đã chết trước mặt tôi. Ta muốn bảo vệ mạng sống cho nhà ngươi, chịu biết bao nhiêu đau đớn, vì sao ngươi lại chết trước ta? Khiến cho thiện nghiệp của ta không được thành tựu?”.

Người thợ xâu ngọc hỏi:

- Con ngỗng này và thầy có quan hệ gì đặc biệt? Vì sao thầy lại đau khổ buồn rầu như vậy?

Thầy tì-kheo trả lời:

- Bởi vì nó không làm thỏa mãn tâm nguyện của tôi, nên tôi buồn rầu không vui. Trước đó, tôi phát nguyện sẽ lấy tính mạng mình đổi cho con ngỗng, bây giờ nó chết rồi, tâm nguyện của tôi

không thể thực hiện được nữa.

Thợ xâu ngọc hỏi:

- Thầy muốn phát nguyện như thế nào?

Thầy tì-kheo đáp:

- Khi đức Phật tu bồ-tát đạo, Ngài vì chúng sanh, nên dù có bị cắt chân tay cũng không tiếc thân mạng, tôi muốn học theo hạnh của đức Phật.

Rồi thầy nói bài kệ, đại ý như sau:

“Bồ-tát xưa kia bỏ thân mạng để đổi lấy mạng sống cho con bồ câu. Tôi cũng muốn noi theo Ngài, nguyện bỏ tính mạng mình để cứu con ngỗng cho nó được bảo toàn tính mạng. Tôi dùng tâm thù thắng nhất để mong giữ vẹn tính mạng cho con ngỗng, nhưng nay ông đã giết chết nó rồi, nên tâm nguyện của tôi cũng không thể toàn vẹn được”.

Người thợ xâu ngọc hỏi:

- Thầy nói những lời này, tôi nghe vẫn không hiểu, thầy mau nói rõ cho tôi nghe.

Thầy tì-kheo bèn nói bài kệ, đại ý như sau:

“Tôi đắp áo cà-sa đỏ, sắc áo chiếu lên viên ngọc báu ma-ni, nhìn viên ngọc giống như miếng thịt, con ngỗng tưởng viên ngọc báu là thịt, bèn chạy tới nuốt vào bụng. Tôi chịu đánh đập khổ não, chỉ vì muốn bảo vệ cho nó, tất cả những bức bách đó tuy rất đau đớn, nhưng chỉ mong con ngỗng sẽ được sống. Đối với tất cả chúng sanh ở đời, đức Phật đều coi như con đẻ, dù cho chúng sanh đó không có chút công đức nào, đức Phật cũng thương yêu. Đức Phật là Ân sư của tôi, nào có làm tổn thương chúng sanh bao giờ? Tôi là đệ tử của Ngài, sao có thể làm tổn thương tới chúng sanh?”.

Người thợ xâu ngọc nghe thầy từ-kheo nói như vậy, ông ta vội lấy dao mổ bụng con ngỗng, tìm thấy viên ngọc quý, ông liền lớn tiếng gào khóc, nói với thầy từ-kheo:

- Thầy vì bảo vệ tính mạng cho con ngỗng mà không tiếc tính mạng của mình, nhưng sao lại khiến cho con làm việc phi pháp như vậy?

Sau đó, ông nói bài kệ:

“Thầy âm thầm làm việc công đức, giống như lấy vật che chắn ngọn lửa; con do bởi ngu si, bị ngọn lửa ngu si thiêu đốt, khổ đau mấy trăm kiếp. Thầy lấy đức Phật làm tấm gương, biểu hiện đặc trưng của Ngài, để làm việc thiện vô cùng tương ứng, còn con vì ngu si, không khéo quan sát mà bị ngọn lửa ngu si thiêu đốt. Mong thầy tạm dừng bước, chấp nhận sự sám hối của con, giống như người bị ngã nhào trên mặt đất, cần được người khác đỡ đứng dậy; xin ngài hãy đợi một chút, xin hãy tiếp nhận đồ cúng dường đạm bạc của con.

Rồi người thợ khâu ngọc lại chấp tay nói bài kệ, đại ý rằng:

“Con xin quy y thầy, người có giới hạnh thanh tịnh, người trì giới kiên cố, dù có gặp khổ nạn lớn thế nào cũng không hủy hoại hay tổn thất giới hạnh. Nếu người trì giới không gặp phải thử nghiệm như thế này, thì sao gọi là hiếm có khó gặp trên đời. Người gặp phải cảnh khổ nạn như

vậy, mà vẫn có thể nghiêm trì giới luật, mới được khen ngợi là quý giá. Vì để cứu tính mạng cho con ngỗng, bản thân mình nguyện chịu khổ đau, không trái giới luật, đúng thật là hiếm có!”.

Ông thợ xâu ngọc sau khi sám hối xong, vội cỡi trời cho thầy tì-kheo để thầy về.

Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta:

Người đời thì chỉ mền tiếc thân mạng, nhưng thầy tì-kheo này thì yêu mền huệ mạng hơn. Hơn nữa, lòng từ bi của thầy vô cùng sâu nặng, luôn giữ gìn giới hạnh thanh tịnh. Để bảo vệ tính mạng cho con ngỗng, thầy đã nguyện hy sinh cả tính mạng của mình, nhẫn chịu biết bao đòn roi đau đớn, đúng là có thể nhẫn chịu những điều khó nhẫn.

Nếu bình thường, người trì giới mà không gặp phải bất cứ sự thử thách nào thì không thể nói là hiếm có khó gặp. Khi gặp phải đủ thứ khổ nạn, đối mặt với sự nguy hiểm, ảnh hưởng tới tính mạng mà vẫn có thể giữ gìn giới hạnh nghiêm

ngặt, đó mới thật sự là hiếm có, là đáng quý vậy.

Bậc có trí huệ vì bảo vệ sự sống cho chúng sanh, sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình, sự hy sinh này sẽ đạt được rất nhiều công đức; còn người ngu chỉ yêu mến bản thân mình, nhưng dù yêu mến thế nào thì cuối cùng cũng vẫn phải chết, mà kết quả lại không được gì.

Câu chuyện này còn nhắc nhở chúng ta, bất luận thế nào cũng không nên mặc tình đổ tội cho người khác, bởi vì, nếu bị lửa thế gian thiêu đốt, sự đau đớn của vết bỏng đó chỉ có ở thân này, trong một đời này mà thôi; còn nếu bị lửa vô minh, ngu si thiêu đốt, thì sự đau đớn mà chúng ta phải chịu là vô lượng kiếp.

Xin được chia sẻ với đại chúng như vậy, để mọi người cùng cố gắng tu tập.

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 05.02.2015***

5. ĐỨC PHẬT KHÉO ĐỘ THẦY TỠ-KHEO TRẺ BỊ MÊ TÌNH LÀM LOẠN Ý

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!
Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một truyện cổ Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Pháp cú thí dụ*, phẩm ‘Sa-môn’, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 604.

Khi đức Phật còn tại thế, có một thời, Ngài trú tại tinh xá ở nước Xá-vệ, vì hàng trời, rồng, quỷ thần, quốc vương và người dân trong nước mà nói pháp.

Lúc ấy, có vị tỳ-kheo trẻ tuổi, sáng sớm đắp y, chống tích trượng và mang bát đi vào thôn xóm để khất thực.

Bên đường, có một khu vườn chuyên kinh doanh hoa quả của quốc gia, bên ngoài trồng các loại nông nghiệp như kê, lúa... Bên trong, ở

những lùm cỏ ven khu đất, có gắn những bẫy bắn tên tự động, một khi có gia súc, dã thú hoặc kẻ trộm đến lén trộm thực phẩm, hoặc đến phá hoại, nếu vô ý chạm vào bẫy, bẫy này sẽ tự khởi động chốt bắn tên ra. Nên bất kể là người hay súc sanh, khi vào trong vườn thường hay bị trúng tên mà chết.

Trong vườn, chỉ có duy nhất một cô gái tuổi còn rất trẻ, xinh đẹp tuyệt trần, cô ở trong đó trông coi vườn rau. Nếu ai muốn vào trong vườn, cần phải từ xa kêu lớn, ra hiệu cho cô gái biết trước, cô sẽ hướng dẫn lối vào an toàn thì mới bình an vô sự để vào trong; nếu ai không biết, thì chắc chắn sẽ bị tên bắn chết.

Vì chỉ một mình ở lại quản lý cả khu vườn, nên cô gái này thường ngâm nga những khúc nhạc thật lâm ly để bầu bạn. Mỗi khi âm thanh trong trẻo của cô cất lên, là khiến cho trái tim của biết bao người rung động. Nghe giọng hát của cô, chẳng ai mà không lập tức dừng ngựa, xuống xe,

đậu xe gần đó, ngập ngừng đi tới rồi lại bước lui, rón rén đến nhìn trộm, rất muốn vào trong ngắm cô gái; hoặc dừng lại quanh quẩn ở đó, không muốn dời bước. Hầu hết những người qua đường đều bị giọng oanh vàng của cô gái thu hút.

Lúc ấy, thầy ti-kheo trẻ tuổi khất thực xong, trên đường trở về tinh xá, khi đến đoạn đường ấy, vừa nghe được tiếng ca du dương của cô gái, thầy bèn nghiêng tai lắng nghe. Lập tức cả năm căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân (hoặc năm loại tình cảm: hỷ, nộ, ái, lạc, oán) của thầy liền bị âm thanh của cô làm chấn động, tâm phóng dật khởi lên; tâm mê hoặc, ý rối loạn, tham luyến không ngăn được. Thầy cứ vẩn vơ suy nghĩ, hình dung về tướng mạo của cô gái, thâm nghĩ đây hẳn là một người rất yêu kiều. Khắc họa cô gái trong tâm trí xong, thầy liền bám theo tâm hoang tưởng muốn đi gặp cô, muốn được nói chuyện với cô, nên cứ hướng thẳng về vườn rau mà bước. Đi chưa được nửa đoạn đường, thì tâm thần thầy càng mê mẩn, tích

tượng cầm trên tay không còn giữ vững, y đắp trên thân cũng rớt xuống, đến bình bát ôm trên tay cũng vứt bỏ, thầy đã không còn tự chủ được nữa.

Lúc ấy, đức Phật dùng túc minh thông, thiên nhãn minh, lậu tận minh..., quán sát thầy tì-kheo trẻ, Ngài biết, chỉ cần thầy này tiến thêm vài bước nữa, lập tức sẽ bị cung tên bắn chết. Vị thầy này phước đức đã tích lũy đủ, hoàn toàn có khả năng chứng quả, thế nhưng, giờ đây vì ngu si mê hoặc nên bị tham dục che lấp. Đức Phật vì thương xót thầy tì-kheo trẻ tuổi khờ dại, nên muốn đến độ thầy, giúp thầy được chứng đắc giải thoát. Ngài hiện thân cư sĩ, đến bên cạnh nói bài kệ quở trách thầy, nội dung như sau:

“Này thầy tì-kheo, thầy muốn đi đâu? Tại sao thầy không khắc phục tâm ý, lại để cho phóng túng như thế? Mỗi một bước đi, tự mình cứ bám sát phiền não, rồi bước theo tâm tán loạn như thế?

Thầy tuy đang khoát ca-sa trên thân, nhưng niệm ác và tập khí xấu không từ bỏ! Thầy nên biết

rằng, người gây tạo nghiệp xấu, nhất định sẽ sa đọa vào đường ác!

Nên chặn đứng vọng tưởng phân biệt, cần hết lòng bảo hộ, tịnh hóa tâm niệm của mình, phải buông tham dục xuống; nếu ai không từ bỏ được tham dục, tự làm theo ý mình, cố chấp chỉ biết làm theo quán tính, thì sẽ bị tham dục lôi kéo đến ác đạo.

Cần phải thực hành tự giác! Phải hết lòng tự mình khắc chế. Thầy tuy đã xuất gia, tại sao lại còn lười biếng, tự phóng túng tâm ý, lại còn tham trước pháp nhiệm ô như thế?

Tu hành nếu còn biếng nhác, không chăm chỉ, thì khó đánh bại sức mạnh của cám dỗ, mê hoặc. Thầy tu hành không thanh tịnh như thế, thì làm sao đạt được pháp bảo thượng diệu?

Tự mình không điều phục, lại không nghiêm trì giới luật, thì chẳng khác nào cây khô trước gió, không biết sẽ bị quật đổ lúc nào; thân người khó được, Phật pháp khó nghe, vì sự nghiệp tu đạo của

mình, tại sao thầy lại không nỗ lực tinh tấn?”.

Đức Phật nói xong đoạn kệ rồi, Ngài liền hiện thân trở lại với tướng hảo trang nghiêm, soi sáng khắp trời đất, ai được nhìn thấy đều từ bỏ được mê hoặc, lập tức biến mất tâm tán loạn, người người đều hoan hỷ.

Thầy tì-kheo nhìn thấy đức Phật, tâm ý đột nhiên bừng sáng, chẳng khác nào trong bóng tối gặp được ánh sáng. Thầy lập tức gieo năm vóc sát đất, đánh lễ đức Phật, cúi xin sám hối lỗi lầm của mình đã tạo, rồi tạ ân đức Phật. Vì đã hiểu rõ được chỉ quán, ngay lúc ấy, thầy chứng đắc a-la-hán, sau đó, thầy cùng đức Phật trở về tinh xá.

Nghe được sự việc này, có vô số người đều chứng đắc pháp nhãn tịnh (trong kinh điển của thanh văn nói pháp nhãn tịnh, gần giống như huệ nhãn của thanh văn, cũng chính là hướng sơ quả).

Câu chuyện này muốn nhắc nhở chúng ta:

Tham dục sẽ dẫn chúng ta từng bước, từng

bước đi về chiều hướng của ác đạo. Chúng ta cần phải giữ gìn cẩn thận các căn, trong mọi lúc mọi nơi, giữ cho tâm chúng ta được thanh tịnh. Nếu sanh tâm phóng túng, sẽ rơi vào ác đạo nguy hiểm. Một khi bị tham dục mê hoặc, thì tự mình không cách nào khắc chế được tâm ý loạn tưởng. Cho nên, lúc bình thường, chúng ta cần phải tập thói quen phòng hộ sáu căn; hơn nữa, ngoài việc thọ trì “luật nghi giới”, cũng phải để tâm chú ý đến “luật nghi căn.”

Trong Phật pháp có ba loại tăng thượng học, đó là Giới tăng thượng học, Định tăng thượng học và Huệ tăng thượng học. Tại sao gọi là tăng thượng?

Chúng ta trì giới, hành trì miên mật để đạt định. Nếu chúng ta có định, nhưng chỉ dừng lại ở định, chấp trước sự hỷ lạc của thiền định, như thế vẫn chưa đủ, mà cần làm cho định lực ngày một tăng trưởng, cho đến lúc đạt được trí huệ vô lậu, như thế mới gọi là định tăng thượng học.

Huệ tăng thượng học bao hàm trí huệ cộng tướng và trí huệ biệt tướng.

Trí huệ cộng tướng: Ví dụ như Tam pháp ấn - chư hành vô thường, chư pháp vô ngã, niết-bàn tịch tịnh - tức là thông tất cả các tướng.

Trí huệ biệt tướng: Tức là hiểu biết tính khác biệt của các vật như đất, nước, lửa, gió, biết được tính của chúng là cứng, ẩm, nóng hay động. Nhưng nếu chỉ có trí huệ biệt tướng, vẫn chưa đủ khả năng đoạn trừ phiền não để đạt được giải thoát.

Theo lời giáo huấn của đức Phật, trí huệ của chúng ta cần thông đạt các pháp cộng tướng. Cộng tướng quan trọng nhất chính là thông hiểu được các hành vô thường, tất cả các pháp cũng đều vô thường. Danh từ ‘hành’ trong “các hành” được nói ở đây là chỉ cho pháp hữu vi, vì tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, đây chính là điểm trọng yếu của cộng tướng. Chúng ta thông đạt cộng tướng, có trí huệ thì mới có thể tiến tới đạt

được giải thoát, loại trí huệ này được gọi là tăng thượng học.

Như thế, cần đầy đủ giới tăng thượng học, định tăng thượng học và huệ tăng thượng học thì mới chứng đắc giải thoát.

Sau khi chứng đắc giải thoát, mới đi đến giải thoát tri kiến, cũng chính là ngũ phần pháp thân - giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Cho nên, chúng ta đối với phương diện giới học, ngoài việc hành trì không để phạm phải những điều đã được đức Phật chế định, cũng phải hết sức cẩn thận phòng hộ các căn; chỉ có căn luật nghi mới điều phục được các phiền não vi tế, lúc ấy, mới có thể tiến lên đạt được thiền định.

Chúng ta cùng nhau tinh tấn.

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 06.12.2014***

6. TRỮ CHÂU BÁU NHƯ NÚI KHÔNG BẰNG GẶP ĐƯỢC ĐẠO

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!
Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích trong *kinh Pháp cú thí dụ*, phẩm ‘Thế tục’, thuộc Đại Chánh tạng quyển 4, trang 594.

Thời quá khứ, có một vị quốc vương Bà-la-môn tên là Đa-vị-tả, vị quốc vương này tin thờ chín mươi sáu phái ngoại đạo.

Có một hôm, quốc vương đột nhiên phát thiện tâm muốn thực hành bố thí rộng lớn. Lúc bấy giờ, vua y theo pháp của Bà-la-môn, đem bảy báu chất thành đống cao như núi để bố thí cho mọi người. Chỉ cần có ai đến xin, vua liền bảo người đó hãy tùy ý tự mình dùng tay bốc một dùm mà đi (trong kinh nói “một dùm” nghĩa là khối lượng đồ vật

mà chúng ta cầm nắm khi dùng hai hoặc ba ngón tay, chúng ta thường nói là một nắm). Cứ như thế, nhiều ngày trôi qua mà độ cao của núi báu vẫn không voi bớt.

Đức Phật biết được đòi trước vị vua này đã tích lũy phước đức, ông có thể nhận được sự hóa độ, nên Ngài hóa thành một vị Phạm chí rồi đi đến quốc gia này.

Quốc vương đích thân ra tiếp kiến vị Phạm chí, ân cần hỏi han. Quốc vương nói với Phạm chí:

- Ngài cần gì cứ nói? Xin đừng ngại.

Phạm chí đáp:

- Tôi từ nơi rất xa đến đây, hy vọng có thể xin một ít châu báu đem về xây nhà.

Vua nghe xong, liền đáp:

- Tốt lắm! Mời ngài hãy tự bóc một dùm đi!

Phạm chí bóc một nắm châu báu, bước đi bảy bước, sau đó, ông đem châu báu trả lại vị trí cũ.

Quốc vương ngạc nhiên:

- Ôi chao! Tại sao ngài không mang nó đi?

Phạm chí đáp:

- Số trân bảo này chỉ đủ xây một căn nhà nhỏ mà thôi. Sau này tôi còn phải lấy vợ, chỉ với số trân bảo như vậy, tuyệt nhiên không thể đủ, cho nên tôi quyết định không lấy nữa.

Quốc vương nói:

- Ái chà! Vậy ngài hãy lấy ba dùm đi!

Phạm chí lấy ba năm, bước đi bảy bước, rồi lại đem trân bảo để về chỗ cũ.

Quốc vương hỏi Phạm chí:

- Ngài sao thế? Tại sao lại để trở lại vậy?

Phạm chí đáp:

- Số châu báu này tuy là đủ dùng vào việc cưới vợ, nhưng tôi không có đất, không có trâu ngựa, không có người hầu, chỉ có từng này châu báu thì làm sao đủ sống? Tính đi tính lại, số châu báu này vẫn không đủ, cho nên tôi từ bỏ, không muốn lấy nữa.

Quốc vương nói:

- Vậy à? Vậy cho ngài lấy bảy dùm châu báu

đó!

Phạm chí tới lấy bảy năm châu báu, bước đi bảy bước, sau đó lại đem toàn bộ châu báu trả lại chỗ cũ.

Quốc vương hỏi:

- Tại sao ngài lại làm như vậy?

Pháp chí đáp:

- Nếu như sau này tôi có con cái; con trai thì cần cưới vợ, con gái thì cần lấy chồng; gặp phải việc hôn lễ hay tang sự đều cần một số tiền lớn, tính đi tính lại, thì số châu báu này vẫn không đủ dùng, cho nên tôi không lấy.

Quốc vương nói:

- Vậy tất cả số châu báu này tôi đều gửi tặng ngài, như vậy chắc là đủ dùng rồi đây!

Phạm chí tiếp nhận ý tốt của quốc vương, nhưng rồi cuối cùng vẫn không lấy bất kỳ thứ gì.

Quốc vương cảm thấy việc này thật là không thể nghĩ bàn, ông liền gạn hỏi dụng ý thật sự của Phạm chí là gì.

Phạm chí đáp:

- Tôi vốn dĩ đến đây xin một ít châu báu là muốn đem về chi dùng trong cuộc sống. Nhưng suy nghĩ kỹ thì cảm thấy đời người ở thế gian này rất ngắn ngủi, vạn vật sinh diệt vô thường, sớm còn tối mất không gì bền chắc, nhân duyên càng nhiều thì càng rắc rối phức tạp, sầu bi khổ não mỗi ngày mỗi tăng thêm. Dù có tích chứa châu báu chất đống như núi cao, thì đối với bản thân tôi cũng không có lợi ích gì. Truy cầu tham dục chỉ làm cho bản thân thọ khổ, chi bằng sớm bỏ những suy nghĩ này đi, cố gắng truy cầu con đường niết-bàn giải thoát. Vì thế, tôi tuyệt đối không lấy số châu báu này.

Quốc vương nghe Phạm chí nói đến đây, lập tức tâm ý khai mở, hy vọng có thể phụng thờ vị thầy cao minh có trí huệ.

Lúc ấy, Phạm chí hiển hiện trở lại thân tướng quang minh của đức Phật. Ngài bay lên hư không, thị hiện thần biến, vì quốc vương nói bài kệ, đại ý

như sau:

*Dù chất nhiều châu báu
Cao tột đến trời cao
Khấp thế gian như vậy
Đâu bằng thấy được đạo.*

Chúng sanh ở thế gian không rõ sự lý, bất thiện thường cho là thiện, ái nhiễm cứ cho là không ái nhiễm, khổ đau mà xem là vui sướng, người vô trí thường bị ba loại điên đảo này dồn ép, trói buộc.

Lúc ấy, quốc vương nhìn thấy thân Phật với ánh quang minh chiếu khắp trời đất, và nghe được đoạn kệ ấy, quốc vương vô cùng hoan hỷ. Vua và các đại thần đều thọ trì ngũ giới và chứng Sơ quả.

Vị quốc vương trong câu chuyện này có tâm lượng rất lớn, phước đức cũng rất nhiều. Đức Phật với đại trí huệ của Ngài, đã dùng phương tiện thiện xảo hóa độ được ông ta. Thực ra, dù cho có được tài sản nhiều khắp cả thế giới, nhưng cuối cùng cũng không thoát khỏi cái chết. Một khi bỏ

thân này, thì muôn vạn tài sản cũng không thể đem theo, chỉ duy nhất có nghiệp đi theo mình.

Đa số con người đều hy vọng giữ tài sản thật nhiều, truy cầu thật nhiều phước báu. Ví dụ như ở triều đại nhà Minh, có lưu truyền một câu chuyện:

Có một vị tú tài già, tuy gia cảnh nghèo nàn nhưng ông sống rất thanh bản, trong sạch. Ông tập hợp một số trẻ nhỏ trong vùng lại để dạy học cho chúng. Vị tú tài này vừa ham học hỏi không biết chán, lại vừa siêng năng dạy dỗ cho bọn trẻ mà không nề hà mệt nhọc. Ông vất vả cả một đời để bồi dưỡng nhân tài, hơn nữa, ông cũng có tâm lòng rất lương thiện, luôn khuyên bảo mọi người bỏ ác làm lành. Nhóm học trò biểu tiên học phí, trừ tiền sinh hoạt hằng ngày ra, còn lại toàn bộ ông đều quyên góp vào việc sửa cầu, đắp đường, bố thí quần áo, thực phẩm, thuốc men để cứu tế người nghèo. Vì vậy, người dân quanh vùng đối với ông vô cùng tôn kính, bất luận trẻ già đều vâng theo lễ nghĩa ông dạy mà thương yêu, đùm

bọc lẫn nhau.

Nhưng vị tú tài lại thường hay than vãn rằng mình có tài mà không gặp thời. Ông không mấy cam lòng khi sống một đời nghèo nàn nhưng trong sạch. Năm tám mươi tuổi, ông cụ có chút bệnh, sau đó mạng chung. Linh hồn của ông đến Âm tào địa phủ. Diêm La vương đối với ông vô cùng quý trọng, mời ông ngồi, tán thán việc làm thiện của ông khi còn ở trần gian. Sau đó, Diêm La vương hỏi ông:

- Nếu được đầu thai trở lại nhân gian, ông có nguyện vọng gì?

Ông cụ lập tức cầm viết lên, làm ngay một bài thơ để nói lên nguyện vọng của mình:

*Cha làm quan lớn, con trạng nguyên
Nhà cửa đề huề, nghìn ruộng nương
Ao cá, vườn cây, tha hồ dạo
Vợ hiền, con thảo luôn ấm êm.
Sách quý đầy tủ, thóc đầy bồ
Lụa là chẳng thiếu, vàng đầy rương*

*Thân ở Nhất phẩm, tước lộc hậu
An hưởng vinh hoa đến bạc đầu.*

Diêm La vương xem xong, nhẹ nhàng nói với
cụ tú tài:

- Thưa lão tiên sinh! Ở nhân gian thật sự có
cuộc sống mỹ mãn như vậy sao? Nếu thật sự được
như vậy, thì tôi xin đem vương vị này đổi cho ông.
Tôi đi đâu thai lên đó!

Thật ra, vạn vật trong thế gian đều sinh diệt vô
thường. Chi bằng tích lũy phước đức, trí huệ làm
tu lương để giải thoát, thành Phật.

Từ câu chuyện trên, mong mọi người cùng
nhau cố gắng!

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 25.10.2014***

7. ĐỨC PHẬT LÀ ĐẠI Y VƯƠNG ĐỂ LẠI GIÁO PHÁP ĐỘ CHÚNG SANH

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!
Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện cổ Phật giáo. Câu chuyện được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 262-263.

Ai nghe pháp sẽ được nhiều lợi ích, trí huệ tăng trưởng, tâm ý được điều phục, nhu nhuyến.

Câu chuyện kể rằng: Ở nước Sư Tử (Tích Lan), có người dân nhặt được một viên ngọc quý, viên ngọc này rất lớn, to gần bằng đầu gối con người. Thật là một vật thù thắng, quý hiếm ở thế gian, nên người chủ của viên ngọc đem dâng nó lên quốc vương.

Nhận được viên ngọc, nhà vua sau khi xem xét tỉ mỉ, ông nói một đoạn kệ, có nội dung như

sau:

“Xưa nay, các vị quốc vương tích lũy đủ các loại bảo vật, truy tìm danh lợi không biết mệt mỏi, thường mở các buổi triển lãm mời khách quý đến thưởng lãm, cảm thấy rất tự hào.

Nhưng đến lúc vua thoái vị hoặc mạng chung, các thứ trân bảo đều phải bỏ lại, một mình cô độc bước đi trên con đường sinh tử; thứ thân thiết có thể sánh vai chung bước với mình lúc này, chỉ có nghiệp thiện và nghiệp ác mình đã tạo mà thôi.

Cũng như những chú ong, suốt một đời vất vả tạo ra mật ngọt, nhưng cuối cùng số mật có được lại bị người lấy mất, chính mình chẳng được gì. Cũng như thế, tiền tài, bảo vật, cuối cùng cũng thuộc về người khác, ta một mình ra đi với hai bàn tay trắng.

Những vị quốc vương ngày xưa, đều bị tiền tài bảo vật mê hoặc, cực nhọc vợ vét tài sản của dân chúng, nhưng cuối cùng kho báu cũng thuộc về người khác, rồi cũng một mình trắng tay mà ra đi.

Điều bây giờ ta cần làm, là nhất định phải mang trân bảo công đức theo mình. Mang theo bằng cách nào? Bằng cách gieo trồng công đức vào ruộng phước lớn của đức Phật, như thế, quả báo thiện mới theo ta mãi cho đến đời sau, vĩnh viễn không biến mất.

Lúc lâm chung, tất cả mọi thứ đều phải buông bỏ, chia lìa; cho dù những quyến thuộc thân yêu nhất trong hoàng cung, hay các đại thần, mãnh tướng... đâu có đau buồn luyến tiếc không nguôi cũng chỉ tiễn đưa quan tài ta ra khỏi cổng; xa lắm thì cũng chỉ đưa đến huyệt mộ mà thôi, cuối cùng rồi ai cũng phải về nhà này.

Trước đây có đủ voi, ngựa, xe cộ cao sang lộng lẫy, nhiều món thưởng ngoạn rất thích thú và vô số bảo vật trong kho; nào là dân chúng, thành quách, hoa viên để du ngoạn v.v., nhưng một khi mạng chung, đều phải buông xuống hết, không một món nào có thể đem theo bên mình, chỉ một thân cô độc, từng bước đối diện với cái chết”.

Nhà vua nói đoạn kệ xong, liền đem viên ngọc quý này đến treo lên trụ công tháp thờ đức Phật. Ánh sáng của viên bảo châu sáng rực, chẳng khác nào ánh sáng của một ngôi sao lớn. Khi mặt trời xuất hiện, ánh sáng chiếu đến cung điện, ánh nắng mặt trời và ánh sáng từ viên bảo châu đều lấp lánh, đua nhau tỏa sáng, có thể nói, ánh sáng của viên ngọc còn vượt qua ánh sáng của mặt trời. Mỗi ngày, viên bảo châu đều phát ra ánh sáng rực rỡ như thế.

Có một hôm, ánh sáng rực rỡ kia bỗng nhiên biến mất, đức vua lấy làm lạ, liền cho người đến xem xét. Sứ giả đến trước tháp thờ đức Phật, phát hiện viên bảo châu không còn nữa, chỉ thấy trên mặt đất, phía trước cửa tháp có một vũng máu dơ bẩn. Sứ giả lần theo vết máu để đi tìm, dần đi đến rừng Ca-đà-la, đến bìa rừng, liền phát hiện kẻ lấy trộm viên bảo châu đang núp trong rừng cây. Do vì lúc lấy trộm viên ngọc, hắn bị té nhào từ tên trụ cửa xuống, nên chân bị đứt ngang, máu chảy lai

láng. Sứ giả liền bắt tên trộm đem về hoàng cung, dẫn hắn ta đến gặp nhà vua.

Ban đầu, quốc vương vừa nhìn thấy tên trộm thì vô cùng tức giận, nhưng khi nhìn thấy vết thương ở chân của hắn ta quá sâu, ngài liền sinh lòng thương xót. Nhà vua hết sức từ bi, nói với tên trộm:

- Này, nhà ngươi thật quá khờ dại! Hôm nay nhà ngươi trộm bảo châu của đức Phật, sau này chắc chắn bị đọa vào đường ác.

Sau đó, vua nói một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Đáng thương thay! Ngươi thật quá ngu ngốc, không có trí huệ, nên mới tạo hành vi xấu; chẳng khác nào người ta vì sợ bị gây gộc đánh, mà chấp nhận để người giết chết.

Sợ khổ vì nghèo đói, nên nghĩ ra phương pháp ngu ngốc này, không chịu an phận với cái thiếu thốn ngắn ngủi, lại chọn lấy cái khổ dài lâu”.

Lúc bấy giờ, có vị đại thần nghe được đoạn kệ

này, liền tâu với quốc vương:

- Bẩm, quả đúng như những lời đại vương vừa nói, thật không sai!

Sau đó, vị đại thần nói một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Tháp thờ đức Phật chính là bảo vật của nhân loại, chỉ có người ngu si mới vào đó lấy trộm đồ vật; hạng người này trong vô lượng kiếp về sau, sẽ không có cơ hội được gặp Tam bảo Phật pháp tăng.

Cũng như trong quá khứ, có người với tâm vô cùng hoan hỷ, lấy hoa Tu-mạn đang cài bên tai, dâng lên cúng dường tháp thờ đức Phật, nhờ nhân duyên đó, mà trải qua trăm nghìn ức kiếp, thừa hưởng phước báo ở cõi trời trong thời gian lâu dài.

Còn hiện tại, người này trộm bảo châu trong tháp thờ đức Phật để chiếm làm của riêng, đức Phật là đấng Thập Lực, vì nhân duyên tạo ác nghiệp như vậy, người này tương lai chắc chắn bị

đọa vào địa ngục”.

Lại có một vị đại thần khác, vô cùng tức giận, nói:

- Người này ngu si, đã phạm tội một cách rõ ràng như thế, còn trách mắng làm gì? Phải đem hắn ra tử hình!

Nhà vua quay sang nói với vị đại thần này:

- Khanh tuyệt đối không nên nói những lời như thế! Người này đã chết rồi, cần gì phải giết anh ta?² Cũng như nếu có người bị té xuống đất, cần phải đỡ người đó đứng lên mới phải!

Nhà vua lại nói một bài kệ, có nội dung như sau:

“Người này đã phạm tội tử hình, phải nhanh ra tay cứu lấy hắn. Bây giờ, trăm muôn cho người này một số tài sản, để hắn ta biết ăn năn, tu phước, thì tội của hắn mới được tiêu trừ, mới mong sau này xa lìa được đại khổ nạn.

² Tại sao nói kẻ trộm đã chết? Vì hắn không có trí huệ, không có huệ mạng, người không có huệ mạng thì có khác gì người đã chết?

Trẫm muốn cho hấn tiền tài, để hấn ta dâng lên cúng dường đức Phật; nếu hấn ta không quy y đức Phật, thì tội của hấn rất cuộc sẽ không thể giảm nhẹ hay tiêu diệt được.

Cũng như có người bị té xuống đất, nên dìu người ấy đứng lên, cũng như thế, nếu có người trộm vật của đức Phật, lỡ tạo nghiệp xấu, người này cần phải biết cúng dường đức Phật thì tội chướng mới được giảm nhẹ, thậm chí có thể được tiêu diệt”.

Nói xong, nhà vua liền cho tên trộm rất nhiều tài sản, ngài còn dạy cho hấn ta đối trước đức Phật gieo các công đức.

Lúc ấy, tên trộm trong lòng suy nghĩ: “Vị quốc vương này nếu không phải là người nhu nhuyễn hòa thuận trong Phật pháp, thì khi ta phạm tội như thế, nhất định đã bị ông lấy đầu rồi. Thế mà nhà vua thật bao dung, đặc xá trọng tội của ta, thật là người vĩ đại, cao quý. Đức Phật Thích-ca đặc biệt kỳ diệu! Có thể giáo hóa một vị quốc

vương trước kia vốn tin theo tà kiến, nay khiến ông ấy có thể làm được những việc minh trí như thế”.

Tên trộm đi đến trước tháp thờ đức Phật, quỳ xuống đánh lễ sát đất, chắp tay quy y, cảm thán:

- Đức Thế Tôn đại từ đại bi! Ngài chính là bậc Thánh cứu độ chúng sanh trong thế gian! Tuy Ngài đã vào niết-bàn, mà vẫn có thể cứu sống con! Người ở thế gian này, ai ai cũng tôn xưng đức Thế Tôn là bậc Thánh cứu tế nhân loại, tiếng thom này đã truyền đi khắp năm châu bốn bể. Cho đến hôm nay, nhờ ân đức của Ngài mà con được sống sót, cho nên có thể xác tín, Ngài đúng là bậc Thánh cứu độ chúng sanh, thật là danh bất hư truyền!

Rồi tên trộm nói một đoạn kệ, nội dung như sau:

“Thế gian tán dương đức Phật là bậc Thánh cứu độ chúng sanh, thật là không sai; con hôm nay, nhờ ân đức cứu độ của đức Phật mà được thoát chết, mới thật sự hiểu thấu ý nghĩa của ‘cứu

té’.

Thế gian chẳng khác gì nhà lửa, đầy đầy ưu bi khổ não; lòng từ bi của đức Phật như ánh trăng tươi mát, soi chiếu phá tan sự lo âu, sầu khổ của chúng sanh.

Khi đức Như Lai còn tại thế, ở chốn hoang dã, nơi ác quỷ cư trụ, Ngài cứu tế Thủ trưởng giả³. Khi còn tại thế, đức Phật đã cứu khổ cho không biết bao nhiêu chúng sanh, những việc như vậy, đối với Ngài không có gì là khó khăn.

Thế nhưng, đức Phật nay đã nhập diệt, vậy mà giáo pháp Ngài để lại vẫn có thể cứu chúng sanh thoát khỏi hiểm nạn, nguy khốn; giúp cho con thoát ly khổ não, thật là hết sức hi hữu.

Người thợ thủ công dùng kỹ thuật khéo léo, phù hợp với Thánh tâm của Thế Tôn, tạo tượng Phật giơ cánh tay phải ra, thể hiện tư thế vỗ về an ủi chúng sanh. Người hay lo sợ chỉ cần nhìn thấy

³ Trưởng giả Thủ lâm bệnh rất nặng, đức Phật đến nói pháp cho ông nghe, sau khi mạng chung, ông được thác sanh vào cõi trời.

hình tượng của đức Phật, lòng lo sợ liền tan biến; huống gì khi đức Phật còn tại thế, những chúng sanh được Ngài cứu khổ chắc chắn là vô số.

Giờ đây, con gặp phải khổ nạn, tai họa lớn, may nhờ hình tượng của Ngài đặc xá, đã cứu con thoát chết”.

Câu chuyện này, có vài điểm đáng để chúng ta học tập:

Vị quốc vương này đã thể hội được hình ảnh con ong:

Thái đắ bách hoa thành mật hậu,

Nhất sanh tân khổ vị thù mang?

Góp nhặt trăm hoa làm mật ngọt,

Một đời bận rộn, khổ vì ai?

Đời người cũng như thế, vất vả dành dụm tài sản, cuối cùng, bất cứ vật gì cũng không mang theo được. Chúng ta cần phải tự phản tỉnh, chúng ta có thể mang theo được gì? Phải chăng, nên hết lòng dụng tâm vào việc tích lũy phước đức, trí huệ để làm vốn liếng?

Hơn nữa, khi kẻ gian trộm cắp bảo châu, các đại thần đều rất tức giận, đề nghị quốc vương mang hấn ra xét xử. Nhưng nhà vua lại bảo rằng: “Như có người té xuống, chúng ta nên đỡ người ấy đứng lên mới phải!”. Cho thấy, nhà vua nhờ được thấm nhuần những lời dạy của đức Phật, nên ông mới thương xót mà tha tội cho cho tên trộm. Lúc này, tên trộm đương nhiên vô cùng cảm tạ đức vua đã tha thứ tội chết cho mình; nhưng người hấn phải cảm ơn nhất, đó là ai? Là cảm ơn đức Thích Tôn! Đức Phật tuy đã vào niết-bàn, nhưng những lời giáo huấn của Ngài để lại vẫn có thể giáo hóa quốc vương, và nay tiếp tục giáo hóa cho hấn ta. Tên trộm thầm nghĩ: “Nếu chẳng may gặp phải quốc vương không được đức Phật khai sáng, thì tôi chỉ còn con đường chết mà thôi! May mắn cho tôi, vị quốc vương này là đệ tử thuần thành, nhà vua không những không trách mắng tôi, mà còn cho tôi tài sản, để tôi được khăn cầu sám hối, tu phước, mong cho tội nghiệp của tôi được

giảm dần, tránh quả báo khổ trong tương lai”.

Chúng ta thử nghĩ xem: Một người bác sĩ, lúc ông ta còn sống, có thể trị lành bệnh cho rất nhiều người, nhưng một khi ông qua đời rồi, thì ông còn cứu bệnh nhân được chăng? Không thể! Nhưng đức Thế Tôn thì khác, đức Phật là bậc y vương, cho dù Ngài đã viên tịch, nhưng giáo pháp mà Ngài lưu lại, vẫn không ngừng tiếp tục giáo hóa chúng sanh. Đức Phật đúng là vị Thánh nhân cứu độ chúng sanh, xứng đáng được tôn xưng là bậc “đại y vương”!

Thế giới thật là hỗn loạn, lòng người đầy dẫy tham sân si, hai bên tranh đấu mãi không ngớt. Chúng ta thật hạnh phúc được hấp thụ pháp thủy cam lồ của đức Phật, chúng ta cần phải tri ân sâu sắc. Nếu chúng ta không hết lòng thực tập lời của đức Phật đã dạy, không khiến cho chánh pháp cửu trụ ở thế gian, thì thật là hết sức cô phụ ân đức của Ngài vậy!

Qua câu chuyện trên, mong mọi người cùng

nhau cố gắng.

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiệm,
ngày 01.11.2014***

8. ÁC KHẨU NHỤC MẠ TẶNG CHÚNG ĐỌA LÀM THÂN TRÙNG TRONG AO PHÂN

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ phẩm ‘Uông thủy trung trùng’ trong *kinh Hiền ngu*, thuộc Đại Chánh tạng quyển 4, trang 443-444.

Quá khứ, có một thời, đức Phật trú tại núi Linh Thứu, thuộc thành Xá-vệ. Bấy giờ, ở bên ngoài thành có một cái ao nước rộng chứa nhiều bùn lầy, chất bẩn, đầy phân và nước tiểu, hôi thối không sao tả nổi. Đa số những thường dân đều đem chất thải dơ bẩn đổ vào trong ao này. Có một con trùng to lớn, thân thể giống như con rắn, nhưng lại có bốn chân, ẩn náu ở trong ấy. Nó chạy đi chạy lại, lúc ẩn lúc hiện, qua nhiều năm thường

ở trong ao nước hôi thối đó chịu đựng vô lượng khổ đau.

Một hôm, đức Thế Tôn dẫn các vị tì-kheo đi ngang cái ao bẩn thỉu ấy. Đức Phật hỏi các vị tì-kheo:

- Các ông có biết con trùng này trước kia đã tạo nghiệp gì không?

Các vị tì-kheo suy nghĩ nhưng không ai biết, họ trả lời:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con không biết.

Lúc ấy, Phật nói:

- Các ông hãy lắng nghe! Ta sẽ nói cho các ông biết con trùng này đã tạo nghiệp gì.

Thời quá khứ, có đức Phật, hiệu là Tì-bà-thi thị hiện tại nhân gian, nhân duyên giáo hóa đã hết nên Ngài nhập Niết-bàn.

Lúc đức Phật Tì-bà-thi giáo hóa, có mười vạn vị tì-kheo tu học. Các vị tì-kheo này phạm hạnh thanh tịnh, ưa thích chỗ thanh vắng, nên cư trú tại một ngọn núi tịch tĩnh. Bên sườn núi, có một khu

rừng với nhiều cây cối, hoa cỏ sinh trưởng rất sum suê tươi tốt, giữa khu rừng có dòng suối thiên nhiên vô cùng thanh khiết mát mẻ, ai cũng thích thú.

Lúc bấy giờ, các vị tì-kheo đều cư ngụ ở đó, các thầy đều vâng hành theo chánh đạo, tinh tấn tu học không biếng nhác. Họ đều đạt từ sơ quả cho đến tứ quả, không có một vị nào là phàm phu (chỉ trừ vị Chấp sự tăng là chưa chứng đắc quả vị).

Lúc ấy, có năm trăm vị thương buôn cùng nhau muốn đi ra biển. Trên đường, họ đi qua một con đường nhỏ, bắt ngang qua ngọn núi ấy, những thương buôn thấy các thầy tì-kheo phạm hạnh thanh tịnh, nên họ vô cùng hoan hỷ, cung kính, muốn cúng dường các thầy. Các thương nhân cùng nhau đi đến thỉnh tăng chúng, hy vọng các ngài sẽ nhận sự cúng dường của họ. Tuy nhiên, hôm ấy đã có thí chủ thỉnh cúng dường tăng chúng rồi, các ngày kế tiếp cũng có thí chủ thỉnh cúng, đã sắp đặt đâu vào đấy. Vì thế, các thương

nhân không thể làm như ý nguyện, họ đành hướng về tăng chúng từ giã, xin được tiếp tục lộ trình của đoàn. Họ nói:

- Nếu chúng con có thể bình an trở về, nhất định sẽ thiết trai cúng dường, hy vọng quý ngài từ bi hứa khả!

Khi ấy, chúng tăng im lặng hứa khả.

Các vị thương nhân ra biển, thu được số lượng châu báu rất lớn, sau đó đều trở về bình an. Đoàn thương buôn đến nơi cư ngụ của chúng tăng, trong số châu báu, họ chọn ra những thứ quý nhất đem cúng dường chư Tăng, tính toán đầy đủ khoản chi phí thực phẩm mà quý thầy cần dùng; nếu chư tăng cần dùng nhiều hơn thì cũng cứ tùy ý sử dụng.

Lúc ấy, tăng chúng thọ nhận đồ cúng dường rồi, đều trao cho vị tăng Chấp sự, để thầy bảo quản. Thời gian sau, thực phẩm chúng tăng cần dùng sắp hết, họ nói với vị thầy Chấp sự nên mang trân bảo mà các thương nhân đã cúng

dường lúc trước ra để đổi thực phẩm, tiếp tục duy trì việc ẩm thực cho tăng chúng. Nhưng ông trả lời với đại chúng:

- Những trân bảo đó là ngày trước các vị thương nhân tỵ cho tôi, tại sao các thầy lại muốn lấy?

Thượng tọa Duy-na nói với ông:

- Lúc đó, các thí chủ dâng trân bảo cúng dường đại chúng, mọi người tạm thời giao cho ông bảo quản mà thôi. Bây giờ, thực phẩm của đại chúng đã hết rồi, số châu báu ấy phải đem ra mua thực phẩm, bổ sung nhu cầu ẩm thực cho chúng tăng.

Lúc này, vị tăng Chấp sự chợt nổi tâm sân giận, mắng:

- Đám người các người muốn ăn thì lấy phân mà ăn! Số châu báu này là của tôi, các người dựa vào cái gì mà đòi lấy của tôi?

Tăng chúng thấy vị này đã sinh khởi lòng ác, nên đều bỏ đi.

Do vị tăng Chấp sự lừa gạt, phụ lòng phó thác của đại chúng, lại ác khẩu nhục mạ chúng tăng, nên sau khi chết, ông bị đọa vào địa ngục A-tì, phải lặn ngụp trong phần tửu nóng sôi, trải qua chín mươi hai kiếp, không dễ dàng gì mới thoát khỏi địa ngục. Sau khi thoát thân địa ngục, đầu thai lên lại bị đọa làm súc sanh trong ao phần tửu này, trải qua thời gian lâu dài, vẫn không cách gì được giải thoát.

Tại sao nói như vậy? Vì thời quá khứ có đức Phật xuất thế, hiệu là Thi-khí, Ngài dắt các vị tì-kheo đi qua cái ao bất tịnh này. Đức Phật răn dạy chúng đệ tử, Ngài nói rõ đầu đuôi câu chuyện này cho mọi người hiểu.

Sau đó, lại có đức Phật xuất thế, hiệu là Tùy-diệp (có khi dịch là Tì-xá) cũng dắt các vị tì-kheo đến nơi này, nói cho chúng tăng biết nhân duyên của vị tăng chấp sự. Nói rõ việc vị tăng này sau khi chết bị đọa vào địa ngục, trải qua muôn vạn ức năm, sau đó, lại tiếp tục đầu thai sanh vào

ao phần tiểu này.

Sau đó, lại có đức Phật xuất thế, hiệu là Câu-lưu-tôn (có nơi dịch là Câu-lưu-tần), cũng dắt đại chúng đi đến bên ao này, khai thị cho các vị tì-kheo, nói rõ nguyên nhân của sự việc.

Tiếp đó, có đức Phật xuất thế, hiệu là Câu-na-hàm-mâu-ni, cũng dẫn các đệ tử đến trước cái ao phần tiểu này. Sau đó, lại có đức Phật xuất thế, hiệu là Ca-diếp cũng dắt đệ tử đến đây, vì đệ tử mà nói nhân duyên quả báo của sự việc.

Lần lượt đến vị Phật thứ bảy, là Phật Thích-ca-mâu-ni Ta, bây giờ cũng dẫn các vị đến đây xem con trùng này, vì các vị mà giải thích nguyên nhân của sự việc. Giống như vậy, hiền kiếp, vị lai chư Phật, mỗi vị đều dẫn đệ tử đến bên ao phần tiểu này, chỉ vào con trùng và giảng nói nhân duyên tạo nghiệp trước đây của nó.

Lúc bấy giờ, các vị tì-kheo nghe Phật khai thị, trong tâm mỗi người đều cảm thấy vô cùng kinh sợ, lông tóc dựng đứng, càng cẩn thận giữ gìn ba

nghiệp thân khẩu ý. Mọi người đều tín thọ lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Câu chuyện này có một số điểm đáng để cho chúng ta phản tỉnh và cảnh giác:

Những vật quý giá mà tín chúng cúng dường lên chư tăng, đại chúng giao cho thầy Chấp sự bảo quản, nhưng thầy lại khởi tâm tham, muốn chiếm giữ cho riêng mình, đây là “tham”. Thầy không nghe tăng chúng khuyên bảo, lại còn khởi tâm sân giận nhục mạ tăng chúng, đây là “sân”. Thầy không tuân theo lời giáo huấn của đức Phật, không hiểu sự đáng sợ của nhân quả báo ứng, đây là “si”.

Do vị tăng chấp sự sinh khởi ba độc tham, sân, si, chiếm lấy vật của Tam bảo lại còn nhục mạ tăng chúng: “Đám các người là thứ ăn phân!”. Kết quả, sau khi chết, thầy bị đọa vào địa ngục, sau đó lại đầu thai sanh làm sinh vật trong ao phân, ngày ngày tự mình ăn đồ phân tiểu, nhân đó, trở thành đề tài để các đức Phật giáo hóa cho đệ tử.

Ở đây, liên quan đến vấn đề giới luật. *Ngũ phần luật* có nói: Nếu có người gửi tiền tài hoặc vật phẩm ở chỗ chúng ta, chúng ta khởi tâm muốn lấy cắp, không muốn trả lại, lúc chủ của vật ấy đến đòi chúng ta chối cãi, chẳng chịu trả lại. Sau đó, người chủ số tài sản này khởi tâm xả, họ nói: “Đồ vật này tôi không cần nữa!”, nhưng chúng ta vẫn phạm tội lấy cắp. Vì vậy, nếu có người gửi đồ vật ở chỗ chúng ta, hoặc chúng ta đến thư viện mượn sách, mong mọi người nhất định phải nhớ trả lại!

Ngoài ra, theo giới luật, nếu trộm cắp đồ vật của một người, thì chỉ kết tội đối với một người đó, còn nếu trộm cắp đồ vật của Tam bảo, thì đối với mười phương tăng, bạn đều có tội. Bởi vì đồ vật của Tam bảo thuộc về nhiều người, mỗi vị tăng đều có phần, nếu bạn lấy trộm vật của tăng chúng thì bạn có tội với mỗi một vị trong mười phương tăng, tội báo rất nặng, chúng ta phải thật cẩn thận.

Lấy cấp đồ của Tam bảo là tội rất nặng, ngược lại, nếu ai có thể dùng tâm thanh tịnh, tâm cung kính cúng dường Tam bảo thì phước đức sẽ rất lớn. Lúc cúng dường Tam bảo, chúng ta tha thiết nghĩ nhớ đến đức Phật, tri ân Ngài đã hạ sinh ở nhân gian này, chuyển đại pháp luân hóa độ chúng sanh, đây là cảm ơn “Phật”. Ngoài ra, đức Phật để lại chánh pháp như ngọn đèn soi sáng con đường tối tăm, dẫn dắt chúng ta đến con đường giải thoát, chúng ta nên phát nguyện cầu mong chánh pháp trường tồn ở thế gian, đây là cảm ơn “Pháp”. Lại nên cảm ơn tăng chúng, vì họ khiến chánh pháp cửu trụ, hoằng pháp lợi sanh, vâng theo người trước dẫn dắt người sau, chúng ta thành tâm cầu chúc chư tăng thân tâm luôn an lạc, hóa độ hanh thông, đây là cảm ơn “Tăng”. Nếu như chúng ta có thể thành tâm như vậy mà cúng dường Tam bảo thì có thể đạt được phước báu vô lượng.

Hy vọng mọi người đều vâng theo lời giáo

huấn của đức Phật, tin sâu nhân quả. Bạn không tin nhân quả cũng không sao, nhưng nhân quả tin tưởng bạn! Chúng ta nên tiếp nhận những lời dạy của tăng chúng, đừng sinh khởi tam độc tham sân si mà tạo nghiệp ác. Ngàn vạn lần đừng đợi đến lúc nghiệp ác hiện tiền rồi mới hối hận, lúc ấy đã không kịp nữa!

Qua câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng!

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 08.11.2014***

9. PHIÊN NẢO TỪ TÂM KHỞI BÔI THUỐC LÊN THÂN CÓ ÍCH GÌ?

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!
Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện cổ Phật giáo. Câu chuyện được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 326-327.

Trong kinh có dạy: “Cúng dường tháp của đức Phật được công đức rất lớn, vì thế, chúng ta cần phải tinh tấn, thành tâm cúng dường”.

Câu chuyện kể rằng: Một hôm, vua Ba-tư-nặc đến hầu thăm đức Phật, lúc hướng về đánh lễ đức Thế Tôn, đột nhiên nhà vua ngửi được mùi hương rất thơm, không giống mùi hương của cõi trời mà trước kia nhà vua từng thưởng thức qua. Nhà vua quay sang bốn phía để tìm kiếm, nhưng vẫn không biết được mùi thơm kia xuất phát từ đâu,

ông bèn hướng về đức Phật thỉnh giáo:

- Bạch đức Thế Tôn! Mùi hương kia tỏa ra từ đâu vậy?

Đức Phật hỏi:

- Bệ hạ muốn biết nguồn gốc của hương thơm đó chăng?

Vua đáp:

- Vâng! Bạch Thế Tôn, con muốn biết.

Lúc ấy, đức Thế Tôn dùng chỉ tay xuống đất, chỉ trong chốc lát liền xuất hiện một bộ xương khô, hình dáng giống như gỗ chiên đàn hương màu hồng, dài khoảng năm trượng.

Đức Phật bảo nhà vua:

- Hương thơm mà bệ hạ đang ngửi được, chính từ bộ xương khô này tỏa ra.

Vua Ba-tư-nặc bạch đức Phật:

- Nguyên nhân nào khiến cho xương khô có thể tỏa ra hương thơm như thế?

Đức Phật đáp:

- Được rồi, xin bệ hạ hãy lắng lòng nghe, Như

Lai sẽ nói rõ cho ông hiểu.

Thế Tôn kể lại rằng: “Thời quá khứ, có đức Phật hiệu là Ca-diếp, khi việc hóa duyên đã hết, Ngài bèn nhập niết-bàn. Lúc ấy, vua Ca-xí thống lĩnh quốc gia, ông chọn xá-lợi của đức Phật Ca-diếp và xây dựng tháp thất bảo để cúng dường, chiều cao và bề rộng của tháp là hai do-tuần. Quốc vương hạ lệnh: “Trong quốc gia có bao nhiêu hoa, người dân không được dùng vào việc khác, phải mang toàn bộ số hoa có được dâng lên cúng dường tháp của đức Phật”.

Bấy giờ, trong nước có người con trai của ông trưởng giả và cô dâm nữ lén lút tư tình với nhau, trong tâm trí của anh ta chỉ còn nghĩ đến việc dâm dục không thể quên được. Những đóa hoa phải dâng lên cúng dường tháp thờ xá-lợi, nhưng anh ta bị dâm dục làm mù quáng, nên lén vào trong tháp của đức Phật Ca-diếp, lấy trộm một đóa hoa, mang đến tặng cho người dâm nữ mà anh đang luyện mộ.

Lúc ấy, người con trai này hiểu rất rõ công đức của đức Phật, nhưng do không kiềm chế được lòng tham dục nên mới làm việc phi pháp. Sau khi làm việc phi pháp xong, anh ta rất hối hận việc mình làm vừa, nên ý niệm dâm dục liền biến mất.

Ngày hôm sau, nghĩ đến hành vi của mình, anh chán ghét một cách mãnh liệt, thầm nghĩ: “Tôi đã tạo ác, đã lấy trộm hoa cúng đức Phật đến tặng cho cô dâm nữ”. Ngay lúc ấy, do hối hận nên vừa bất an, vừa buồn rầu, toàn thân của anh bỗng nổi lên những mụn độc lở loét, lúc đầu chỉ lớn như hạt cải, nhưng chẳng bao lâu liền lan đi rất nhanh, cuối cùng đầy khắp thân thể, không trừ một bộ phận nào mà không có. Người con trai này bèn nói lên một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Hôm nay, tôi đã gây các nghiệp bất thiện, làm trái với lời dạy của chư Phật, không biết hổ thẹn, đối với đức Phật, tôi đã không có tâm cung kính, còn vi phạm lời giáo huấn của Ngài, thật không xứng đáng làm đệ tử của đức Thế Tôn.

Hết thầy người dân trong nước, không một ai dám chống lại mệnh lệnh của quốc vương, thế nhưng tôi lại trái phạm quy định của pháp luật và của Phật pháp mà tôi tín ngưỡng, tôi thật không biết nhục nhã, so với súc vật, tôi có gì hơn chúng đâu!

Tất cả phước điền thù thắng, không gì hơn tháp xá-lợi của đức Thế Tôn, thế nhưng, tôi vì ngu si, vì việc làm thấp hèn mà lấy trộm hoa cúng Phật.

Tại sao cánh tay của tôi không lập tức rơi xuống? Tại sao mặt đất không lún xuống, lại dung chứa thứ người như tôi để làm gì?

Thật ghê tởm! Vì tham dục bốc cháy, nên đã thiêu đốt hết thầy thiện căn; vì mê hoặc tham dục, nên mới bị rơi vào trong vực thăm tằm tối, bị giặc cướp phiền não hãm hại.

Tôi vì bị tham dục không chế, không quán chiếu được quả báo của tham dục, nên đã lén trộm hoa cúng Phật để lấy lòng cô dâm nữ, vì muốn thể

hiện sự tôn quý của mình, sau này sẽ đọa vào địa ngục, mãi mãi chịu sự hành hạ.

Tôi thật sự rất hối hận! Trong lòng vô cùng đau đớn, toàn thân nóng hừng hực như đang bị thiêu đốt vậy”.

Lúc ấy, những mụn nhọt trên thân anh sưng lên và vỡ ra, máu mủ chảy ra dơ bẩn, mùi hôi thối bốc lên khắp nơi.

Một hôm, cha mẹ, anh chị em của anh đến thăm, thử lấy thuốc lạnh để điều trị cho anh, nhưng bệnh tình ngày càng nghiêm trọng hơn. Họ mời thầy thuốc có danh tiếng đến, khám kỹ càng hơn, thầy thuốc bảo:

- Phải dùng hương Ngưu đầu chiên-đàn, bôi lên thì bệnh mới hết.

Cha mẹ của anh ta nghe vậy, liền đi mua loại hương Ngưu đầu-chiên đàn đắt nhất, thượng hạng nhất, bôi lên thân người con trai của mình, nhưng những mụn nhọt ngày càng lớn hơn, không có hiệu nghiệm.

Lúc ấy, anh ta đau đớn rơi nước mắt, ấp úng, sợ sệt thưa với cha mẹ:

- Xin cha mẹ đừng uổng công phí sức nữa, bệnh của con từ tâm mà sinh, đây không phải là bệnh của thân.

Người cha hỏi con trai:

- Bệnh tâm là bệnh gì, con nói đi?

Người con trai nói lên một đoạn kệ để trả lời cho cha, có nội dung như sau:

“Việc này nói ra thật đê tiện và nhục nhã, con vốn không muốn để cho cha mẹ biết, nhưng vì do sự khờ đốn của bệnh tật, nên không thể che dấu được sự xấu hổ của con.

Trước đây, con đã đến lấy cắp hoa cúng dường trong tháp của đức Phật, mang đến tặng cho cô dâm nữ, sau khi làm việc xấu xa này xong, con mới biết hối hận, tự dằn vặt lương tâm.

Lúc ban ngày thì lòng tham dục bốc cháy hừng hực, như cái nắng chói chang đang thiêu đốt, ban đêm mới tỉnh táo hiểu ra, nếu có thể sám hối

lỗi lầm này, chẳng khác nào dùng nước lạnh dập tắt đám lửa đang bốc cháy.

Hiện giờ, thân tâm của con đang nóng rực, sau này lại phải vào địa ngục để chịu quả báo khổ, cũng giống như một khúc gỗ đã bị mục, chỉ cần một đóm lửa nhỏ cũng đủ thiêu cháy; tình trạng của con hiện tại cũng như thế, ngọn lửa của tâm thiêu đốt bốc cháy từ bên trong.

Giả sử có lấy các thứ như nước lạnh, cỏ ưu-thi-la, hoa sen xanh, trân châu, lúa mạch..., cho đến các loại chiêm đàn, bôi lên trên thân, cũng không cứu được loại bệnh này.

Vì nỗi đau từ tâm sinh khởi, phải lấy thuốc xoa lên tâm thì mới đúng, còn nếu lấy thuốc bôi lên thân, làm sao có hiệu quả?

Xin cha mẹ đưa con đến bên tháp thờ xá-lợi của đức Phật, giúp con chuẩn bị các phẩm vật, để con được dâng lên cúng dường tháp của Ngài, thì bệnh của con mới khỏi được”.

Cha mẹ và anh em cùng nhau khiêng anh ta

trên chiếc giường, đến trước tháp của đức Phật. Lúc này, thân thể anh ta nóng rực, hơi thở dường như sắp tắt.

Khi đến trước tháp của đức Phật, người con trai một lòng chuyên niệm đức Ca-diếp Như Lai Chánh đẳng Chánh giác. Khóe mắt đầm lệ, dâng hương chiên-đàn mà anh tự mang đến, hướng mặt về phía tháp của đức Phật, bi thương nói lên một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Đức Thế Tôn đại bi, xin cứu độ khổ nạn cho chúng sanh, Ngài từng giáo hóa, dạy chúng sanh nên làm các việc lành, nhưng con do bị tham dục mê hoặc, nên chẳng khác nào người mù cả hai mắt không còn nhìn thấy được. Con đối trước sự cứu tế chúng sanh của Ngài, gây nên các việc bất thiện.

Tháp giống như núi Tu-di, con do si mê nên hủy phạm giới pháp, bây giờ đã không có danh vọng, sau này còn phải đọa vào đường ác.

Con không quán chiếu, tư duy cho cẩn kẽ

công đức của Ngài, nên bây giờ phải mang quả báo xấu, quả báo đó không chỉ ở hiện tại, mà mãi cho đến sau này nhất định phải tự chịu sự sầu muộn và đau đớn.

Người thông minh biết dùng Huệ nhãn, tránh xa khổ não, biết đoạn trừ các loại tham dục; còn trong lòng con giờ đây tràn ngập lo lắng và buồn tủi, xin thành tâm hướng về quy y đức Phật.

Tội lỗi mà con đã tạo, xin nguyện được đức Phật gia hộ, cũng như một người bị té, phải dựa vào mặt đất chống đỡ, để có thể tự đứng lên”.

Khi đó, cha mẹ và quyến thuộc của người con trai khen ngợi anh ta:

- Lành thay! Lành thay! Con bây giờ đã biết thành tâm ca ngợi đức Như Lai, chỉ có đức Thế Tôn mới đủ khả năng chữa lành bệnh cho con.

Rồi họ nói một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Hôm nay đối trước đức Phật, con nên phát khởi tâm tín giải, tâm thọ trì; chỉ có công đức lớn lao của đức Phật mới cứu giúp con được.

Cũng như đang đi trên biển mênh mông, chiếc tàu bị thủng, số tài bảo có được tuy bị biến mất, nhưng chỉ cần thân này không bị chìm xuống (vẫn còn sống), thì vẫn còn cơ hội gầy dựng gia tài”.

Những người thân quyến tận mắt nhìn thấy thân của người con trai này mắc bệnh lở loét, hôi thối, họ đều sanh tâm nhằm chán sanh tử, nên đều đem các phẩm vật như hương hoa, hương bột, các thứ hương xông... đến dâng lên cúng dường tháp thờ xá-lợi đức Phật Ca-diếp, lại dùng hương Ngưu đầu chiên-đàn khắc họa thân Phật. Lúc ấy, những mụn nhọt trên thân của người con trai từ từ biến mất, khiến cho anh ta cảm thấy vô cùng vui sướng, chứng bệnh nóng bức toàn thân cũng không còn nữa.

Lúc ấy, quả báo hiện đời của người con trai đã được xoay chuyển, anh sinh tâm vui sướng, biết rằng tội lỗi mà mình tạo nay đã được tiêu trừ, liền nói một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Nhu Lai đầy đủ Nhất thiết trí, đã đoạn trừ tất

cả phiền não, đức Như Lai Ca-diếp có năng lực cứu độ tất cả chúng sanh.

Đức Phật là cha lành của chúng sanh, ở trong thế gian nguyện làm người bạn lành không thỉnh mà tự đến, chỉ có tâm từ bi của đức Thế Tôn mới được như thế.

Đối với đức Phật, con đã gây nên tội lỗi quá lớn, giờ đây ăn năn sám hối, cúi xin đức Phật từ bi tiếp nhận.

Con thành tâm phát thệ nguyện, cúi xin Ngài lắng nghe lời thệ nguyện của con.

Vì bị tham dục bức bách, con không có chánh niệm, nên mới tạo các nghiệp bất thiện như thế. Cúi xin đức Phật che chở cho con, nguyện đời đời xa lìa ái dục và giặc phiền não. Nếu không hàng phục sáu căn, thì cũng thô bạo như con ngựa hoang không được huấn luyện, nguyện cho con không còn gây tạo các việc ác, mà luôn được sự tịch tịnh của chánh đạo.

Hôm nay, dâng hương Ngưu đầu chiên-đàn

lên cúng dường tháp của đức Phật, nguyện thân của con luôn tỏa ra hương thơm, không còn bị đọa lạc vào đường ác”.

Sau đó, người con trai của ông trưởng giả mệnh chung. Dù được sanh lên cõi trời hoặc thác sanh làm người, trên thân vị này thường tỏa ra hương thơm, từ thân thể cho đến tay chân đều được tướng tốt trang nghiêm, nên cha mẹ gọi người con trai là Hương Thân.

Về sau, Hương Thân chán ghét thân khổ báo có ra từ năm uân và mười tám giới, nên xuất gia tu học, chứng đắc Bích-chi-phật. Bộ xương khô này chính là di cốt của đức Bích-chi-phật, hương thơm kia chính từ di cốt của Ngài lan tỏa ra.

Vì vậy, mọi người nên cúng dường tháp đức Phật, sẽ được công đức lớn.

Câu chuyện này, muốn nhắc nhở chúng ta:

Không được trộm lấy vật của Tam bảo. Cổ đức có dạy: “Ái tích thường trụ vật, như hộ nhãn trung châu”, có nghĩa là chúng ta phải trân quý vật

của Tam bảo, như giữ gìn đôi tròng mắt của mình vậy, tuyệt đối không được tùy tiện hủy hoại, càng không được trộm về làm vật riêng.

Ngoài ra, cần phải giữ gìn thân, miệng và ý cho được thanh tịnh; nếu có bị sai phạm, nên dừng cảm cầu xin sám hối. Phiền não từ tâm sinh khởi, tâm bệnh thì cần thuốc trị tâm, nếu chỉ dùng thuốc để bôi trên thân, làm đẹp vẻ bên ngoài, thì có tác dụng gì? Phải trị gốc bệnh sâu thẳm từ trong tâm, thì mới giải quyết được vấn đề.

Y theo lời dạy của đức Phật, phương pháp sám hối có ba điểm chính:

1. Tác pháp sám: Tức là dựa vào giới luật, y như pháp mà sám hối, không được tái phạm, phương pháp sám hối này thích hợp với ‘giới’.

2. Thủ tướng sám: Nghĩa là thành tâm đối trước đức Phật cầu xin được sám hối, mãi đến lúc thấy được các báo ứng lành, chẳng hạn thấy hào quang của đức Phật phóng ra, hoặc thấy đức Phật đến xoa đầu... Thì nghiệp chướng mới được tiêu

trừ, đây là thích hợp với phương pháp sám hối của pháp môn ‘thiền định’.

3. Vô sanh sám: (còn gọi là thật tướng sám)
Tức là thể ngộ được chư pháp vô sanh (không sanh ra cũng không diệt). Đây là sự sám hối phù hợp với ‘trí huệ’. Cổ đức có dạy:

**Tội tùng tâm khởi tương tâm sám,
Tâm nhược diệt thời tội diệt vong,
Tội vong tâm diệt lưỡng cụ không,
Thị tắc danh vi chân sám hối.**

*Tội từ tâm khởi, đem tâm sám,
Tâm đã diệt rồi, tội liền tiêu,
Tội tiêu, tâm diệt thảy đều không,
Như thế mới là chân sám hối.*

Hoặc trong kinh Phật thuyết quán Phổ Hiền hành pháp có dạy:

**Nhất thiết nghiệp chướng hải,
Giai từ vọng tưởng sanh,**

**Nhược đục sấm hối giả,
Đoan tọa niệm thật tướng.
Chúng tội như sương lộ,
Huệ nhật năng tiêu trừ,
Thị cố ưng chí tâm,
Sấm hối lục tình căn.**

*Tất cả biển nghiệp chướng,
Đều từ vọng tưởng sinh,
Nếu ai muốn sám hối,
Kiết già, niệm thật tướng.
Nghiệp tội như sương sớm,
Mặt trời tuệ chiếu trừ,
Cho nên phải chí tâm,
Sám hối lục tình⁴ căn.*

Như giọt sương lúc sáng sớm, chỉ cần ánh nắng mặt trời vừa xuất hiện, những giọt sương mai liền tan biến; cũng thế, tội nghiệp cũng như

⁴ **Lục tình:** Túc Lục căn: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

những giọt sương, không thể tồn tại lâu dài, chỉ cần trí huệ vô lậu vừa sinh khởi, tất cả tội chướng đều tiêu diệt.

Cho nên, nếu ai đã phạm giới, cần phải thành tâm sám hối, nhưng không được quá bi ai; vì bi ai sẽ gây chướng ngại cho sự tu tập. Tội từ tâm sinh khởi, phải sâu thăm từ nội tâm mà chân thành sám hối, hiểu được tội đã tạo, nhờ sám hối mà được thanh tịnh, cũng nên hiểu rằng tâm tạo tội vốn là tánh không, không phải một khi phạm lỗi làm vĩnh viễn mất thanh tịnh, không phải như thế! Khi thể ngộ được tâm không, tội cũng không, cả hai đều sẽ tiêu trừ, thì mới đúng là sám hối.

Kính chúc quý vị sáu căn thanh tịnh, không ưu phiền, không khổ não.

Chúng ta cùng nhau tinh tấn.

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 25.04.2015*

10. CHĂNG THỀ LẤY TÂM OÁN ĐỂ TIÊU TRỪ OÁN HẬN CHỈ CÓ NHÃN NHỤC THÌ OÁN HẬN TỰ TIÊU

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Trong *Đại trí độ luận*, ở phần giải thích về ‘trì giới ba-la-mật’ thuộc lục độ, có chép một câu chuyện nói về đức Thích-ca trong đời quá khứ từng là một con độc long, tuy mang thân súc sinh, nhưng nó lại phát tâm tu bát quan trai giới. Một hôm, độc long gặp phải một người thợ săn, người này lột da nó dâng lên nhà vua để đổi lấy của cải. Lúc đó, có rất nhiều những loại côn trùng vây đến ăn thịt độc long, vì giữ giới, độc long đã xả bỏ thân mạng mà không hề tiếc nuối hay hối hận gì cả.

Câu chuyện này được ghi chép rất rõ trong ‘phẩm Rồng’, *kinh Bồ-tát bản duyên* quyển 3,

thuộc Đại Chánh tạng, trang 68-70.

Bồ-tát đại sĩ trong tình huống phiền não mà vẫn giữ giới, hưởng hồ được sinh trong nhân đạo thì làm sao không kiên trì giữ giới chứ?⁵

Tôi từng nghe rằng:

Trong thời quá khứ, bồ-tát vì sân nhuế mà bị đầu thai làm thân rồng trong loài súc sinh, có được sắc thân tam độc là khí độc, kiến độc, và xúc độc⁶. Màu sắc trên thân thể của độc long giống như bảy thứ châu báu tụ lại, tự phát ra ánh sáng mà không cần mặt trăng mặt trời chiếu vào. Thân thể nó vừa dài vừa to, hơi thở phì phò như ông bễ, hai con mắt thì chói lọi như hai mặt trời mọc lên cùng lúc vậy! Chung quanh nó luôn có vô số

⁵ Thời quá khứ, bồ-tát không nhất định là thác sinh làm người, mà có khi còn sinh trong loài súc sinh, trong thân mạng của một súc sinh mà vẫn có thể giữ giới, hưởng hồ là sinh trong loài người thì càng cần phải giữ gìn tịnh giới.

⁶ Nghĩa là bất luận người, hoặc động vật nào, chỉ cần nghe mùi của độc long thổi ra, hoặc nhìn thấy nó, hay đụng đến thân thể nó thì đều phải bỏ mạng.

những con rồng khác vây quanh. Đôi lúc, long vương lại hoá thành hình người cùng vui đùa với các con cháu nhà rồng rất vui vẻ. Chúng trú trong núi Ti-đà xa xôi, nơi ấy vốn mọc rất nhiều loài cỏ thụ, bông trái trở đầy khiến ai cũng thích thú, hơn nữa, còn có ao nước đủ tám vị ngon ngọt quyến rũ. Trải qua vô lượng trăm nghìn năm, long vương và các phu nhân rồng vẫn thường hay cùng nhau chơi đùa ở nơi ấy.

Tuy là độc long, nhưng nó vẫn có kẻ địch, và kẻ địch đó chính là kim sí điều (chim cánh vàng). Lúc ấy, kim sí điều đang bay liệng trong không trung để săn mồi, nó xếp cánh, lao thẳng xuống định bắt rồng, mỗi lần nó chuẩn bị bay xuống thì đều khiến cho núi lở đất nứt, suối nguồn cạn kiệt. Lúc ấy, đàn rồng và các phu nhân rồng nhìn thấy hoặc nghe tiếng, biết sắp bị kim sí điều làm hại, thì đều vô cùng lo sợ hoảng hốt, họ bỏ chạy tán loạn làm đánh rơi đầy đất các vòng ngọc, hoa hương, phục sức v.v.

Phu nhân rờng vô cùng sợ hãi, họ khóc lóc:

- Kẻ địch đang đến tấn công. Miệng nó như kim cương sẽ phá hủy tất cả, chúng ta phải làm sao đây?

Long vương vỗ về :

- Đừng lo, các nàng hãy nép phía sau ta!

Các phu nhân rờng vội rắm rắp nép vào phía sau long vương. Long vương nghĩ: “Bây giờ các phu nhân đã sợ hãi đến mức này rồi, nếu ta không thể bảo vệ các nàng được thì tấm thân to lớn này có còn ý nghĩa gì nữa? Ta làm vua của loài rờng cũng là nhờ sở hữu tấm thân to lớn này, nếu không bảo vệ được mọi người thì còn gì là vua nữa chứ! Đã thật sự là một hành giả của chánh pháp thì cần phải xả bỏ tính mạng của mình để bảo vệ cho các tính mạng khác. Kim sí điều có sức mạnh như vậy, trừ ta ra thì khó có con rờng nào có thể đối địch lại nó được, lúc này là lúc ta cần xả bỏ tính mạng mình để giải cứu dòng họ rờng!”.

Thế rồi, long vương nói với kim sí điều:

- Nay kim sí điều! Người nên nghe ta nói! Lúc nào người cũng có ý muốn hại chúng ta, nhưng ta đối với người không hề có chút oán hận nào cả! Ta vì nghiệp lực quá khứ mà phải chiêu cảm thân tam độc này, tuy có sức mạnh vô địch, nhưng không hề có mảy may ác ý nào đối với tất cả hữu tình. Ta cũng suy nghĩ kỹ, nếu với sức lực của ta, không những dư sức chống lại người, mà còn có thể phát ra lửa dữ thiêu rụi cỏ cây xung quanh; hoặc là làm cho ngũ cốc khắp nơi đang vào mùa trở bông sẽ tàn rụi hết trong biển lửa; hoặc biến thân hình thành to lớn che chắn hết ánh sáng mặt trời mặt trăng; hoặc biến thân nhỏ đến độ có thể chui lọt lỗ của thân cây sen; có thể làm cho đại địa tan tành thành dâu bể; hoặc làm rung chuyển các ngọn núi cao; hoặc ta có thể chạy trốn đến nơi mà người không thể nào tìm thấy được. Thế nhưng, bây giờ ta không muốn thực hiện những điều chỉ mang lợi ích cho riêng bản thân ta như thế, bởi

sau lưng ta đang còn rất nhiều những quyền thuộc dòng họ rồng đang cần ta. Sở dĩ ta không muốn giao đấu với người, bởi trong ta không hề có chút ác tâm nào với người cả.

Kim sí điều nói:

- Ta với người kết oán cừu với nhau mà tại sao người lại không khởi chút hận thù nào với ta?

Long vương đáp:

- Ta tuy mang thân hình của loài thú, nhưng lại hiểu rõ đạo lý nhân quả nghiệp báo, ta biết rõ rằng chỉ cần tạo ra chút ác nghiệp thì quả báo xấu cũng sẽ đuổi theo ta, giống như bóng đuổi theo hình. Ta và người đều bị sinh vào đường ác, cũng bởi những ác nghiệp đã tạo từ quá khứ, thế nên ta lúc nào cũng phát khởi tâm thương xót người. Người nên nghĩ kỹ về lời của đức Thế Tôn đã dạy: “Không thể lấy tâm oán hận để kết thúc sự oán hận ghen ghét, mà chỉ có sự nhẫn nhục mới có thể làm ngưng đi sự oán hận mà thôi”. Cũng giống như bỏ củi khô vào trong lò lửa thì sẽ càng làm

cho lửa cháy dữ dội hơn, nếu lấy sân hận báo sân hận thì cũng giống vậy.

Sau khi kim sí điều nghe những lời ấy thì tâm oán hận liền tan biến, nó nói với long vương:

- Thật không ngờ, ta thường hay oán hận người, vậy mà người lại luôn từ bi với ta!

Long Vương đáp:

- Thời quá khứ, ta và người đã từng nghe đức Phật khai thị, ta thì luôn ghi nhớ những lời ấy trong tâm khảm, còn người thì lại hoàn toàn quên mất.

Kim sí điều nói:

- Mong ông làm một vị thầy thân cận của tôi, dạy cho tôi chánh pháp vô thượng. Bắt đầu từ bây giờ, tôi sẽ tặng sự vô úy cho toàn thể họ hàng nhà rồng, khiến cho họ không còn cảm giác sợ hãi nữa.

Nói xong, kim sí điều vụt bay khỏi long cung, trở về nơi của nó.

Sau khi long vương giáo hóa làm cho kim sí

điều trở về nơi mình cư ngụ, lại trấn an bày rộng và các phu nhân:

- Các người thấy kim sí điều cảm thấy rất sợ hãi phải không? Những loại chúng sinh khác khi gặp chúng ta cũng sẽ có tâm sợ hãi y như vậy đây! Tất cả chúng sinh đều trân quý thân mạng họ như các người trân quý thân mạng của chính mình vậy. Chúng ta cần phải quán sát bản thân để hiểu được cảm nhận của người khác. Do đó, các người cần phải phát khởi tâm đại bi, do nhân duyên tu hành tâm đại bi nên sẽ làm cho kẻ oán địch của mình tự động lui về nơi mà họ vốn cư trú, không bao giờ đến quấy nhiễu chúng ta nữa. Sự lưu chuyển lâu đời trong dòng sinh tử, chỉ có tâm từ bi là nơi đáng để chúng ta nương tựa nhất mà thôi. Tâm từ bi là vị thuốc hay, diệt trừ được tất cả mọi phiền não lâu đời. Tâm từ là món ăn ngon cho bao sự đói khát. Có tâm từ bi, thì sẽ mang đến vô lượng an lạc cho mọi loài chúng sinh. Quá khứ do vì chúng ta mất đi tâm từ bi, cho nên đời này chúng

ta mới bị đọa vào trong kiếp súc sinh. Nếu chúng ta coi việc tu tập từ bi như một tấm bùa hộ mạng mình, thì tất cả mọi phiền não không thể nào có thể xâm nhập được. Nếu muốn sinh lên cõi trời, cõi người, đạt được sự giải thoát thật sự, thì từ bi là phương pháp tốt nhất, không gì có thể tốt hơn.

Tất cả họ hàng và phu nhân rồng nghe những lời ấy thấy đều xa lìa sân nhuế độc, nỗ lực tu hành hạnh từ bi.

Lúc này, long vương nhận thấy đồng loại của mình đều tu tập tốt hạnh từ tâm, trong lòng cảm thấy vô cùng hoan hỷ, bản thân mình cũng cảm thấy hết sức sung sướng: “Lành thay! Những gì ta cần làm đều đã làm xong! Tuy ta vì nghiệp duyên phải sinh vào loài súc sinh, nhưng dù sao thì ta cũng đã biết tu tập chánh hạnh của bậc bồ-tát đại sĩ”.

Long vương bảo họ hàng nhà rồng:

- Những gì cần làm, ta đã làm cho các người rồi, đồng thời cũng đã vạch ra con đường chân

chính; ta đã thấp lên cho các vị ngọn đuốc, đóng cửa lối vào ác đạo, đồng thời mở ra con đường để tiến thẳng vào cõi nhân thiên. Các người đã xả bỏ vô lượng ác độc, thay bằng vị cam lồ thượng vị. Thế nhưng, ta mong mọi người thực hiện tiếp một việc nữa. Các vị nên biết, vào trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, người trong cõi Diêm-phù-đề đều tắm rửa thân thể bằng thứ nước công đức bởi do thọ trì Bát quan trai giới, nhập vào tâm thanh tịnh, coi đó là thứ hành trang của cõi nhân thiên, để xa lìa mọi sự kiêu mạn, cống cao, tham dục, sân nhuế, ngu si...

Chính bản thân ta cũng muốn học theo người cõi Diêm-phù-đề, thọ trì Bát quan trai giới. Các vị nên biết rằng, nếu đã thọ trì được giới ấy thì cho dù không mặc trang phục đẹp, thân thể vẫn được trang nghiêm thanh tịnh như đã tắm gội rồi vậy. Chẳng cần tường rào cổng ngõ mà vẫn có thể ngăn chặn được oán tặc; cho dù không được xuất thân cao quý, nhưng lại được đầy đủ chủng tánh

cao quý; dù cho xả bỏ hết cả mọi thứ trang sức quý giá, mà tự thân tự nhiên đã trang nghiêm uy nghi; tuy không có gì quý giá, nhưng lại có vô lượng pháp tài; dù không có xe ngựa nhưng vẫn được gọi đúng nghĩa Đại thừa (cỗ xe lớn); không cần bắc cầu nhưng vẫn vượt qua được ác đạo. Công đức của sự thọ trì Bát quan trai giới bao la như vậy. Các vị nên biết rằng, ngay bản thân ta cũng luôn thọ trì giới đó ở các nơi không hề gián đoạn.

Các vị rờng cùng hỏi:

- Bát quan trai giới gồm những gì?

Long vương đáp:

- Thứ nhất, không sát sinh; thứ hai, không trộm cắp; thứ ba, không dâm dục; thứ tư, không vọng ngữ; thứ năm, không uống rượu; thứ sáu, không nằm hoặc ngồi giường ghé cao to sang trọng; thứ bảy, không đeo hoa, vòng anh lạc, không xức dầu thơm; thứ tám, không tự ca nhạc, múa hát, hoặc cố tình đi xem nghe. Trang nghiêm

thân bằng tám điều này thì không nên ăn sau giờ Ngọ. Tất cả những điều trên được gọi là Bát quan trai giới.

Các vị rờng hỏi:

- Thật sự thì chỉ cần chúng tôi lìa xa long vương một chút, e rằng đã không giữ được sự sống rồi. Bây giờ chỉ mong được tăng trưởng vô lượng chánh pháp, xin ngài hãy khai mở ngọn đèn chánh pháp cho chúng tôi, chúng tôi nguyện sẽ y giáo phụng hành. Thế nhưng, chuyện học tập Phật pháp nếu như có thể đạt được lợi ích ở mọi nơi chốn thì tại sao ngài không thọ trì ngay tại đây? Nghe nói kẻ tại gia vẫn có thể tu trì để tăng trưởng thiện pháp, nếu vậy thì tại sao phải chọn nơi thanh tịnh để hành trì?

Long vương đáp:

- Nếu ở nơi đa dục, thì tâm tham dục sẽ khó lòng ngưng lại được, như mắt nhìn thấy sắc đẹp thì nó sẽ khơi gợi lại tâm ái dục từ quá khứ. Ví dụ ở nơi ẩm thấp thì khi trời mưa, đất nơi ấy dễ nhão

ra thành bùn lầy. Mắt thấy sắc, khơi gợi tâm tham dục quá khứ cũng giống như vậy, nếu ở nơi núi sâu thì mắt sẽ không thấy những thứ sắc dục ấy, thì tâm tham dục cũng không dễ phát khởi.

Các vị rồng đồng loạt thưa:

- Nếu trong núi sâu mà có thể tăng trưởng chánh pháp, vậy thì cứ theo ý của ngài vậy!

Rồi long vương liền dẫn họ hàng nhà rồng đến nơi vắng vẻ, lìa xa sự dâm dục, sân nhuế, thực hành pháp từ bi với mọi loài, lấy công đức của sự nhẫn nhục để trang nghiêm tự thân, mở đạo bồ-đề. Tất cả bọn họ đều thọ trì Bát quan trai giới, trì trai thanh tịnh. Thời gian lâu sau đó, do vì tiết chế ăn uống nên cơ thể họ trở nên suy nhược, vô cùng đói khát, mệt mỏi và buồn ngủ. Long vương tu Bát quan trai, đầy đủ hạnh nhẫn nhục, ông không hề khởi một ý niệm xâm phạm và làm tổn thương đến các chúng sinh khác.

Lúc ấy, có một đám ác nhân đến chỗ của họ hàng nhà rồng, tuy trong cơn mê ngủ, nhưng từ xa,

long vương đã nghe thấy tiếng bước chân của họ và đã giật mình thức giấc. Bọn ác nhân nhìn thấy thân thể của long vương, ai nấy đều hết sức mừng rỡ, họ hỏi nhau:

- Đây là bảo vật gì mà trời lên từ lòng đất vậy?

Long vương trông thấy đám người này, lòng nghĩ rằng: “Ta đến nơi này là vì phước đức của việc tu tập, không ngờ trong núi non này lại xuất hiện lũ xấu xa phá hoại việc tu hành như thế này. Nếu để cho họ nhìn thấy thân hình thật sự của mình e rằng họ sẽ kinh sợ mà chết giấc ngay! Nếu như họ chết đi chẳng phải là làm mất đi ý tưởng tu hành chánh pháp của ta sao? Xưa kia ta do nhân duyên sân hận mà nhận lấy thân rồng với ba loại khí độc, kiến độc và xúc độc. Những người kia nay đã đến đây, chắc chắn là muốn mưu đồ trên thân thể của ta, muốn đoạn lấy sinh mạng của ta mà thôi”.

Lúc đó, đám ác nhân bàn với nhau:

- Chúng ta vào trong núi này với mục đích đi

tìm của báu, nhiều năm rồi mà chưa từng gặp được thân rồng với thân sắc trang nghiêm, nhìn sừng mắt như thế này. Nếu lột da nó ra để dâng lên nhà vua của chúng ta, chắc chắn sẽ được ngài trọng thưởng!

Thế rồi họ rút dao bén lột lấy da rồng.

Do trong thời gian dài, long vương đã từng nhất tâm nghĩ đến lợi ích của tất cả chúng sanh trên thế gian, nên đã khởi tâm từ bi với những kẻ này. Bởi do hành hạnh từ bi nên ba thứ kịch độc là khí độc, kiến độc, xúc độc đều theo đó mà tự tiêu diệt cả. Long vương an ủi chính mình: “Ta không nên luyến tiếc tấm thân này, dù ta có muốn tham đắm kéo dài tuổi thọ thêm vài năm nữa, nhưng khi tai họa kéo đến thì vẫn không thể nào cứu vãn được. Bây giờ, những kẻ kia đã vì phần thưởng của nhà vua mà mưu đồ làm hại thân thể ta, chắc chắn sau này sẽ bị đọa vào địa ngục. Ta thà tự chết chứ không làm cho họ chịu thống khổ sau này!”.

Bọn ác nhân cầm dao xẻ lấy da rồng, lúc đó long vương lại nghĩ: “Nếu như có một người không có tội và không xâm hại người khác, nhưng lại bị người khác lột da xẻ thịt mà vẫn nhẫn chịu, không hề báo thù hay khởi tâm oán hận, thì nên biết rằng kẻ đó chính là vị đại bồ-tát vậy. Nếu như nhẫn chịu với cha mẹ, anh em, vợ con thì không kể làm gì, còn nhẫn chịu được với kẻ oán địch thì đó mới thật sự đáng quý. Ta vì chúng sanh nên cần phải nhẫn nhục, ta muốn nhẫn nhục được với những người này, thì nên coi họ như những người thân thuộc, là thiện tri thức, là cha mẹ thật sự của mình. Tuy trong quá khứ, từ vô lượng đời ta từng xả bỏ thân mạng, nhưng chưa hề hành động như bây giờ. Những kẻ ác này muốn lột da rồng để đạt được vô lượng trân bảo, vàng bạc quý giá, chỉ mong tương lai ta sẽ luôn trao cho họ vô lượng pháp tài”.

Do bị lột da, nên khắp mình long vương đều thọ thương, máu chảy không ngừng, đau đớn tột

cùng khó lòng không chế được. Lúc đó, có rất nhiều loại côn trùng nhỏ ngửi thấy mùi máu tanh, nên đều tụ tập đến ăn thịt long vương. Long vương lại nghĩ: “Những côn trùng ăn thịt ta bây giờ, ta chỉ nguyện sau này sẽ cho chúng ăn pháp thực cam lồ”.

Khi bồ-tát tu hành trì giới ba-la-mật, thì cho dù bị lột da xẻ thịt cũng không khởi tâm oán hận, huống hồ là chuyện khác.

Qua câu chuyện trên, có một vài điểm mà chúng ta cần quan tâm:

Đức Phật dạy: Lấy oán báo oán thì không thể làm cho oán ngưng được, mà chỉ có nhẫn nhục mới có thể làm cho oán hận chấm dứt. Nếu lấy sân hận báo sân hận thì khác nào như lấy củi khô bỏ vào lò lửa, lửa sẽ càng cháy mạnh thêm.

Từ bi và trí huệ là những món thuốc hay làm tiêu trừ sân nhuế phiền não. Nếu coi từ bi và trí huệ là tấm thẻ thông hành thì oán địch, phiền não không thể nào bước vào cổng được.

Người đời, thường thì khi bị xâm hại sẽ nổi giận, nhưng bồ-tát Thích-ca, đời trước khi đầu thai làm kiếp độc long, tuy bị thợ săn lột da, toàn thân đau đớn vô hạn, nhưng không những không khởi tâm sân hận kẻ hại mình, mà còn phát nguyện: “Những kẻ lột da ta là vì tham cầu nhà vua ban thưởng vàng bạc, tiền tài, hy vọng sau này ta thường đem đến cho họ pháp tài”.

Ngoài ra, còn có rất nhiều côn trùng nhỏ bu đến ăn thịt long vương, long vương sợ phương hại đến chúng nên đã không dám chuyên mình, lại còn phát nguyện: “Thân ta nay bố thí cho côn trùng là vì cầu Phật đạo! Nay dùng thịt để bố thí là để lợi lạc cho thân của chúng, sau này, khi ta thành Phật, sẽ dùng pháp bố thí, để làm lợi ích cho tâm của chúng”.

Nghĩa là ta vì muốn thành Phật đạo mà dùng thịt trên thân này bố thí cho các loại côn trùng nhỏ, nuôi dưỡng sắc thân của chúng, sau này ta thành Phật, sẽ dùng Phật pháp bố thí cho chúng (pháp

thí), làm cho chúng trưởng dưỡng tâm thanh tịnh, đồng thời thành tựu pháp thân, đạt đến giải thoát hoàn toàn.

Trên đây là vài điều sách tấn cho mọi người vậy!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 15.11.2014*

11. NGƯỜI GIỎI ĐIỀU PHỤC TÂM SÂN HẬN MỚI CHÍNH LÀ BẠC ĐIỀU NGỰ SƯ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!
Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện trong kinh Phật, chuyện này có nguồn từ *kinh Biệt thích tạp A-hàm* số 75, thuộc Đại Chánh tạng quyển 2, trang 400.

Một thời, đức Phật ở tại vườn của ông Cấp-cô-độc, rừng cây của ông Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Lúc đó, có một thanh niên tên là Ti-nghi đến chỗ đức Phật, trong lòng hấn ôm mối bất thiện, dùng lời lẽ độc ác chửi mắng đức Phật, hòng khơi dậy sự phẫn nộ của Ngài.

Lúc đó, đức Thế Tôn thấy vậy bèn nói với hấn:

- Ví dụ như vào ngày lễ trọng đại, họ hàng thân thích của người đều tập trung lại với nhau,

vậy tối ngày đó, người có dùng y phục, các chuỗi anh lạc hoặc các thứ đồ ăn ngon để chia sẻ với họ không?

Ti-nghi đáp:

- Có chứ! Đương nhiên là tôi sẽ chia sẻ với họ.

Phật bảo:

- Nếu như họ không tiếp nhận những lễ vật mà người tặng, vậy thì những lễ vật đó sẽ thuộc về ai?

Ti-nghi đáp:

- Nếu họ không nhận, thì đương nhiên tôi sẽ mang về lại cho mình rồi chứ sao!

Phật nói:

- Đúng vậy, Ti-nghi này! Người nhục mạ, ác ý, phỉ báng, hãm hại đấng Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, đều không ngoài ý muốn làm cho Như Lai nổi giận. Tuy người có ý đó, nhưng Ta không hề tiếp nhận nó. Cũng giống như người thế gian vậy, đem vật phẩm tặng cho đối phương, nếu đối phương tiếp nhận thì mới được gọi là người cho và kẻ nhận. Nếu có người cho, nhưng đối phương

không nhận, tuy có thể gọi là cho, nhưng lại không thể được gọi là nhận; nếu có người dùng lời nói để nhục mạ, cùng phần nộ đánh đập, ác ý phi báng... mà đối phương cũng có sự phản đối trả đũa thì mới được gọi là “người nhục mạ” và “kẻ bị nhục mạ” (người nhục mạ đã thành hành động, mà đối phương cũng đã tiếp nhận rồi, bởi vì họ có sự phản ứng trả đũa); nếu như có người nhục mạ, phần nộ đánh đập, ác ý phi báng, mà người bị nhục mạ có thể chịu đựng không phản ứng trả đũa, thì lúc này có thể gọi là kẻ nhục mạ, nhưng người bị nhục mạ lại không tiếp nhận.

Ti-nghi nói:

- Này ông Cù-đàm! Trước kia, tôi có nghe các trưởng lão đại đức đều nói rằng: “Nếu người nào nhục mạ hay có bất kỳ hành động gì với Phật, Vô thượng sĩ, Chánh biến tri, thì các vị ấy cũng sẽ không tức giận”, sao hôm nay tôi mới chửi ông chút xíu, ông đã tức giận rồi vậy?

Đức Phật bèn đọc một bài kệ, đại ý như sau:

“Người đã đoạn sân nhuế, làm sao khởi tâm sân? Người nên biết rằng, người biết điều phục thân tâm, sống đúng với chánh mạng thì không có tâm sân hận.

Nếu như có người nào lấy tâm sân hận mà nhục mạ người khác, nhưng đối phương lại không lấy tâm sân hận trả đũa lại, thì người kia không thể nào được coi là đã thắng cuộc⁷; người không khởi sân hận thì mới thực sự là người cao thượng.

Không sân nhuế hơn hẳn kẻ sân nhuế, hành động thiện hơn hẳn hành động bất thiện, lời nói chân thật hơn hẳn lời vọng ngữ.

Người không sân nhuế, không có tâm hại người khác là người có thể gần gũi với người hiền thiện; kẻ thân cận người ác, sẽ tích lũy cái ác của sự sân nhuế như núi đồi.

Sân nhuế giống như con ngựa điên, cần phải

⁷ Bạn muốn chọc giận người khác, nhưng đối phương lại không tiếp nhận, không phản ứng, thì người chủ động nhục mạ rất khó chiến thắng trong trận chiến ấy được.

có dây cương để chế ngự, nhưng chỉ dựa vào dây cương không thôi thì chưa đủ, mà cần phải điều phục tâm niệm thì mới thật sự đáng tin.

Vì vậy, có thể nói, Ta là người chế ngự giỏi nhất”⁸.

Sau khi đức Phật nói xong, các vị ti-kheo nghe rồi đều rất hoan hỷ, vâng theo giáo pháp mà thực hành.

Nội dung đoạn kinh đề cập đến là: Khi bạn tặng đồ cho người khác, mà đối phương không tiếp nhận thì đồ vật ấy đương nhiên sẽ trở về với bạn. Cũng vậy, ở phương Tây, người ta rất sùng bái các vị anh hùng, còn ở Ấn Độ thì người ta lại sùng bái thánh hùng. Anh hùng khác với thánh hùng ở điểm nào? Anh hùng là kẻ chinh phục đối phương, còn thánh hùng là người chinh phục chính bản thân mình; đặc biệt là điều phục được phiền não tham, sân, si ngay nơi tự thân. Phật nói,

⁸ Trong mười đức hiệu của đức Phật, có một hiệu là Điều Ngự Trượng Phu.

người thật sự giỏi điều khiển không phải là người giỏi cầm dây cương, mà chính là người khống chế được thân tâm, hàng phục được thân tâm của mình.

Xin chia sẻ vài vấn đề trên để mọi người cùng nhau cố gắng thực hành!

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 27.12.2014***

12. SÂN OÁN NHỤC MẠ NGƯỜI NHƯ NÉM BỤI NGƯỢC GIÓ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ đến mọi người hai mẩu truyện ngắn, truyện này được trích từ *kinh tạng A-hàm* số 1153-1154, thuộc Đại Chánh tạng quyển 2, trang 307.

Có một thời, đức Phật cư ngụ tại nước Xá-vệ, phía đông giảng đường Lộc Mẫu.

Lúc đó, vào buổi chiều, đức Thế Tôn tĩnh tọa xong, Ngài khởi thân đi đến khu đất trống, bên cạnh rừng cây phía đông của giảng đường để đi kinh hành.

Có Bà-la-môn tên Kiện-mạ-bà-la-đậu-bà-già đi đến chỗ đức Phật đang kinh hành, hấn đứng trước Phật, dùng những lời thô lỗ để nhục mạ, chửi mắng đức Phật. Mặc cho hấn chửi mắng, đức Thế Tôn vẫn điềm nhiên tiếp tục kinh hành, do

vậy, vị Bà-la-môn đành lẻo đẹo đi theo phía sau của Ngài. Sau khi kết thúc buổi kinh hành, đức Phật dừng lại một chỗ.

Bà-la-môn nói:

- Nay Cù-đàm, ông đã đầu hàng rồi phải không?

Lúc đó, đức Thế Tôn nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Người thắng lợi thì càng tăng thêm nhiều kẻ oán thù, người thất bại thì luôn chìm đắm trong sự sợ hãi. Thắng lợi hay thất bại đều không nghĩ tới, thì mới thật sự ngu yên”.

Nghe đức Phật nói như vậy, người Bà-la-môn bỗng tỉnh ngộ:

- Thưa Cù-đàm! Con xin sám hối lỗi lầm con đã tạo. Con là một kẻ ngu si, không phân lý lẽ, làm những việc bất thiện. Sao con lại dám đứng trước Ngài mà buông những lời cực kỳ thô lỗ nhục mạ, trách mắng Ngài thế này!

Sau khi nghe được những lời khai thị của đức

Thế Tôn, người Bà-la-môn vui sướng, tùy thuận theo những lời dạy của Ngài, đánh lễ mà đi.

Ngoài ra, số 1154 của kinh cũng nói, có một lần, đức Phật cư ngụ tại nước Xá-vệ, phía đông của giảng đường Lộc Mẫu. Một hôm, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp ca-sa, cầm bình bát, lần lượt đi vào thành Xá-vệ khát thực.

Lúc đó, có một người bà-la-môn tên Kiện-ma-bà-la-đậu-bà-già từ xa trông thấy đức Thế Tôn, hấn liền dùng những lời thô lỗ, phẫn nộ chửi mắng Ngài. Hấn vừa mắng, vừa hốt một bụm đất cát ném vào đức Thế Tôn, chẳng dè, đột nhiên có một luồng gió từ đâu đến thổi đến, hất ngược trở lại, khiến cho người Bà-la-môn này hứng trọn bụi dơ.

Lúc ấy, đức Thế Tôn nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Nếu người không có tâm sân hận, dù cho có bị người bên ngoài mắng nhiếc, thì người bị mắng vẫn rất thanh tịnh, chẳng chút phiền não nhiễm ô, mà những việc ác ấy sẽ quay trở lại nơi tự thân

người đã mắng; cũng vậy, như người hốt bụi đất ném vào đối phương, nào ngờ bị gió thổi ngược trở lại làm cho tất cả bụi đất dính hết vào thân mình”.

Bấy giờ, người Bà-la-môn thưa với đức Phật:

- Thật hổ thẹn cho những lỗi lầm sai trái của con! Kính thưa đức Cồ-đàm! Con là một người ngu si, không phân biệt rõ ràng lý lẽ, nên đã làm các hành vi sai trái. Tại sao con có thể đứng trước Ngài mà nói những lời lỗ mắng, nhục mạ, trách mắng Ngài như vậy?

Người bà-la-môn sau khi được nghe những lời khai thị của đức Phật, vui mừng tùy thuận theo những lời dạy của Ngài, rồi đánh lễ mà đi.

Có một số người rất thích tranh hơn thua, nhưng trong *Đại trí độ luận* có nói:

Thắng giả đọa kiêu khanh,

Phụ giả đọa ưu ngục,

Thị cố hữu trí giả,

Bất tùy thử nhị pháp.

Kẻ thắng thường kiêu mạn

Người thua thường ưu sầu

Cho nên người có trí

Chẳng luận bàn thắng thua.

Ý muốn nói: Người thắng thì thường hay khởi tâm ngạo mạn, như rơi vào trong vực thẳm sâu hun hút; người thất bại thì rơi vào trạng thái buồn rầu giống như đang ở trong lao ngục, nên bất luận là thắng hay thua, đều rơi vào phiền não. Người có trí thì không rơi vào hai pháp này, không cùng người tranh biện thua hay thắng. Có một số người thích tranh đấu hơn thua, nhưng thật ra, phải biết rằng người cao còn có người cao hơn, trời cao nhưng vẫn còn mấy tầng trời cao hơn, núi cao nhưng vẫn còn có những ngọn núi khác cao hơn. Không nhất định mỗi lần tranh luận đều phải giành thắng lợi, cho dù có giành được thắng lợi thì sự thắng lợi đó cũng chẳng phải là vĩnh cửu,

nên càng không nên kiêu mạn. Người hay nhục mạ người khác, người ta có tính an nhĩn không làm tổn hại đến ta, nhưng vì ta tạo ác khẩu, nên bản thân phải chiêu cảm ác báo.

Qua những mẫu chuyện trên, xin mọi người cùng nhau cố gắng tu tập!

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 27.12.2014***

13. GẢN GỬI THẦY LÀNH BẠN TỐT CÓ THỂ DIỆT TRỪ ĐƯỢC CÁC PHIÊN NÃO (1)

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!
Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện Phật giáo, được trích từ *kinh Đại trang nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 323-326.

Trong kinh dạy, người thân cận thiện hữu tri thức, gản gũi thầy lành bạn tốt, có thể khiến cho lửa phiền não được tiêu trừ.

Nghe nói xưa kia, có con của vua Tố-tì-la tên là Sa-la-na. Lúc bấy giờ, nhà vua đã băng hà, vì thái tử Sa-la-na không chịu kế thừa ngôi vua, nên nhường ngôi cho em trai kế vị, còn thái tử đi đến chỗ của tôn giả Ca-chiên-diên cầu xin xuất gia. Sau khi Sa-la-na xuất gia, ông theo tôn giả Ca-chiên-diên đi về lãnh thổ của vua Ba-thụ-đề,

chuyên tâm tu hành trong một khu rừng thuộc lãnh thổ này.

Có một lần, vua Ba-thụ-đề dẫn theo các cung nữ cùng tùy tùng đến săn bắn tại khu rừng mà tì-kheo Sa-la-na đang cư ngụ. Sau buổi săn bắn, nhà vua mệt mỏi, nằm ngủ dưới một tán cây.

Lúc đó, tì-kheo Sa-la-na sau khi khát thực trở về, liền ngồi bên một gốc cây để tĩnh tọa. Những cung nữ và tùy tùng của vua Ba-thụ-đề rất thích các loại hoa quả, nhân dịp vua ngủ say, họ liền tản mác vào rừng dạo chơi.

Do thầy Sa-la-na là vị xuất gia trẻ tuổi, tướng mạo rất đoan chánh, nên khi những cung nữ nhìn thấy vẻ trẻ trung, cường tráng, dung mạo tuấn tú của vị tì-kheo, họ cảm thấy thật hiếm có, liền xông vào bàn tán:

- Trong Phật pháp mà có được người như thế xuất gia học đạo sao?

Do đó, mọi người ngồi vây quanh tì-kheo Sa-la-na.

Lúc này, vua Ba-thụ-đề thức dậy, không thấy cung nữ và những tùy tùng bên cạnh, nhìn khắp bốn phía cũng không thấy ai. Vua Ba-thụ-đề liền đứng dậy đi tìm, ông nhìn thấy những cung nữ của mình đang ngồi vây quanh một vị tì-kheo trẻ, chăm chú lắng nghe vị này thuyết pháp. Vua Ba-thụ-đề liền nói bài kệ, đại ý như sau:

“Tôi tuy mặc quần áo cực kỳ trắng sạch, là vị vua tôn quý nhất trong đất nước này, nhưng lại thua kém vị xuất gia khéo tài biện luận kia (những cung nữ này không ở cạnh tôi, mà đều đến bên vị tì-kheo ấy), hàng nghìn cung nữ ngồi vây quanh vị đó, họ tôn sùng, mến mộ dung mạo của thầy đó đến vậy sao?”.

Lúc ấy, vua Ba-thụ-đề nổi tâm sân giận, hỏi tì-kheo Sa-la-na rằng:

- Ông đã chứng được tứ quả a-la-hán chưa?

Thầy Sa-la-na trả lời:

- Tôi vẫn chưa chứng đắc.

Vua lại hỏi:

- Ông chứng được tam quả a-na-hàm chưa?

Thầy đáp:

- Vẫn chưa chứng đắc.

Vua hỏi tiếp:

- Còn nhị quả thì sao?

- Tôi vẫn chưa chứng.

- Thế thì sơ quả tu-đà-hoàn, ông đắc chưa?

Đáp:

- Tôi vẫn chưa chứng đắc.

Vua lại tiếp tục hỏi:

- Ông chứng được sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên chưa?

Vị tì-kheo trả lời:

- Tôi đều chưa chứng.

Sau khi vua Ba-thụ-đề nghe thầy Sa-la-na trả lời, ông ta càng thêm căm phẫn, tiếp tục cất vấn:

- Ông chưa phải là người xa lìa dục vọng, tại sao lại cùng với nhiều cung nữ tụ tập một chỗ?

Nói xong, vua liền ra lệnh tùy tùng bắt giữ tì-kheo Sa-la-na, cởi hết y phục của thầy, chỉ chừa

lại một chiếc áo mỏng, rồi lấy những cây gậy có gai, đánh tới tấp vào người thầy.

Lúc này, các cung nữ đều khóc lóc, nói với vua Ba-thụ-đề:

- Tôn giả không có lỗi làm gì, tại sao lại đánh ngài ấy?

Vua Ba-thụ-đề nghe cung nữ của mình nói như vậy, lại tức giận gấp bội, liền sai người ra sức đánh thêm.

Vì tì-kheo Sa-la-na trước kia vốn là thái tử, nay tuy xuất gia nhưng da dẻ vẫn mịn màng mềm mại, không chịu đựng nổi những đau đớn dày vò này, máu tuôn chảy khắp thân. Các cung nữ nhìn thấy tình cảnh này, không có người nào không khóc.

Sau khi tì-kheo Sa-la-na bị đánh đập tàn khốc như thế, tính mạng giống như nghìn cân treo sợi tóc, thầy nằm mê man trên đất, một hồi lâu mới tỉnh lại. Toàn thân thầy đầy thương tích, giống như bị chó dữ cắn gặm, lôi kéo; cũng như có

người bị mãng xà nuốt vào trong miệng, khó có thể thoát khỏi, dù có thể từ trong miệng mãng xà thoát ra được, nhưng muốn tiếp tục sống cũng rất khó, tì-kheo Sa-la-na từ trong hoạn nạn này muốn thoát ra cũng như vậy. Thầy mở to mắt, kinh hoàng run rẩy, toàn thân máu chảy không ngừng, ngay cả mặc áo quần cũng khó khăn. Sợ lại bị đánh đập, thầy vội vàng lấy áo quần chạy trốn, vừa chạy vừa nhìn xung quanh, e rằng còn có người muốn đến bắt mình.

Những vị tì-kheo đồng phạm hạnh thanh tịnh nhìn thấy hoàn cảnh của Sa-la-na như vậy, liền nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Kẻ nào không có tâm từ bi, lại đem vị tì-kheo này đánh đập, làm tổn thương đến như vậy? Tại sao đối với một vị xuất gia lạng lẽ tu hành mà có ý ra tay độc ác, rồi lại tự cho mình là dũng cảm, oai hùng? (vì sao đối với người xuất gia lại cậy thế, ỷ quyền, ức hiếp, xúc phạm như thế?)

Tại sao không bớt phóng túng, mà tàn nhẫn

hãm hại người khác như thế? Vị tì-kheo này không có lỗi lầm gì mà lại tùy tiện làm hại, quả thật là người không biết đạo lý!

Người xuất gia từ bỏ vinh hoa phú quý, một thân một mình không cất giữ dư thừa. Cuối cùng là ai tàn nhẫn, nỡ đem vị thầy này đánh đập, hại thành như thế?”.

Những bạn đồng học dìu tì-kheo Sa-la-na đến chỗ tôn giả Ca-chiên-diên. Vừa nhìn thấy Sa-la-na, tôn giả liền lớn tiếng khóc than, trong tâm tràn đầy thương cảm, liền nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Thân thể của Sa-la-na bây giờ giống như quả Diêm-phù-đề, các màu hồng, xanh, trắng... đan xen lẫn nhau; những vết bầm tím, thậm chí máu đỏ tươi vẫn còn chảy khắp thân. Ai thô bạo ngang ngược mà xúc phạm, tổn thương đến thân thể tì-kheo như thế, đánh đập thầy ấy ra nông nổi như vậy?”.

Lúc đó, tì-kheo Sa-la-na hướng đến tôn giả,

chỉ vào chỗ máu chảy, nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Con đây vốn không nhận được sự bảo hộ nào, một thân một mình tự khát thực để sống lây lất qua ngày, xét lại bản thân mình không có lỗi lầm sai trái gì, nhưng lại bị người khác khinh thường bắt nạt, vô cớ bị đánh đập một trận tàn nhẫn.

Vua Ba-thụ-đề bản tính phóng đảng không biết kiềm chế, làm chủ một đất nước, có tài cao nghiệp lớn, ông ta đột nhiên sanh khởi tâm hung ác, tàn nhẫn, dùng roi đánh đập con khóc liệt, giống như lửa cháy liên tục không ngừng, muốn thiêu hủy, đốt phá thân thể của con.

Con đâu có lỗi lầm sai trái gì mà ông ấy lại thô bạo, ngang ngược đánh đập con tổn thương đến thế này”.

Tôn giả Ca-chiên-diên biết tì-kheo Sa-la-na trong tâm đang sân hận, ngài liền nói:

- Ông xuất gia học pháp không phải vì bảo vệ thân thể của mình, mà là vì diệt trừ phiền não

trong tâm.

Tôn giả nói tiếp bài kệ, nội dung như sau:

“Thân thể của ông đã bị tai nạn khốn khổ rồi, vì sao trong tâm lại sinh khởi oán hận? Dù sao ông cũng không nên sinh tâm oán giận, phẫn nộ, bởi vì tâm trí rối loạn, kiêu ngạo sẽ làm thương tổn bản thân mình (thân đã chịu khổ rồi, nhất thiết không nên sinh khởi tâm sân hận, khiến cho tự mình càng khổ thêm)”.

Lúc đó, trong tâm của tì-kheo Sa-la-na sinh khởi rất nhiều phiền não thống khổ, nên biểu hiện sự sân hận, phẫn nộ ra cả bên ngoài như thế. Giống như con rồng trong cuộc chiến, phun ra ánh sáng, cũng như sấm sét ùng ùng liên tục. Tì-kheo Sa-la-na nói bài kệ, nội dung đại khái như sau:

“Hòa thượng! Ngài nên biết, lửa dữ của sân hận, kiêu ngạo, thiêu đốt nội tâm của chúng ta, giống như cây cối khô héo, thân cây trống rỗng bên trong mà sinh ra lửa dữ mãnh liệt (ví dụ như

từ trong tâm mà sinh khởi lửa sân hận).

Con xuất gia tu hành đã được một thời gian rồi, nhưng bây giờ con muốn trở về nhà thế tục. Thông thường người khiếp nhược đều không chịu nổi sự đau khổ này, huống gì là con. Làm sao con có thể chịu đựng những thống khổ mãnh liệt như thế?

Bây giờ con muốn trở về nhà thế tục, lấy lại ngôi vua, triệu tập tướng mã, quân binh, con sẽ khiến cho khắp đại địa đều bao phủ bởi màu đen.

Tâm sân hận của con đang hùng hực cháy mãnh liệt, bất luận ban ngày hay ban đêm đều không dừng nghỉ, chẳng khác gì lửa mạnh thiêu đốt núi rừng đồng ruộng, đến con đom đóm nhỏ cũng bị thiêu rụi, vua Ba-thụ-đề cũng như vậy (sẽ bị thiêu đốt bởi lửa dữ sân hận)”.
Sau khi nói xong bài kệ, Sa-la-na liền lấy ba y giao cho bạn đồng phạm hạnh thanh tịnh. Thầy rơi nước mắt, nghẹn ngào đánh lễ dưới chân Hòa thượng để từ biệt, rồi nói một bài kệ, đại ý như

sau:

“Bạch Hòa thượng! Xin ngài cho phép con hướng về ngài sám hối để diệt trừ những lỗi lầm đã qua, bây giờ con nhất định phải về nhà. Nếu như nổi oán hận này không được trừ bỏ, thì dù con ở trong pháp xuất gia, tâm cũng không được vui vẻ hạnh phúc, (tâm của con đã không còn thích xuất gia nữa rồi, vì tuy ở trong pháp xuất gia, nhưng không biết cách diệt trừ cơn oán giận này)”.

Lúc đó, tôn giả Ca-chiên-diên là người thiện xảo phân biệt đệ nhất đối với pháp nghĩa trong kinh, nhạo thuyết biện tài cũng đệ nhất, ngài nói với Sa-la-na:

- Ông không nên làm như vậy! Thân thể này không kiên cố, cuối cùng cũng suy yếu, sẽ hư hoại, hủy diệt. Ông không nên vì thân thể này mà xa lìa Phật pháp, cần phải quán sát sắc thân này là vô thường, bất tịnh.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói tiếp mấy bài kệ, đại

ý như sau:

“Thân thể chúng ta rất nhơ nhớp không sạch sẽ, chín lỗ ở trên thân (đó là hai mắt, hai tai, lỗ mũi, miệng, đường đại tiểu và đường đại tiện) thường chảy ra những thứ dơ dáy, đã hôi hám lại còn bản thủ, quả thật khiến cho người chán ghét. Chín lỗ trên thân của chúng ta thường chảy ra những thứ không sạch, thân thể này chỉ là đồ đựng, được trang hoàng lộng lẫy bởi các thứ phiền não mà thôi.

Thân thể này hết sức xấu xa, là nơi tích tụ các bệnh quái ác, nếu có tiếp xúc, va chạm, sẽ nảy sinh rất nhiều khổ não.

Tâm ý của ông không nhận ra những điểm này, quả thật là người không đủ trí huệ, ông cần phải bỏ đi những ý nghĩ đê hèn này.

Như Lai từng nói bài kệ tụng, ông cần phải ghi nhớ trong lòng, không được quên mất: Khi có oán hận, khổ não, người nào có thể ràng buộc, chế ngự, kiểm soát được nó thì chính là kiểm soát

được bản thân mình, giống như dùng dây cương buộc quanh đầu ngựa, điều khiển, chế ngự ngựa dữ chưa được điều phục.

Nếu ai có thể kiềm chế, kiểm soát được tâm hành của mình thì mới đáng được gọi là người giỏi chế ngự, nếu không có cách kiểm soát ràng buộc, thì gọi là phóng dật.

Tại gia giống như bị trói buộc trong lao ngục, xuất gia thì được giải thoát khỏi trói buộc, ông đã được thoát khỏi sự ràng buộc của gia đình, tại sao lại muốn khoác thêm gông xiềng, trói buộc trong lao ngục?

Sân hận là giặc cướp của tâm, dù thế nào, thì ông cũng không được thuận theo sân hận, để cho sân hận điều khiển.

Bởi thế, đức Phật thường tán thán người học rộng nghe nhiều. Đức Phật là vị Đạo sư được bậc Thánh tôn quý nhất, ông cần phải vâng theo lời dạy bảo Ngài. Bây giờ, ông nên nhớ nghĩ đến lợi ích của việc được học rộng nghe nhiều chánh

pháp, không nên đuổi theo sân hận nữa.

Đức Phật từng khai thị giáo pháp điều phục tự tâm cho tôn giả Phú-lâu-na, cho dù có người dùng cưa cắt lia thân thể, chân tay, cũng không nổi lên sân hận; ông cần phải thường tư duy, nghe nhiều pháp như vậy.

Cũng nên nhớ lại tôn giả Xá-lợi-phất đã nói ra năm pháp không nào hại:

1. Nếu có người thân không hành thanh tịnh, nhưng miệng lại nói lời thanh tịnh, thì chúng ta không nên học theo thân không hành thanh tịnh của người này, mà học theo người này nên nói lời thanh tịnh.

2. Nếu có người miệng không nói lời thanh tịnh, nhưng thân lại làm những việc thanh tịnh thì chúng ta không nên học người này miệng không nói lời thanh tịnh, mà nên học người này thân làm việc thanh tịnh.

3. Nếu có người thân không làm việc thanh tịnh, miệng cũng không nói lời thanh tịnh, mà tâm

có chút hành thanh tịnh, thì chúng ta không nên học người này thân không làm việc thanh tịnh, miệng không nói lời thanh tịnh, mà chỉ nên học người này tâm có chút thực hành thanh tịnh là tốt rồi.

4. Nếu có người thân miệng ý đều không thực hành thanh tịnh, thì chúng ta nên sinh khởi tâm thương xót, đừng khởi niệm mong rằng người này vì thân miệng ý không hành thanh tịnh mà đọa trong ba ác đạo; cần phải suy nghĩ: “Nếu người này gặp được thiện tri thức khuyên bảo chỉ dạy, xả bỏ hành động không thanh tịnh của tam nghiệp, tu tập thực hành pháp thanh tịnh của thân miệng ý, thì khi chết liền được sanh về cõi lành của trời người”.

5. Nếu có người thân miệng ý đều hành thanh tịnh, thì chúng ta nên tùy hỷ tán thán, không nên khởi tâm tật đố mà tự sinh ra ưu não.

Ông nên khéo quán sát tám pháp ở thế gian (lợi lộc, suy tôn, hủy báng, khen ngợi, tán thưởng,

châm biếm, khổ bức, sung sướng). Ông nên cố gắng suy xét lỗi lầm do sân hận gây nên.

Ông nên quán sát tướng mạo đặc trưng của xuất gia, tự kiểm điểm lại bản thân xem mình đã phù hợp hay chưa phù hợp với tướng xuất gia.

Chánh pháp của từ-kheo là cầu xin thức ăn nơi người khác để duy trì sự sống; sao có thể thọ nhận sự cúng dường của tín chúng, mà lại còn sinh tâm sân hận nặng nề như vậy?

Thức ăn người khác cúng dường đã ăn vào trong bụng của mình, làm sao có thể khởi tâm sân hận? Vì sao chỉ bị người tại gia đánh mà ông đã tổn thất đạo tâm của mình như thế?

Nếu ông muốn thực hành chánh pháp, thì không nên khởi tâm sân hận; người có thực hành Phật pháp, thì nên lấy thân làm mẫu mực, với mục đích làm gương tốt cho đại chúng, nếu sinh khởi tâm sân hận là việc không nên làm. Bởi vì sân hận, phần nộ chẳng những nã hại tự tâm mà miệng còn thốt ra lời ác, bị người trí cơ hiềm trách mắng,

ông không nên có những hành vi như thế.

Những người xuất gia cần phải giữ gìn thân miệng ý thanh tịnh, tì-kheo cần nên điều phục, hòa thuận, tu nhẫn nhục, không khởi tâm sân hận.

Kiên định trì giữ giới luật thanh tịnh, nói lời chân thật, quyết không nói dối, cần nên cố gắng tu học nhẫn nhục, không nên sinh khởi tâm sân hận.

Người xuất gia không nên nói lời ác, mà nên mặc áo nhẫn nhục nhu hòa.

Người xuất gia không nên khởi tâm sân hận rồi thốt ra lời thô bạo, nếu như thế, thì khác nào vị tiên tuy đang ngồi thiền, nhưng lại rút thanh gươm ra ôm vào trong ngực.

Bình bát, y phục... của tì-kheo, tất cả đều khác với người thế tục, nếu còn khởi tâm sân hận, phẫn nộ giống như kẻ thế tục, thì thật không nên.

Nếu người xuất gia mà còn phát ngôn ra lời thô tục giống như người tại gia, thế thì sao có thể được gọi là tì-kheo?

Tì-kheo cạo bỏ râu tóc, tháo gỡ những thứ

trang sức đẹp, tự hạ thấp mình, xin người cho phẩm thực; sao có thể bên ngoài biểu hiện vẻ khiêm hạ nhún nhường, nhưng trong tâm lại không có pháp đoạn trừ ngạo mạn? Nếu muốn lìa ngạo mạn, thì nên trừ bỏ tâm niệm tà ác dơ bẩn, nhanh chóng tìm cầu giải thoát.

Sắc thân này phải dùng vào mục đích giống như mục đích của môn bắn cung, chỉ cần có mục đích và mũi tên thì có thể đạt được mục tiêu. Nếu như có sắc thân thì sẽ có các loại khổ não, ví bằng không cảm thấy được khổ báo trong tam giới của thân thì sẽ không có những khổ não này.

Giống như ở ngay nơi cổng thành có để một cái trống, có người từ nơi xa đến, rất mệt mỏi muốn được nghỉ ngơi, nhưng những ai muốn vào thành, trước tiên đều phải đánh trống thì cửa mới mở, thế nên, hết người này ra, lại có người kia vào, tiếng trống vẫn vang lên không dừng nghỉ, khiến cho người này không có cách nào ngủ được, do đó, anh bỗng nổi giận với những người đánh trống.

Sau khi tranh cãi với rất nhiều người, anh ta lại suy nghĩ: “Vấn đề là ở nơi cái trống này, không phải do lỗi của mọi người”, vì vậy, anh ta đập vỡ cái trống, từ đó, anh có thể yên ổn ngủ một giấc ngon.

Sắc thân của tì-kheo cũng giống như cái trống, vì muốn đạt được an vui cho nên xuất gia; không luận là ruồi, muỗi, gián, cho đến cỏ độc đều có thể đốt, cắn làm tổn thương người ấy. Vì vậy, tì-kheo phải luôn luôn siêng năng tinh tấn, khiến sắc thân này xa lìa sự trói buộc, không được đam mê, ở lâu dài trong tam giới.

Cần phải quán sát nguồn gốc của khổ, đó là năm uẩn, lục trần, lục giới hòa hợp bởi sắc thân này. Nếu như có thể giải thoát khỏi năm uẩn, lục trần, lục giới, thoát khỏi các khổ trói buộc thì mới có thể chứng được niết-bàn an vui”.

(Đây là câu chuyện rất dài, phần sau còn một đoạn nữa, muốn biết thêm cụ thể, xin mọi người vui lòng đợi lần sau, chúng tôi sẽ tiếp tục phân

- 184 - Phước Huệ tập 6

tích).

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 28.03.2015*

14. GẦN GŨI THẦY LÀNH BẠN TỐT CÓ THỂ DIỆT TRỪ ĐƯỢC CÁC PHIÊN NẢO (2)

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!
Hôm nay, tôi xin chia sẻ tiếp đoạn sau của câu chuyện òi-kheo Sa-la-na. Câu chuyện được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 323-326.

Trước tiên, chúng ta tóm tắt sơ qua nội dung nửa đoạn đầu của câu chuyện.

Òi-kheo Sa-la-na vốn là thái tử, nhưng ông từ chối kế thừa ngôi vị, xin xuất gia theo tôn giả Ca-chiên-diên. Sau khi xuất gia, thầy tu hành trong một khu rừng thuộc lãnh thổ của vua Ba-thụ-đề. Một hôm, vua dẫn các cung nữ đi đến khu rừng này để dạo chơi, nhà vua mỗi một chợp mắt nghỉ ngơi một lúc. Sau khi thức dậy, phát hiện không thấy các cung nữ đâu, ông liền tìm

kiếm khắp nơi, rớt cuộc nhìn thấy các cung nữ của mình đang vây quanh một thầy òi-kheo, chăm chú lắng nghe thầy thuyết pháp. Vua Ba-thụ-đề bực tức, chất vấn òi-kheo Sa-la-na là đã chứng quả, hay đã đạt được mức thiền định nào chưa. Òi-kheo Sa-la-na trả lời rằng thầy chưa chứng đắc. Nghe vậy, vua Ba-thụ-đề vô cùng tức giận, liền sai người lột y phục của thầy, lấy gậy có gai ra sức đánh đập.

Òi-kheo Sa-la-na trong lòng rất oán hận, muốn hoàn tục trở về ngôi vua, để dẫn binh đến tiền đánh, trả thù vua Ba-thụ-đề. Nghe vậy, tôn giả Ca-chiên-diên ra sức khuyên bảo thầy:

- Thân thể của ông đã bị trận đòn hiểm mà tạo thành vết thương đau đớn, bây giờ, cho dù ông trả thù được, thì đối với những vết thương và sự khổ sở từ trận đánh tàn nhẫn mà ông đã nhận, lẽ nào nhờ vào sự trả thù của ông mà trở lại bình thường được sao? Phải biết, chúng ta có sanh già bệnh chết, đói khát nóng lạnh, thọ nhận sự đánh giết

của người khác, hoặc là vết thương do côn trùng cắn v.v., mọi sự thống khổ đó đều từ thân năm uẩn này sinh ra.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói một thí dụ:

- Giống như ở cạnh cổng thành có đặt một cái trống, có một người từ phương xa đến, rất mệt mỏi, muốn ngủ tạm bên thành. Nhưng những ai muốn ra vào cổng thành đều phải đánh trống mới đi qua được, nên người nào cũng phải đánh mấy hồi trống: “Tùng, tùng, tùng, tùng, tùng, tùng”. Như vậy, cứ hết người ra, lại có kẻ vào, nên tiếng trống kêu mãi không thôi, làm cho người này không tài nào ngủ được, anh ta trở nên cáu kỉnh, bực bội với những người đánh trống. Nhưng sau khi tranh cãi với nhiều người, anh ta chợt phát hiện nguồn gốc của vấn đề là ở cái trống, chứ không phải tại người đi đường qua lại, cho nên anh liền đứng dậy đập nát cái trống, từ đây, anh có thể yên ổn ngủ ngon. Cũng vậy, sắc thân của chúng ta chẳng khác nào cái trống lớn, chỉ cần có

trống, thì có người muốn đến đánh; cũng giống như mục tiêu, chỉ cần có mục tiêu, thì mũi tên sẽ bắn đến hướng đó; sắc thân này cũng thế, đã có thân, thì làm sao tránh được sự đánh đập, hành hạ, phi báng của kẻ khác, hoặc bị trùng muỗi đốt cắn? Do đó, tất cả nguồn gốc của khổ đau thật ra đều là do thân năm uẩn của chúng ta gây nên, đây mới là căn bản sinh ra các thứ khổ. Thân của chúng ta đã thọ khổ rồi, sao lại để cho tâm phát sinh phiền não, tự mình đã khổ, lại càng khổ hơn? Nếu ông muốn tránh khỏi bị đánh đập đau đớn, xa lìa sự sợ hãi chết chóc, thì phải diệt trừ tâm sân hận, phiền não..., không trở lại trong sanh tử luân hồi, mới là con đường giải thoát cứu cánh!

Nói xong, tôn giả lại bảo Sa-la-na:

- Bây giờ, ông phải xả bỏ tâm sân hận, phẫn nộ, não hại! Nếu nghĩ muốn não hại người khác, trước hết, ông nên nghe tôi nói:

Tất cả chúng sanh trong thế gian đã khổ não lắm rồi, tại sao ông lại muốn làm não hại chúng

sanh? Hết thấy chúng sanh cuối cùng cũng đều trở về với cái chết, tôi với ông và cả vị vua kia, không bao lâu sau đều phải chết, bây giờ vì sao ông lại muốn giết chết đối phương? Tất cả chúng sanh, hễ có sanh thì đều có tử, đâu cần ông phải ra tay làm hại? Có sanh ắt có tử, đây là vấn đề không có gì phải nghi ngờ, cũng giống như mặt trời mọc rồi, ắt phải có lặn, đã có thân thể thì cuối cùng cũng phải chết, tại sao ông còn muốn làm hại vị vua kia? Nếu làm hại ông ấy, bản thân ông có an vui không? Ông đã phát tâm xuất gia thọ trì giới pháp, bây giờ lại muốn làm hại kẻ khác, sau này nhất định sẽ nhận ác báo rất nghiêm trọng, phải chịu vô lượng thống khổ; vị vua kia trước sau gì rồi cũng sẽ nhận lấy ác báo, ông ta tự làm tự chịu, ông còn muốn trả thù ông ấy làm gì? Hơn nữa, vị vua kia làm hại ông, khiến cho ông nổi tâm sân hận, do vì sân hận nên đời này ông tạo ra rất nhiều khổ đau cho mọi người, do ác nghiệp như vậy, đến đời sau, quả báo khổ đau mà ông phải nhận sẽ càng nhiều

gấp bội. Vì vậy, ông nay phải nên dẹp bỏ tâm sân hận, vì sao lại muốn làm hại vị vua kia? Nếu ông ở trong khoảng sát-na sanh khởi tâm sân hận, thì sẽ bị sự phẫn nộ bức não thân tâm. Nay tôi giải nói yếu nghĩa của Phật pháp cho ông nghe, ông phải chăm chú lắng nghe thí dụ này:

Làm cho người khác bị thương thì cũng giống như chính mình tự đốt tay của mình, người khác chưa bị hại thì tự mình đã bị khổ não đốt cháy trước.

Lòng sân hận phẫn nộ cũng giống như thế, muốn làm hại người khác thì chính mình sẽ bị hại và chịu đau khổ trước; thân thể giống như củi khô, lòng sân hận giống như ngọn lửa, người khác chưa bị thương vì bỏng, mà tự bản thân mình đã bị đốt cháy.

Khởi tâm sân hận muốn hại người khác, có thể thành công, cũng có thể thất bại; nhưng việc này chắc chắn sẽ làm tổn thương đến chính mình.

Khi đó, Sa-la-na yên lặng lắng nghe những lời

tôn giả Ca-chiên-diên dạy về yếu nghĩa của Phật pháp. Những bạn đồng phạm hạnh của thầy nhìn thấy như vậy đều rất vui mừng, họ bảo nhau:

- Sau khi Sa-la-na nghe Hòa thượng khai thị yếu nghĩa Phật pháp xong, thì sẽ không đòi hoàn tục nữa.

Thế nhưng, Sa-la-na vẫn không chịu nghe lời khuyên giải, thầy lớn tiếng nói rằng:

- Người vô tâm còn không thể chịu đựng được việc này, huống gì tôi là người có tâm, làm sao có thể chịu được?

Sa-la-na lại nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Ánh chớp lóe sáng trong hư không, giống như một sợi roi vàng, hư không là vật vô tình mà còn phát ra tiếng sấm động, huống gì, nay tôi với thân phận là con vua, địa vị có thua gì vua ở nước kia đâu, làm sao có thể chịu đựng sự sỉ nhục của ông ta mà không trả thù được?”.

Sau khi nói xong đoạn kệ tụng này, Sa-la-na lại thưa với tôn giả Ca-chiên-diên:

- Hòa thượng nói đúng, nhưng tâm con bây giờ vững chắc như tảng đá, nước không thể lay chuyển được. Nhìn thấy toàn thân mình rách da chảy máu, con lại khởi tâm sân hận, bất mãn. Con không xin xỏ cái gì, không nhờ sự giúp đỡ vua Ba-thụ-đề, không phải là nô lệ của ông ta, không phải là người làm thuê của ông ta, càng không phải là nhân dân của ông ta. Con không phải là người trộm cướp, cũng không hãm hại ai, lại không có tâm tranh đấu, quấy nhiễu vua Ba-thụ-đề. Nói tóm lại, con có lỗi lầm sai trái gì đâu, mà ông ấy lại làm tổn thương con như thế này?

Ba-thụ-đề ở ngôi vua, ý mình có quyền lực, phú quý, còn con nay là kẻ tu hành bần cùng nghèo khổ, mỗi người có một tướng mạo và chí hướng không giống nhau, chẳng qua, con ngày ngày duy trì mạng sống bằng việc khát thực, ngồi một mình trong rừng cây vắng vẻ để tu hành, nhưng vua Ba-thụ-đề lại mặc tình làm tổn hại con.

Con sẽ làm cho ông ta cũng gặp phải đau khổ như con, làm cho ông ấy không dám phá hoại người tu hành. Con nhất định phải trả thù, làm cho ông ấy không thể ngủ yên!

Con là một người tốt, mà vua lại tùy tiện hãm hại, sỉ nhục. Hôm nay, con nhất định phải trả thù, làm cho ông ấy phải chịu đau khổ hơn con, khiến cho hạng người hung bạo, ngang ngược như ông ta không dám tiếp tục tùy ý làm tổn hại người khác nữa.

Nói xong những lời nói này, Sa-la-na liền quỳ gối trước mặt tôn giả Ca-chiên-diên, xin được xả giới. Lúc đó, những người bạn đồng học cùng thờ tôn giả Ca-chiên-diên làm thầy và cùng tu học phạm hạnh thanh tịnh với tì-kheo Sa-la-na đều khóc to thành tiếng:

- Vì sao hôm nay thầy lại từ bỏ Phật pháp?

Các bạn đồng học nắm tay Sa-la-na, có người thân thiết ôm chặt thầy; cũng có người nắm vóc sát đất, đánh lễ Sa-la-na, nói với thầy:

- Dù sao thầy cũng phải thận trọng, dè dặt giữ gìn, không nên từ bỏ Phật pháp!

Rồi vị này nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Vì sao thầy một mình đơn độc xa lìa đại chúng, muốn thoát đạo tâm, xả bỏ những giới pháp đức Phật chế ra?

Vì sao lại khởi ác tâm nói: ‘Đức Thế Tôn không phải là đạo sư của tôi’? Sau khi xả giới về nhà, nếu có tì-kheo đến nhà thầy xin ăn, thầy không cảm thấy xấu hổ sao?

Lần đầu tiên, khi thọ giới, thầy đã từng tự mình lập lời nguyện, cho đến khi kết thúc thọ mạng này, sẽ luôn trì giữ giới tì-kheo. Tại sao thầy nói mà không làm, lại muốn xả bỏ giới hạnh thanh tịnh?

Thầy mặc ca-sa, cầm bát đi khát thực nuôi dưỡng sự sống đã lâu lắm rồi. Tại sao hôm nay lại muốn cởi áo giáp, cầm dao gậy đi đánh nhau?

Cây roi của vua Ba-thụ-đề hủy hoại sắc thân của thầy, thầy liền muốn xả bỏ pháp sa-môn. Tại

sao thầy không nghĩ kỹ đến việc quá khứ, đức Thế Tôn là vị tiên nhân, đã từng trải qua tu hạnh nhẫn nhục khi bị vua Ca-lợi cắt đứt tay chân? Lẽ nào chỉ có vị tiên nhân nhẫn nhục mới là sa-môn xuất gia, còn thầy không phải là sa-môn xuất gia hay sao? Chẳng lẽ chỉ có vị tiên nhân mới biết tu hạnh nhẫn nhục, còn thầy không biết tu pháp nhẫn nhục hay sao?”.

Tôn giả Ca-chiên-diên thấy Sa-la-na vẫn không lay chuyển, ngài nói với mọi người:

- Tâm ý của ông ấy đã định, thôi thì các thầy nên rời khỏi đây, tôi sẽ giải quyết việc này.

Sau khi đợi các tì-kheo đi khỏi, tôn giả Ca-chiên-diên liền lấy tay xoa đầu Sa-la-na và nói:

- Con thật sự muốn về sao?

Sa-la-na trả lời:

- Hòa Thượng! Con nay nhất định phải về.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

- Tối nay, con tạm thời ngủ ở đây, ngày mai

liền có thể đi về, không nên xả giới vội.

Sa-la-na trả lời:

- Dạ! Hôm nay là lần cuối cùng con nghe lời Hòa thượng dạy, tối nay con xin nghỉ lại bên cạnh ngài, đợi ngày mai sau khi xả giới xong, con sẽ trở về, lấy lại ngôi vua, sau đó chống cự lại với vua Ba-thụ-đề.

Tối đó, Sa-la-na trải cỏ làm nệm lót ngủ ở bên chân ân sư lần cuối, trước khi xả giới hoàn tục. Tôn giả Ca-chiên-diên vận dụng thần thông, đưa Sa-la-na chìm vào giấc mộng.

Sa-la-na thấy mình đã hoàn tục, về đến quốc gia của mình, lên ngôi vua và tập hợp đội quân hùng hậu, rầm rộ kéo đến khiêu chiến với vua Ba-thụ-đề. Khi đó, vua Ba-thụ-đề cũng kết tập kết quân đội nghênh chiến. Bất hạnh thay! Toàn bộ quân đội của Sa-la-na đều bị đánh bại. Quân địch lòng bắt được Sa-la-na, dẫn đến trước mặt vua Ba-thụ-đề. Vua nói:

- Đây là một người đại ác, hãy đem đi giết.

Lính hầu và hộ vệ của vua liền đeo vòng hoa Mạn-la-ti-la lên cổ của Sa-la-na. Bọn giết người ngênh ngang quát tháo, ra lệnh mọi người và hộ vệ cầm dao, gậy bao quanh bốn phía, dắt Sa-la-na đi về hướng phần mộ.

Trên đường đi đến mộ, Sa-la-na nhìn thấy tôn giả Ca-chiên-diên cầm y bát đang chuẩn bị vào thành khát thực, Sa-la-na không thể kìm lòng, bỗng rơi lệ khóc nức nở, hướng về tôn giả nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Vi con không nghe lời chỉ dạy của Sư trưởng, khởi tâm sân hận, làm nhiễm ô chính mình, bây giờ bị chém đầu để đền tội, con là người tội tệt làm hư hại Phật pháp.

Bây giờ con sắp phải chết rồi, rất nhiều kẻ cầm đao gậy vây quanh con, giống như con hươu bị nhốt trong chuồng, nay con cũng giống như thế.

Lát nữa đây, con sẽ không còn nhìn thấy cảnh thế gian Diêm-phù-đề nữa; trong khoảnh khắc cuối cùng này, con có thể nhìn thấy Hòa thượng,

tuy trong tâm con vẫn còn ác niệm, nhưng Sư trưởng vẫn từ bi bảo vệ cho con giống như bò mẹ bảo vệ bò con”.

Lúc đó, tên đao phủ cầm thanh đao lớn bén ngọt, nói với Sa-la-na:

- Đây là thanh đao dùng để chém ông, cho dù ông có Hòa thượng, cũng làm gì được nào?

Sa-la-na đau khổ cầu xin tôn giả Ca-chiên-diên. Ông khóc to và nói:

- Bây giờ con xin quy y Hòa thượng.

Ngay lúc đó, Sa-la-na bừng tỉnh giấc, vội vàng chạy đến bên tôn giả, đánh lễ thưa:

- Thỉnh cầu Hòa thượng rộng lòng tha thứ cho con, con vì ngu si đã không vâng theo lời dạy của ngài.

Sa-la-na lại nói:

- Trước kia, con quá ngu muội không biết gì, định xả bỏ giới pháp của đức Thế Tôn. Bây giờ, xin ngài cho phép con xuất gia, con không muốn trả thù, cũng không muốn làm vua nữa. Vì con

cảm nhận được con người ta sống ở đời, hưởng được mùi vị của hạnh phúc thì rất ít, mà khổ não, tai họa lại quá nhiều! Con đã hiểu được toàn bộ tội lỗi của oán hận rồi, bây giờ con chỉ muốn được học pháp giải thoát mà thôi. Do chí hướng của con không kiên định, nông nổi hời hợt đối với chúng sanh, không khéo quan sát, đã vậy mà lại không muốn nói chuyện với người có trí huệ, không tiếp nhận lời dạy bảo, khuyên nhủ của người khác, trở thành một người bị đại chúng khiển trách, quở mắng. Chỉ hy vọng Hòa thượng có thể độ cho con xuất gia thêm lần nữa. Con bây giờ rất ưu sầu khổ não, xin Hòa thượng từ bi thương xót mà tế độ cho con!

Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

- Yên tâm đi! Ông vẫn chưa xả giới, ta chỉ dùng thần lực hiển bày một số cảnh trong mộng cho ông thấy mà thôi.

Lúc đó, Sa-la-na vẫn không thể tin. Tôn giả Ca-chiên-diên liền phóng ra ánh sáng từ cánh tay

phải, nói với Sa-la-na rằng:

- Ông vẫn chưa xả giới, không tin thì ông hãy nhìn vào dáng vẻ của chính mình.

Sa-la-na rất vui mừng:

- Tốt quá! Nhờ bậc thiện tri thức dùng phương tiện thiện xảo khuyên bảo, khiến cho con chưa thật sự phạm lỗi lầm, chỉ hiện ra cảnh trong mộng, dẫn dắt chỉ đường cho con. Đức Phật từng nói: “Thiện tri thức là bậc đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh”. Đây là câu nói chân thật không hư vọng. Ai có thể đắc quả giải thoát mà không cần nương tựa thiện tri thức? Chỉ người ngu si mới không nương tựa thiện tri thức, như thế làm sao có thể đạt được giải thoát?

Tôn giả Ca-chiên-diên từ bi cứu độ ti-kheo Sa-la-na thoát khỏi nạn, làm tiêu trừ độc hại sân hận của thầy đối với vua Ba-thụ-đề. Vì vậy, người có trí huệ cần phải thân cận thiện tri thức.

Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta:

Nếu bị người khác mắng chửi, sỉ nhục, cần

phải học theo vị tiên nhân tu hạnh an nhẫn, không nên khởi tâm sân hận; nên khởi tâm từ bi, thương xót, thậm chí nhẫn nhục giống như vị tiên nhân, ngài phát nguyện tương lai khi thành Phật, sẽ hóa độ kẻ hãm hại mình trước nhất. Tất cả chúng sanh có sinh ắt phải có tử, tại sao bạn lại muốn ra tay làm tổn thương họ? Nếu khởi tâm sân hận muốn báo thù, làm cho người bị thương thì cũng giống như chính mình tự đốt tay mình vậy. Bạn có thể hại được họ, cũng có thể không, nhưng điều chắc chắn là chính bản thân sẽ bị thương tổn trước; không chỉ tạo thành đau khổ lớn ngay trong hiện đời, mà đời sau còn phải chịu những khổ báo lớn hơn.

Chủ yếu của việc tu hành là ở chỗ ‘hộ tâm’, chứ không phải ‘hộ thân’. Thân thể của chúng ta chứa đầy những thứ bất tịnh, chỉ là đồ chứa đựng đầy phiền não mà thôi, cho dù chúng ta giữ gìn thân thể kỹ lưỡng thế nào đi nữa, vẫn không tránh khỏi già yếu, bệnh tật và chết chóc. Giống như cái

trống, chỉ cần có trống, thì sẽ có người muốn đánh, cũng vậy, chỉ cần có sắc thân, thì không tránh khỏi sự đánh đập, phỉ báng của người khác, cũng như tất yếu phải đón nhận sự khổ của sanh già bệnh chết... Thật ra, tất cả nguồn gốc của khổ đau là do thân năm uẩn của chúng ta gây ra. Nếu muốn thoát khỏi thống khổ sanh già bệnh chết và sự đánh đập, phỉ báng của người khác, chúng ta cần phải diệt trừ tâm sân hận phiền não. Được vậy thì không còn trở lại trong sanh tử luân hồi, đây mới là con đường giải thoát cứu cánh!

Trên thế gian này, kẻ thù lớn nhất không phải là người khác, mà là tâm phiền não sân giận của chính mình.

Kẻ thù ở thế gian chỉ có thể phỉ báng, sỉ nhục, áp bức, đánh đập, giết hại, nhiều nhất cũng chỉ làm thương tổn sắc thân như bản hôi thối này, chứ không làm tổn thương pháp thân của chúng ta được; nhưng nếu để giận phiền não nổi lên, sinh khởi tâm muốn báo thù thì sẽ tổn hại pháp thân

thanh tịnh lương thiện của chính mình.

Vả lại, kẻ thù ở thế gian, nhiều nhất chỉ tổn thương một đời này của chúng ta thôi; nhưng nếu chúng ta khởi oán thù phiền não, thì sẽ giết hại vô lượng kiếp của chúng ta, khiến cho chính mình đời đời kiếp kiếp đều ở trong biển khổ luân hồi.

Câu chuyện còn nhắc đến sự quan trọng của thiện tri thức. Như trong *kinh Tăng nhất a-hàm* có nói: Thiện tri thức là bậc đầy đủ phạm hạnh. Đây không phải nói người đầy đủ phạm hạnh mới có thể làm bậc thiện tri thức của chúng ta, mà ý muốn nói, ai thân cận gần gũi bậc thiện tri thức, sẽ được dẫn dắt đi đúng theo con đường chánh, làm cho chúng ta phát khởi tín tâm, học rộng biết nhiều, chánh niệm, bố thí, trí huệ, v.v., đều có thể tăng trưởng; theo ý nghĩa này mà nói, thiện tri thức là người đầy đủ phạm hạnh.

Bản thân của đức Thế Tôn cũng nhờ sự dẫn dắt của thiện tri thức mới thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi thành Phật, Ngài

hóa độ chúng sanh, khiến cho chúng sanh thoát ly biển khổ sanh tử. Do đó, đức Thích Tôn cũng là thiện tri thức. Nếu như lúc xưa, đức Thích Tôn không gần gũi thiện tri thức, thì cuối cùng đâu thể được Phật Nhiên Đăng thọ ký.

Hy vọng mọi người đều có thể thân cận thiện tri thức, nghe chánh pháp, như lý mà tư duy, nương theo pháp mà hành trì.

Qua câu chuyện này, mong mọi người cùng cố gắng tu tập.

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 11.04.2015***

15. VÍ DỤ VỀ BỐN NGƯỜI VỢ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng với mọi người một mẩu truyện trong kinh Phật, câu chuyện này được trích từ *kinh Tạp A-hàm*, thuộc Đại Chánh tạng quyển 2, trang 495-496.

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn của ông Cấp-cô-độc, cây của thái tử Kì-đà, nước Xá-vệ, Ngài bảo các vị tì-kheo:

- Này các tì-kheo! Chú ý lắng nghe.

Các vị tì-kheo trả lời:

- Chúng con xin vâng theo lời dạy bảo của đức Thế Tôn.

Đức Phật nói:

- Này các tì-kheo! Con người có bốn loại nhân duyên, tham ái có nhẹ có nặng, có cạn có sâu, một khi có tham ái thì nó sẽ thừa dịp làm cho chúng ta rời xa đạo giải thoát.

Này các ti-kheo! Ví dụ như một người đàn ông có bốn người vợ, trong đó, người vợ thứ nhất được ông rất xem trọng, cung chiều hết mực. Bất luận đi, đứng, ngồi, nằm đều không rời xa ông; thậm chí, có nhu cầu tắm rửa thì liền đáp ứng, hoặc có đồ trang sức đẹp, đồ ăn thức uống ngon ngọt, năm loại ngũ dục sắc, thanh, hương, vị, xúc, ông đều cho người vợ lớn dùng trước; không luận là thời tiết lạnh lẽo hoặc nóng bức, thậm chí đói khát, việc lớn việc nhỏ gì cũng đều thuận theo và luôn động viên quan tâm nhau. Mọi việc đều tùy thuận vào tâm ý của bà vợ lớn, cho nên từ trước đến nay chưa hề có cuộc tranh cãi nào.

Người vợ thứ hai thì trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày, thường ở một bên, bầu bạn với ông ta, có việc gì ông cũng đều tâm sự với bà. Hễ ở cạnh người vợ thứ hai thì ông rất vui vẻ, nên một khi bà đi vắng thì ông cảm thấy rất ưu sầu, có khi vì ưu sầu mà dẫn đến già yếu, sinh bệnh; có khi vì bà mà phát sinh ra đủ các thứ tranh luận.

Người vợ thứ ba thì thỉnh thoảng cũng có lúc gặp gỡ, hai bên thăm hỏi sức khỏe nhau, chia sẻ những việc đắng cay ngọt bùi, thế nhưng, gặp lúc nghèo khổ thì có khi đôi bên cảm thấy chán nản, phiền hà, thành ra oán ghét nhau, nhưng hễ xa nhau một thời gian thì lại bắt đầu nhớ nghĩ đến nhau.

Còn người vợ thứ tư thì mặc cho người chồng sai khiến, cả ngày bận rộn đủ các loại việc trong nhà, việc khó đến thế nào, bà cũng tìm cách xử lý, nhưng người chồng này đối với người vợ thứ tư lại khước từ, không quan tâm, không nói chuyện với bà ấy, đã chẳng quan tâm bảo vệ, cũng chẳng giúp đỡ lo lắng gì.

Một ngày nọ, người đàn ông biết mình sắp chết, ông hỏi từng người vợ, xem ai đồng ý theo ông mà rời xa nhân thế. Ông hỏi người vợ thứ nhất:

- Bà sẽ cùng tôi qua bên kia thế giới chứ?

Bà vợ thứ nhất đáp:

- Không! Tôi chưa muốn chết, tôi không thể đi với ông được!

Người chồng hết sức thất vọng:

- Tôi yêu thương bà hết mực, ai cũng không sánh bằng, bất luận là nhiều hay ít, việc lớn nhỏ gì tôi cũng tùy thuận theo ý của bà; cung cấp những thứ cần dùng trong sinh hoạt, yêu thương che chở, bảo vệ bà mọi lúc để cho bà được hài lòng, tại sao bà không đi cùng với tôi?

Bà dứt khoát trả lời:

- Tuy ông rất yêu thương bảo vệ tôi, xem trọng tôi, nhưng xin lỗi! Tôi không thể đi cùng với ông.

Người đàn ông này đành ôm hận, quay sang hỏi người vợ thứ hai:

- Bà nên đi cùng với tôi qua bên kia thế giới!

Người vợ thứ hai trả lời:

- Ông rất mực yêu thương người vợ thứ nhất, mà bà ấy có đi chung với ông đâu? Sao tôi lại phải đi theo ông chứ? Tôi không đi!

Người chồng nài nỉ:

- Ngẫm lại thời gian trước đây tôi theo đuổi bà, gian nan vất vả biết bao, không thể dùng lời nào mà hình dung cho đủ, bất chấp thời tiết lạnh giá của mùa đông, oi bức của mùa hạ, chịu đựng những cơn đói khát, lũ lụt, hỏa hoạn, quan lại, trộm cướp; đủ thứ bức bách, phải tranh giành, cãi cọ, thật không dễ gì mới đến được với bà, tại sao bà không chịu đi cùng tôi?

Bà này đáp:

- Ông vì mưu đồ lợi ích cho chính mình nên mới theo đuổi tôi, nhưng tôi không cần ông làm như vậy, thì hà cớ gì ông lại đi kể khổ với tôi?

Người đàn ông này càng thêm ôm hận, quay sang bảo người vợ thứ ba:

- Bà đi cùng với tôi chứ?

Người vợ thứ ba trả lời:

- Tôi thọ nhận ân đức bố thí của ông, nên việc tôi có thể làm là tiễn đưa ông đến ngoài thành, chứ không thể đi cùng ông qua bên kia thế giới

được.

Người chồng càng cay đắng hơn, ông quay sang người vợ thứ tư, nói:

- Tôi sắp phải từ bỏ nơi này, bà sẽ đi cùng tôi chứ?

Người vợ thứ tư gật đầu:

- Tôi sau khi rời xa cha mẹ để về với ông, ông bảo thế nào, tôi nghe thế ấy, nguyện một lòng cùng ông đồng cam cộng khổ. Dù sống hay chết, tôi cũng sẽ đi cùng với ông!

Người đàn ông này không cách nào để ba người vợ kia không xem trọng bản thân họ mà tự nguyện đi theo ông ta, chỉ có người vợ thứ tư quê mùa, cục mịch là chịu đi với ông qua bên kia thế giới mà thôi.

Đức Phật dạy:

- Từ mẫu truyện trên, người đàn ông đó được ví như là thân thức⁹; người vợ thứ nhất là thân thể,

⁹ Còn gọi là căn bản thức.

thân thể này nhận được sự yêu quý che chở chăm sóc quan tâm cao nhất, chẳng ai sánh bằng, thế mà, một khi kết thúc sinh mệnh, thần thức chỉ có thể tùy theo ác nghiệp hay phước nghiệp mà thôi, thân thể rồi cũng cứng đờ nằm dưới đất, rốt cuộc là một nắm tro tàn, không cách nào đi theo ta được.

Đức Phật lại dạy:

- Nay các tì-kheo! Nếu không thể tùy thuận theo bốn loại chánh hạnh thì không thể nào đắc được giải thoát. Thế nào là bốn loại chánh hạnh? 1. Tri khổ, 2. Đoạn tập, 3. Chứng diệt, 4. Tu đạo¹⁰. Tu đạo cần đầy đủ tám chánh đạo¹¹ cần chân thành tu hành mới có thể thể chứng bốn thánh đế.

Người vợ thứ hai được ví như tài sản. Thông thường, con người ta có được tài sản thì rất vui mừng, còn khi không có thì liền ưu sầu, thế nhưng,

¹⁰ Đó là bốn thánh đế: Tri khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo.

¹¹ Tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

một khi mạng chung, tiền bạc châu báu đều phải để lại nhân gian, nó chẳng thể nào đi theo ta được, càng nhớ nghĩ đến nó thì càng đau khổ mà thôi.

Người vợ thứ ba thì đại biểu cho năm loại người thân: Cha, mẹ, vợ, con, anh em, cho đến bạn bè và những người ăn kẻ ở. Thời gian còn chung sống với nhau thì rất thân thiết, nhớ nghĩ về nhau. Thế mà một khi sinh mạng này kết thúc, họ chẳng qua là khóc sụt mướt để tiễn đưa ta đến nơi an táng, xong việc thì tự ai về nhà nấy như không có chuyện gì, có buồn thương tưởng nhớ cũng không quá mười ngày, rồi họ lại tụ tập ăn uống tiệc tùng, quên đi người đã chết.

Người vợ thứ tư thì đại biểu cho tâm niệm. Thế giới ngày nay rất ít người có sự quý trọng, canh giữ tâm niệm của mình, phần đông người ta đều buông thả tâm niệm, phát sanh tham dục, sân oán, không tin chánh đạo. Sau khi thân này chết đi thì sẽ đọa lạc vào ác đạo, có người đọa vào địa ngục, có người thì chuyên sanh làm súc sanh hoặc

ngạ quỷ. Đây đều là do con người buông thả tâm niệm mà phải lãnh chịu hậu quả như vậy.

Này các tì-kheo! Người tu đạo, tâm niệm cần phải ngay thẳng, phải loại bỏ tâm ngu si, không làm những việc ngu si, đừng các ác niệm, không tạo tác ác hạnh; không tạo tác ác hạnh thì sẽ không chiêu cảm họa hoạn, không phải lãnh thọ họa hoạn thì không bị thác sanh trong ba cõi, không đầu thai trong ba cõi thì không già, không già sẽ không bệnh, không bệnh sẽ không chết, không chết mới đắc đạo niết-bàn vô vi.

Sau khi nghe đức Phật khai thị, các tì-kheo đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

Ví dụ này của đức Phật rất thiện xảo, rất sâu sắc, khiến cho chúng ta lãnh hội rất nhiều.

Tại sao nói người vợ lớn rất được sủng ái? Người vợ này là ví dụ cho thân thể chúng ta. Chúng ta cho nó ăn ngon, mặc đẹp, còn giúp cho nó tắm rửa, xoa bóp... đối với thân thể này quan tâm đủ kiểu, nhưng con người sau khi đã chết rồi,

thân này chỉ còn là một vật cứng đơ, nằm trên mặt đất, thậm chí còn trương sinh, phát ra mùi hôi thối. Nó có thể đi cùng với chúng ta được hay không? Tất nhiên là không thể rồi!

Tại sao nói người đàn ông này lúc theo đuổi người vợ thứ hai, gian khổ trăm cay nghìn đắng mới đạt được? Người vợ thứ hai này ví dụ cho tiền tài. Vì theo đuổi tiền tài, chúng ta phải chịu đựng thời tiết khắc nghiệt, có khi cực lạnh, có khi cực nóng; thậm chí có lúc vì để đạt được nó mà đối với bạn bè đối bạn thành thù, hơn nữa, tài sản luôn bị thiên tai rình rập như hỏa hoạn, lũ lụt, trộm cướp,... bức bách, không dễ dàng gì để đạt được nó. Một khi đã đạt được rồi thì cảm giác rất vui mừng, mà hễ mất đi thì hết sức ưu sầu, buồn khổ. Phải vất vả ngược xuôi mới có được chút của cải, thế mà một khi mạng chung, đành phải để lại hết cho thế gian, tùy ý người khác sử dụng, ta không cách nào mang theo được. Tại sao nói rằng, người này thường thủ thủ tâm sự cùng người vợ

thứ hai? Vì người đời hễ mở miệng ra là “tiền, tiền, tiền”, mà rốt cuộc thì nó có theo ta đến bên kia thế giới được đâu!

Tại sao nói thường cùng người vợ thứ ba hỏi han ân cần, lại có khi buồn vui ly hợp? Người vợ thứ ba này ví như bạn bè, hay những người thân thích của chúng ta, thỉnh thoảng tụ họp cùng nhau rất vui vẻ. Thế nhưng, gặp mặt nhau mãi lại sanh ra cảm giác phiền chán, nhưng cách một thời gian lâu không gặp thì lại bắt đầu nhớ nghĩ đến nhau. Một khi chúng ta mạng chung, thân bằng quyến thuộc cũng chỉ có thể tiễn đưa chúng ta đến bên huyệt mộ. Sau khi lo xong việc an táng rồi thì mỗi người ai cũng tự về nhà nấy, ai có thể đi cùng với bạn? Một thời gian sau, mọi người lại cùng nhau tụ tập ăn uống vui chơi, quên đi người đã chết, một chút thương nhớ cũng không còn. Nếu khi còn sống, bạn không làm được lợi ích chân chính cho mọi người, thì còn ai nhớ đến bạn?

Người vợ thứ tư với dáng vẻ thô kệch, què

mùa là ai? Đó là thí dụ cho tâm niệm của chúng ta. Nó cả ngày bận bịu hết chuyện này tới chuyện kia, nhưng chúng ta dành rất ít thời gian để quan tâm lo lắng cho nó, không biết quý trọng nó.

Tại sao nói nó thô kệch? Vì tâm niệm của chúng ta chất chứa đầy tham, sân, si, mạn, nghi, như bản không thể nào chịu được. Tuy tâm của chúng ta thô lậu nhưng nó lại rất trung thành với chúng ta, thậm chí sau khi chết, còn thân thiết đi theo, vì các thứ ác nghiệp mà ta đã tạo, luôn đi theo chúng ta như bóng theo hình.

Chúng ta cần phản tỉnh một chút: Phải chăng chúng ta đã quá xem trọng thân thể, tiền tài của mình? Có lúc chúng ta không chú ý đến những người thân, thiếu sự quan tâm bạn bè? Còn đối với tâm niệm của bản thân, chúng ta đã chăm sóc, quan tâm đúng mức hay chưa? Nếu chúng ta biết chăm sóc tốt cho những ý niệm của mình, khiến cho nó biến thành một nơi rất tinh khiết; những thiện nghiệp, phước đức, trí huệ đã được tạo tác sẽ

luôn đi theo chúng ta. Trái lại, nếu chúng ta tùy tiện buông lung tâm niệm thì nó sẽ biến thành tâm niệm xấu, khi mạng chung, ác nghiệp đã tạo sẽ đồng hành cùng ta như bóng với hình.

Bình thường, chúng ta không những đối với người thân, với thầy, hay bạn, cần nên quan tâm, mà còn phải dùng tâm từ bi đối đãi với tất cả chúng sanh; cho đến tiền tài, cũng không phải không cần, mà chúng ta nên đem tiền tài thế tục để chuyển hóa thành pháp tài công đức. Và thân thể, chúng ta không nên lợi dụng nó để ăn uống, chơi đùa, vui mừng, làm xằng làm bậy, mà phải lợi dụng sắc thân này để bồi công lập đức, làm nhiều điều lợi ích cho chúng sanh.

Hy vọng mọi người đừng quên dụng công tu hành, phải thường chăm sóc tự tâm, luôn luôn giữ gìn chánh niệm, chánh tri.

Mọi người chúng ta cùng nhau nỗ lực cố gắng!

- 218 - Phước Huệ tập 6

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 22.12.2014***

16. NẪM TRÊN CHÔNG GAI CHỈ KHỔ MỘT ĐỜI, BỊ GAI NHỌN CỦA THAM SÂN ĐÂM KHỔ VÔ LƯỢNG KIẾP

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!
Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một truyện cổ Phật giáo. Câu chuyện được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 265-266.

Một người tin theo tà đạo, họ phải chuốc lấy đủ các loại khổ não, tai ương; chỉ có người tu hành chánh đạo, mới làm cho tín tâm ngày càng tăng trưởng và tiếng tăm ngày một vang xa; chính vì thế, người có trí huệ phải biết quán sát, phân biệt rõ ràng đâu là tà đạo, đâu là chánh đạo.

Câu chuyện kể rằng: Có một người ở ven đường tu khổ hạnh, hễ thấy có người đi ngang qua, ông ta liền nằm trên chông gai; khi không thấy ai,

lập tức đứng lên đi đến nơi khác.

Có người thấy như thế, nói với người tu khổ hạnh:

- Ông có thể nằm mãi trên chông gai, đâu cần phải vội vàng đứng dậy, xong lại nằm xuống? Ông cứ nằm xuống rồi đứng lên mãi như thế, thân thể của ông sẽ bị tổn thương rất nặng!

Người tu khổ hạnh nghe xong, then quá hóa giận, ông ta nhẫn tâm hơn nhún người thật mạnh trên chông gai, cú sau nhảy cao hơn cú trước, thân thể của ông đương nhiên phải chịu đau đớn một cách dữ dội.

Lúc bấy giờ, người tu khổ hạnh nhìn thấy có một vị cư sĩ đang đứng bên cạnh, nên ông càng làm cho chông gai lắc qua lắc lại khủng khiếp hơn, tàn hại thân thể của mình.

Vị cư sĩ nói với ông:

- Trước kia, vết thương của ông chẳng qua chỉ bị mũi nhọn nhỏ của chông gai chích vào mà thôi, nhưng bây giờ, ông lại dùng mũi nhọn của

ngu si và sân hận để tàn hại chính ông. Trước kia, cây gai chích vào chỉ làm ông bị tổn thương, trầy xước bên ngoài, còn bây giờ, mũi nhọn sắt bén của tham lam, sân hận đã đâm sâu vào bên trong. Nằm trên chông gai, chịu đau chỉ một đời mà thôi, còn như bị các thứ tham, sân tàn hại, sự nhức nhối đó tiếp nối đến vô lượng kiếp. Chông gai chỉ làm cho thân thể bị thương tích, vết thương đó rất dễ lành; thế nhưng, một khi đã bị mũi nhọn của tham sân tàn hại, trải qua vô số kiếp cũng không dễ xóa sạch được, ông cần phải cấp tốc nhổ bỏ cây gai độc bám sâu trong tâm của ông ra.

Sau đó, cư sĩ nói bài kệ, có nội dung như sau:

“Bây giờ ông nên cố gắng nhổ gai độc bám sâu trong tâm của ông ra, dùng mũi dao sắt bén của trí huệ chặt đứt những cây gai của tham lam, sân hận. Tham lam và sân hận một khi bám vào con người, thì đời đời khó mà nhổ chúng ra được.

Người ngu si có nhiều tà kiến, nên không thể hiểu chánh đạo của chân lý, nằm ở trên chông gai

để hành hạ thể xác, muốn dùng phương pháp khổ hạnh để kết thúc khổ đau.

Mọi người khi thấy ông nằm trên chông gai, không ai chẳng hoảng hốt muốn tránh xa; chỉ có ông mãi ôm chặt loại khổ hạnh này, không dám buông xuống.

Thấy tình trạng như thế, tôi mới hiểu ra sự khác nhau giữa chánh đạo và tà đạo; cho nên, lại một lần nữa trở về nương tựa đức Thế Tôn, đáng đầy đủ Thập lực!

Đức Phật dùng tâm từ bi cứu chúng sanh ra khỏi biển khổ, từng khai thị con đường đúng đắn của bậc giác ngộ, đối với những chúng sanh lầm lạc vào tà đạo, Ngài dùng con đường bát chánh dẫn họ đến giải thoát.

Ngoại đạo do tà kiến, bị khổ hạnh làm mê hoặc, vô cùng tín phụng khổ hạnh, cuối cùng bị sanh tử luân hồi không dứt.

Người có trí huệ khi nhìn thấy tình trạng như thế, đối với chánh pháp tín tâm càng kiên cố, vì

biết rõ ngoại đạo quá si mê, cho rằng trước phải chịu khổ, sau này mới được giải thoát.

Phương pháp đức Phật giáo hóa chúng sanh siêu việt thế gian, Ngài dạy: ‘Muốn tu lương được viên mãn, cần phải tu học bát chánh đạo, chỉ có con đường đạo mới đưa đến giải thoát’.

Từ đó có thể hiểu, thân tâm an lạc mới là giải thoát thật sự, không như ngoại đạo các ông, cho rằng phải chịu sự hành hạ đau đớn thì mới đắc niết-bàn.

Tất cả là do tâm, tâm điều khiển thân và khẩu tạo ra ác nghiệp hay thiện nghiệp; ông nên điều phục chính tâm niệm của ông, chứ tại sao ông lại đi hành hạ thể xác để làm gì? Thân thể chỉ chịu sự thúc giục của tâm phiền não, tùy tiện tu đủ thứ khổ hạnh.

Nếu khổ hạnh là phương pháp tu tập đúng đắn, như thế đến địa ngục chịu khổ, cũng là chánh đạo hay sao? Như chúng sinh ở trong địa ngục chịu đựng sự giết chóc, cắt xẻ thân thể, lợi trong phần

tiểu, bị thiêu đốt nóng bức... chịu đựng đủ kiểu đau đớn thảm thiết; họ cũng gánh chịu đủ các thứ khổ, sao không được gọi là tu khổ hạnh?

Khi dùng trí huệ để trừ bỏ ba loại ác nghiệp của thân, miệng và ý, thì các loại phiền não nhiễm ô mới có thể tiêu trừ!

Giáo pháp mà đức Phật Thích-ca-mâu-ni đã khai thị, Ngài lại dạy chỉ quán (thiền định, trí huệ) để hướng dẫn loài người tìm cầu niết-bàn giải thoát, người nào biết huệ lấy trí huệ để trang nghiêm tự thân, tinh tấn tu tập không biếng nhác thì mới là khổ hạnh thật sự.

Tại sao ông lại hao phí sức lực làm mệt thân xác như thế? Khổ hạnh mà không có chút lợi ích nào, kết quả phải chịu quả khổ triền miên, không có ngày kết thúc.

Chẳng khác nào cha mẹ nuôi nấng đứa con bất hiếu, không bao giờ nhận được sự phụng dưỡng của nó, thậm chí, nó còn phạm đủ các tội, làm liên lụy đến cha mẹ cũng phải chịu nhiều thống khổ”.

Người tu ngoại đạo lại nói:

- Có nhiều vị tiên nhân, nhờ tu tập khổ hạnh, mà được sanh lên cõi trời.

Cư sĩ lại nói một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Những vị tiên nhân được sanh vào cõi trời, không phải nhờ nằm trên chông gai, mà do họ biết thực hành bố thí, trì giới, nói lời chân thật, nên mới được tái sanh vào cõi trời.

Còn ông cũng tu khổ hạnh, lại chẳng có chút lợi ích nào; chẳng khác nào người nông phu mùa xuân không chịu gieo hạt giống, đến khi mùa thu về, chắc chắn sẽ không có gì để thu hoạch.

Ông cũng như thế, nếu không chịu gieo trồng hạt giống của thiện căn, chỉ tập trung vào tu khổ hạnh, cuối cùng cũng chẳng có gì để thu hoạch.

Người muốn tu đạo, nên biết chăm sóc thân thể, phải ăn uống đầy đủ, trưởng dưỡng thọ mạng, thể lực phải khỏe mạnh, tinh thần phải sáng suốt, thì mới có thể tu học giới, định, huệ.

Vì không ăn nên đói khát không thể chịu đựng nổi, thân và tâm đều khổ sở, sẽ không thể chuyên tâm tu tập, thì làm sao có thể chứng Thánh quả?

Nếu thức ăn thịnh soạn, cũng không vì ngon mà tham đắm, chỉ vì việc tu tập trì giới, nói lời chân thật, bố thí, nhẫn nhục và thiền định, vun bồi những thiện căn này, trong tương lai sẽ gặt hái được thiện quả.

Tuy hành hạ thân thể phải chịu đói khát, nhưng trong lòng lại nghĩ nhớ đến món ăn ngon, như thế, trong quá trình tu tập đã gieo chủng tử không tốt, thì làm sao gặt hái được quả cho ngon ngọt được?

Nếu có tâm muốn làm tổn thương người khác, khiến người sinh tâm khủng khiếp, lo sợ; để từ bỏ tâm tàn hại này, phải vì chúng sanh hành vô úy thí, đây chính là thực hành chánh pháp; nếu còn sanh tâm tàn hại người, thì gọi là phi pháp.

Một người được ăn uống no nê, sẽ chẳng bao giờ có tâm niệm làm tổn thương người; vì không

có tâm niệm làm người thương tổn, cho nên không thể có hành động sát hại người; nếu sinh khởi được tâm đại từ bi, thì mới có thể thu hoạch được quả báo đại thiện.

Tuy ông chịu đựng sự đói khát, vì không đủ sức nên dẫn đến tinh thần bị uể oải, buồn ngủ, như thế đối với chính bản thân ông, hay đối với mọi người được lợi ích gì?”.

Ngoại đạo đáp:

- Nếu ông chỉ khởi tâm từ bi, không cho người khác lợi ích thiết thực, mà vẫn được quả báo lớn; như thế, tôi chịu đói, nên bị hôn trầm cũng vậy thôi, tuy không cho người lợi ích, nhưng vẫn được quả báo thiện.

Cư sĩ đáp:

- Tâm từ bi có công năng tiêu trừ sự tàn hại, do trừ bỏ được tâm sân hận, nên mới gặt hái được quả báo thiện. Còn ông tu khổ hạnh, mà tâm sân hận ngày càng lớn mạnh, thúc giục thân và khẩu tạo ác nghiệp, thì làm sao đạt được quả thiện?

Tâm từ bi sẽ không như thế, một khi tâm từ bi sinh khởi, thì có thể diệt trừ được sự độc hại của tâm sân hận; nhờ không còn sự độc hại của tâm sân hận, nên thân và khẩu mới có khả năng tu tập thiện nghiệp. Tu khổ hạnh không được lợi ích gì, thì làm sao có thể mang ra thảo luận với thiện nghiệp của tâm từ?

Như khi sư tử cất tiếng rống, thì không có một loài cầm thú nào dám đứng yên trước mặt của chúng; biện tài vô ngại của đức Như Lai Thế Tôn cũng vậy, tất cả các ngoại đạo không có ai dám đối đầu biện luận với đức Thế Tôn. Giáo pháp mà đức Phật nói ra đủ năng lực chiết phục ngoại đạo, hàng ngoại đạo chỉ biết im lặng lắng nghe, không có ngôn từ nào có thể hồi đáp!

Câu chuyện này kể rằng: Có vị ngoại đạo tu khổ hạnh, lúc nhìn thấy có người thì nằm yên trên chông gai, đợi lúc không có ai liền vội vàng đứng lên nghỉ ngơi.

Tu khổ hạnh như ông ta, chỉ làm vẻ bên ngoài,

sự giả tạo đó đã bị cư sĩ thấy tường tận. Người ngoại đạo vì thế mà nổi giận, dùng hết sức nằm xuống thật mạnh, kết quả làm cho thân thể ông ta nhúc nhối hơn.

Người cư sĩ này rất có trí huệ, nói với ông ta rằng:

- Nằm ở trên chông gai, đây chỉ là một cây gai nhỏ; cây gai của sân hận mới là cây gai vừa lớn vừa sắc bén. Bị thương tích ở bên ngoài, chỉ là sự đau đớn của da thịt, vết thương sớm liền như cũ, sự đau đớn của thể xác lâu nhất chỉ một đời mà thôi; thế nhưng, sự tổn thương do tâm sân hận gây nên, vết thương sẽ in sâu trong tâm, muốn nhỏ chúng ra, dễ gì làm được! Sự đau đớn cũng không phải chỉ một đời có thể kết thúc, mà phải chịu đựng đến vô lượng kiếp.

Muốn được quả báo an vui, nên gieo hạt giống an lạc. Cái nhân của an lạc, không phải nhờ tu khổ hạnh. Muốn đạt kết quả lành, tất phải gieo hạt thiện. Hạt giống thiện là gì? Đó là bố thí, trì giới,

nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ... Hành vi thân và khẩu của chúng ta, đều do tâm tạo tác, nếu chúng ta không cố gắng chuyển hóa từ nội tâm, lại chỉ biết đọa đày thân thể, thì dầu tu khổ hạnh cũng vô nghĩa, không thể nào đạt được giải thoát.

Nếu ông cho rằng tu khổ hạnh có thể được giải thoát, có thể chứng đạo quả, như thế, những chúng sanh chịu khổ trong địa ngục phải chịu không biết bao nhiêu là đắng cay, cũng phải được chứng đắc chứ? Vì họ chịu hành xác còn nhiều hơn ông mà! Họ lẽ ra phải đắc đạo mới phải chứ?

Chúng ta nên suy nghĩ lại xem, thường ngày chúng ta chung sống với nhau, khó tránh khỏi có những lời nói, hành động xúc phạm nhau, đây chỉ là một cây gai nhỏ; nếu tâm niệm nảy sinh ra sân hận, liền biến thành cây gai lớn rất bén nhọn đâm thẳng vào trong tâm.

Có lúc “ngôn giả vô tâm, thính giả hữu ý”, người nói không có ý ác, nhưng người nghe lại tự chuốc khổ, chẳng khác nào người cố ý nằm trên

chông gai, bị gai chi chít đâm vào thân. Chúng ta nên dùng trí huệ nhỏ bỏ gai tham, sân, không nên để chúng đâm sâu hơn, khiến cho chúng ta phải chịu sự hành hạ đến vô lượng kiếp.

Cầu nguyện cho mọi người có đủ trí huệ để nhỏ gai độc bám sâu ở trong tâm ra.

Chúng ta cùng nhau cố gắng!

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 17.01.2015***

17. PHƯỚC HUỆ SONG TU

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một truyện cổ Phật giáo. Câu chuyện được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 289.

Muốn được hình tướng trang nghiêm, chẳng gì hơn tu thiện hạnh, cho nên, chúng ta cần phải siêng năng tu các thiện hạnh.

Câu chuyện kể rằng một hôm nọ, có một người nông phu rất thông minh và nhanh nhẹn, anh ta cùng những người bạn đi vào thành. Lúc ấy, họ gặp được một người, không chỉ tướng mạo đoan trang mà y phục mặc trên thân cũng rất trang nghiêm. Người này đeo các thứ chuỗi ngọc, xe ngựa cũng được trang trí đều vô cùng hoa lệ, đến cả đoàn tùy tùng theo hầu hạ cũng được trang điểm vô cùng đẹp mắt.

Người nông phu quay sang nói với bạn rằng:

- Không tốt! Không tốt!

Những người bạn nghe vậy cảm thấy thật kỳ lạ, liền hỏi anh ta:

- Đây là người danh tiếng, rất có đức hạnh, dung mạo lại đoan chánh, khiến ai nhìn thấy đều cảm tình và kính trọng, có điểm nào không tốt đâu?

Người nông phu đáp:

- Tôi tự nguyện chính mình không tốt, tôi đâu nói người kia không tốt. Vì trong quá khứ tôi không gieo trồng các công đức, cho nên khiến cho đời này phải sanh trong tầng lớp thấp hèn, không có danh vọng quyền thế, cũng không được người cung kính. Nếu như trong quá khứ tôi siêng năng vun bồi phước đức, thì làm sao tôi không hơn người kia được? Cho nên, bây giờ tôi phải nỗ lực tu các thiện nghiệp, sau này tôi nhất định sẽ vượt trội anh ta.

Rồi anh nói một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Người kia buông bỏ phóng dật, chuyên tâm tu học thiện pháp, cho nên hưởng được phước đức; còn tôi do tâm phóng dật, biếng nhác vun bồi nghiệp thiện, vì thế phải chịu nghèo cùng, hèn hạ, không có danh vọng cũng như quyền thế.

Giờ đây, tôi cảm thấy vô cùng hổ thẹn, hận mình, cho nên tôi tự trách mình không tốt.

Quan sát sự nghèo cùng thấp hèn của mình, tôi tự thấy thật xót thương, tất cả đều do phiền não lừa gạt, làm mê hoặc, bị phóng dật làm hư hoại.

Từ nay về sau, tôi phải tinh tấn tu học bố thí, trì giới, thiền định, đời sau nhất định phải được sanh vào giai cấp quyền quý, có quyền thuộc tốt đẹp, không những được tướng mạo đoan chánh, mà còn có danh vọng phước đức, tiền tài và người tùy tùng nhiều vô số, những gì mà tôi có được, sẽ không làm cho người ta ganh ghét, được người người đều tôn kính; nhất định sẽ không như đời này, hối hận cũng đã muộn rồi.

Tâm xấu xa là kẻ thù của tôi, chính nó đã lừa

gạt tôi, khiến cho tôi đi đến sự khốn khổ bần cùng như thế này; nay phải phát tâm ăn năn sám hối, tự trách mình, siêng năng thực hành các việc thiện thì mới được an vui.

Trong lúc tạo ác nghiệp, thiện nghiệp không thể sinh khởi; người hay điều phục được tâm niệm, tinh cần tu hành thiện pháp, thì luôn được sống trong vinh hoa an nhàn, không bị thiếu một thứ gì.

Người thế gian nói không sai, khoảng cách giữa quả báo thiện và ác thật sự có sai biệt; đức Phật dạy thực hành bát chánh đạo, có thể đưa ta đạt đến giải thoát niết-bàn. Nếu trong tâm chỉ biết tham luyến của cải, danh lợi, vinh hoa phú quý, truy tìm quả báo cho đời sau, nhưng cuối cùng nào thoát khỏi được nỗi khổ già yếu, bệnh tật. Tôi cần phải chuyên tâm tinh tấn, đạt đến nơi không còn sự sợ hãi. Nơi nào giúp chúng ta không còn lo sợ? Chính là khi chấm dứt sanh tử, xuất ly ra khỏi ba cõi, thì sẽ không còn gì khiến cho chúng ta phải khiếp sợ nữa.

Cũng như người họa sĩ lúc say mèm, anh ta đã vẽ lên nhiều hình tượng, đến khi tỉnh lại, nhìn lại những hình ảnh đã tự tay vẽ, chính anh ta còn cảm thấy không hài lòng, muốn xóa bỏ những hình ảnh xấu xí kia, để họa lên những bức tranh tuyệt đẹp.

Trong quá khứ, do tôi ngu si, tạo các nghiệp bất thiện, cho nên đời này phải chuốc lấy thân hình xấu xí; bây giờ nên từ bỏ các nghiệp ác, vun bồi quả báo thù thắng cho đời sau. Sau khi nhìn thấy quả báo ác, người có trí huệ cần hổ thẹn một cách sâu sắc, biết tự trách mình”.

Câu chuyện này có nhiều điểm, đáng để chúng ta học hỏi:

Người nông phu thông minh này, khi nhìn thấy người khác được tướng mạo đoan chánh, ăn mặc sang trọng, anh ta không hề sinh tâm đố kỵ, cũng không chỉ biết hâm mộ mà thôi, đặc biệt, anh ta biết trở về phản tỉnh chính mình: “Tại sao tôi lại xuất thân trong chốn bần cùng, hạ tiện, không được người cung kính? Có thể là do trong

quá khứ không làm việc lành, cũng có thể do đời trước tôi quá cao ngạo, xem thường người khác, cho nên giờ đây phải gánh chịu quả báo ti tiện. Tất cả nhân duyên này, là do trong quá khứ không biết gieo trồng tích lũy phước đức, không thể oán trách người khác”.

Anh ta thấu hiểu được, tâm ác độc chính là kẻ thù của mình. Kẻ thù của ta không phải là người khác, mà chính là tâm bất thiện. Khi ta khởi lên tâm niệm xấu, tâm kia mới là địch thủ của ta, chính nó là nguyên nhân đưa ta đến sự khốn đốn, ti tiện này. Một khi tạo ác nghiệp, tất cả thiện nghiệp đều không thể sinh khởi; chính vì thế, chúng ta cần phải làm chủ được tâm niệm thì mới có thể hành các việc thiện, những thiện hạnh đã làm mới được vững chắc, được tăng trưởng.

Anh nông phu này, ngay từ đầu đã muốn hành thiện tu tập phước đức, vì mong đời sau phước báo của mình được vượt trội người, phát nguyện như thế, ít nhiều cũng giúp tâm của anh trở nên tốt

hơn; hơn nữa, anh ta lại biết tư duy sâu xa hơn, biết rằng vinh hoa phú quý tuy được nhiều hơn, tướng mạo tuy trang nghiêm hơn, nhưng cuối cùng vẫn không thắng nổi sự tàn phá của vô thường, già yếu, mất mát, vẫn phải trở lại chịu luân hồi sanh tử trong tam giới; cần phải tiến thêm một bước, tu tập trí huệ thánh đạo thì mới đích thực đạt được giải thoát vĩnh viễn.

Quý vị có nhớ câu đối phía trước chánh điện của tinh xá Phước Nghiêm không?

Nội dung của câu trên: “*Phước đức dữ trí huệ tề tu thứ hồ trung đạo*”¹², câu dưới là: “*Nghiêm minh cộng từ bi tương ứng khả vị chân thừa*”¹³. Đây là câu đối do Ngài Ấn Thuận chọn để khắc lên.

Câu “*Phước đức dữ trí huệ tề tu thứ hồ trung đạo*”: Ý muốn nói là: Ngoài việc tu tập phước đức như bố thí, trì giới ra, cần phải tu trí huệ; phước

¹² 「福德與智慧齊修庶乎中道」

¹³ 「嚴明共慈悲相應可謂真乘」

đức và trí huệ phải tu ngang nhau, thì mới gần với trung đạo. Nếu chỉ biết tu phước mà không tu huệ, chẳng khác nào con voi được chuỗi ngọc; nếu chỉ tu huệ mà không tu phước, như vị a-la-hán đi khát thực trở về chỉ có bát không. Cho nên phước huệ cần phải song tu.

Còn câu “*Nghiêm minh cộng từ bi tương ưng khả vị chân thừa*”: Có nghĩa là cần phải dùng ánh sáng của trí huệ để diệt trừ vô minh phiền não; muốn có được trí huệ, cần phải nghiêm khắc, không được phóng dật, biếng nhác; thế nhưng, nghiêm khắc với tự thân là rất tốt, nhưng đối với chúng sanh không nên quá khắc khe, cho nên “nghiêm minh” và “từ bi ” cần phải tương xứng, nếu biết vận dụng từ bi và trí huệ song song với nhau, thì mới xứng đáng được tôn xưng là Đại thừa chân chính!

Hy vọng mọi người đều có thể phước huệ song tu, bi trí song song vận dụng.

Chúng ta cùng tinh tấn!

- 240 - Phước Huệ tập 6

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 14.03.2015***

18. NGƯỜI TRÍ SIÊNG NHIẾP TÂM, LÂM CHUNG KHÔNG TÁN LOẠN

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!
Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một truyện cổ Phật giáo. Câu chuyện được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 302.

Trong kinh có dạy rằng, nếu không tập trung được tâm ý, đến lúc mạng chung thật khó bảo đảm vãng sanh vào cõi lành.

Câu chuyện kể rằng, có một người hầu cận của vua Bà-tu tên là Đa-sí-na-ca, vị đại thần này từng được nhà vua tin cậy. Sau đó, do có người muốn gây chia rẽ ly gián, nên gièm pha, vì thế ông bị tống vào ngục. Họ vì muốn hãm hại Đa-sí-na-ca nên dựng lên nhiều tin đồn thất thiệt về ông, truyền đến tai nhà vua, quốc vương nghe

xong vô cùng phần nộ sai người đến giết ông.

Lúc ấy, những người thân quyến của Đa-sí-na-ca đến vây quanh ông, và nói:

- Ông là người rất thông minh, hiểu biết hơn người thường, thế nhưng giờ đây, tâm của ông tại sao lại nóng vội như thế? Bây giờ, đang cận kề cái chết, theo ông thứ gì là khổ nhất?

Na-ca đáp:

- Vì sợ hãi tử vong, nên cảm thấy thật khủng khiếp, vì thế trong tâm không thể an định được.

Tiếp theo, ông nói một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Trước kia, tôi vì ly biệt mẹ cha, người thân và quyến thuộc, luôn cảm thấy vô cùng đau đớn, buồn tủi, nghĩ rằng đây là sự khổ nhất của thế gian. Mãi cho đến hôm nay, khi chính mình đối đầu với cái khổ của chết chóc, mới hiểu ra cái khổ của ái biệt ly thật quá nhỏ bé.

Tôi suy nghĩ, phân tích trong các thứ khổ, thì tử vong vẫn chưa phải là cái khổ lớn nhất, cái khổ

vô bờ bến, là khi không biết chết rồi sẽ sanh về đâu, đây mới là nỗi khổ đích thực. Thân tâm của tôi bất an, sự nóng nảy bứt rứt này không gì có thể sánh bằng, giờ chết cận kề rồi, nhưng không biết sẽ đi về đâu?

Tự thân chưa lìa tham dục, thì có ai mà không sợ hãi, ai mà không hoảng hốt? Tâm ý tôi hoảng loạn, cảm thấy vô cùng khiếp sợ, chẳng khác nào người mù phải lặn lội đường dài, không biết sẽ đi về hướng nào? Bao nhiêu ý chí, nghị lực đều biến mất, chẳng khác nào đồng cát bị sụp đổ, không thể níu kéo được.

Thật đúng như đức Phật từng dạy, phương hướng của tâm, là do tâm niệm thúc đẩy, mà bây giờ tâm tôi điên đảo hỗn loạn, thì càng khó mà được thác sanh vào cõi thiện.

Nếu như tâm niệm được tự tại, sẽ tùy ý vãng sanh vào cõi lành; thế nhưng, tôi bây giờ tâm phiền ý loạn, hoàn toàn không thể làm chủ, không thể điều khiển tâm cho an trụ được.

Trước đây, tôi quả thật quá ngu si nông cạn, say sưa trong thú vui ngũ dục, không biết trở về quán sát nội tâm, không biết đưa tâm về an trú trong thiện pháp.

An trú trong rừng núi, ngồi thiền, nhiếp hộ an trú tâm, những việc làm thù thắng như thế, đến hôm nay tôi mới nghĩ đến, mới mong ước; nếu có thể nhiếp tâm an trú thì sẽ đạt được bảo tạng thiền định, đây là do nội tâm được an lạc, được vắng lặng.

Tôi vẫn còn nhớ ý nghĩa của ba bài kệ mà đức Phật Thích-ca-mâu-ni từng dạy:

Phóng dật, tạo tác ác hạnh, trái phạm giới luật, đây là việc người tu hành không nên làm.

Bỏ chánh hạnh đầy lợi ích, tham đắm cảnh giới đáng yêu; đợi đến lúc muốn tu thiện hạnh, thì bất tri bất giác, cái chết đột nhiên xuất hiện.

Cũng như xa lìa con đường bằng phẳng chánh trực, chạy theo ngõ hẹp nguy hiểm quanh co bất chánh, trục bánh xe bị gãy, xe lập tức dừng lại, chỉ

biết đứng yên buồn bã chờ đợi.

Đi ngược với chánh pháp chân thật, làm việc trái với quy luật, kẻ ngu si chẳng khác nào trục xe đã bị gãy, chỉ còn sa đọa vào cảnh giới âu sầu, ở đó đợi tử vong đến.

Tại sao lại nói như thế? Vì trước giờ không khéo rèn luyện quán tưởng về tử vong, đợi đến lúc lâm chung mới hoảng hốt muốn luyện tập thiền quán, do đó, không thể trừ bỏ được sự chấp trước ngũ dục, không biết sẽ sanh vào nơi nào, nên mới hồi hận, sợ hãi”.

Rồi ông ta nói tiếp một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Người có trí huệ cần phải giữ gìn chánh niệm, trừ bỏ sự tham đắm về năm thứ dục lạc. Nếu người biết tu tập tinh tấn, giữ gìn tâm niệm, thì đến lúc đối diện với cái chết, sẽ không cảm thấy hồi hận.

Tập trung được tâm ý thì ý nghĩ sẽ thanh tịnh, cho nên người có trí huệ luôn nỗ lực giữ gìn

chánh niệm, đến lúc lâm chung sẽ không bị tán loạn.

Nếu bình thường chỉ chuyên chú vào cảnh giới bên ngoài, không thực tập tâm cho chuyên nhất, thì lúc lâm chung tâm niệm chắc chắn sẽ bị loạn động.

Tâm niệm tán loạn cũng giống như huấn luyện ngựa, ngày thường, người chủ chỉ dạy cho nó đi vòng quanh cối để xay lúa, đến lúc ra trận, ngựa chỉ biết đi vòng qua vòng lại, không cách nào đi thẳng về phía của đối thủ.

Người không có khả năng quán sát tâm ý giới, không biết thâm nhiếp năm căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đến lúc kề cận với cái chết thì càng khó mà không chế được chúng, chẳng khác nào đem áo giáp sắt trong kho lâu ngày sinh rỉ sét, đợi đến lúc sắp đối đầu với kẻ địch mới xem tới thì áo giáp đã bị hư hoại thất lạc; người không biết làm chủ tâm ý, đến lúc lâm chung cũng chẳng khác gì.

Câu chuyện này, có nhiều điểm đáng để

chúng ta học hỏi:

Chúng ta có bảo đảm rằng đời này có thể được giải thoát chăng? Hoặc tin chắc rằng, sau khi mạng chung, sẽ vãng sanh vào cõi lành, hoặc được vãng sanh về quốc độ của chư Phật?

Câu chuyện này có đề cập đến, nếu phát tâm thuần chánh, thì giống như đi trên con đường lớn đầy ánh sáng; nếu còn tâm bất chánh, sẽ đi vào con đường nhỏ lại khúc khuỷu và nguy hiểm, trên con đường nguy hiểm ấy, trục xe lại bị gãy rơi ra, sẽ cảm thấy lo âu, sợ hãi.

Trong *Tứ phần luật ì-kheo giới bốn* có mấy ví dụ cũng tương tự như thế, tất cả có bốn ví dụ, những bài kệ này rất thâm thúy.

Thí dụ thứ nhất:

**Thí như nhân hủy túc,
Bất kham hữu sở thiệp,
Hủy giới diệt như thị,
Bất đắc sanh thiên nhân.**

**Dục đắc sanh thiên thượng,
Nhược sanh nhân gian giả,
Thường đương hộ giới túc,
Vật linh hữu hủy tổn.**

*Ví như người què chân,
Không thể đi đâu được,
Người phá giới cũng vậy,
Không thể sanh trời người.
Muốn được sanh lên trời,
Hoặc được sanh cõi người,
Thường phải giữ chân giới,
Đừng để bị thương tổn.*

Ý muốn nói giữ giới thanh tịnh là nền tảng sinh ra các công đức, cũng như đôi chân của con người, một khi đôi chân bị thương, thì không thể bước đi được; giữ giới không thanh tịnh cũng như thế, sẽ không thể sanh lên cõi trời, cũng không thể được làm người. Nếu muốn đời sau được sanh lên cõi trời, hoặc thác sanh vào nhân gian để làm

người, cần phải bảo hộ giới thanh tịnh, gặp bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được hủy phạm.

Thí dụ thứ hai:

**Như ngựa nhập hiểm đạo,
Thất hạt chiết trục ưu,
Hủy giới diệt như thị,
Tử thời hoài khủng cụ.**

*Như xe vào đường hiểm,
Lo hư chốt, gãy trục,
Phá giới cũng như vậy,
Khi chết lòng sợ hãi.*

Cũng giống như cưỡi xe ngựa trên đoạn đường nguy hiểm, chốt giữ cho xe được cố định bị rơi mất, một khi xe bị hỏng, chắc chắn vô cùng lo lắng, khổ não (vì xe không còn chạy được nữa); hủy hoại giới hạnh cũng như thế, lúc lâm chung không tránh khỏi buồn rầu, sợ hãi

Thứ ba, thí dụ soi gương:

**Như nhân tự chiếu kính,
Hảo xú sanh hân thích,
Thuyết giới diệt như thị,
Toàn hủy sanh ưu hỷ.**

*Như người tự soi kiếng,
Đẹp, xấu sanh vui buồn,
Thuyết giới cũng như vậy,
Vẹn, hỏng sanh mừng lo.*

Cũng như lúc soi gương, thấy khuôn mặt của mình thật xinh xắn, trong lòng tràn đầy phấn khởi; nếu thấy vẻ mặt xấu xí, sẽ buồn bã chán nản; trì giới cũng như thế, nếu trì giới được thanh tịnh sẽ cảm thấy rất hoan hỷ, nếu hủy hoại giới hạnh sẽ cảm thấy rất sầu muộn.

Thứ tư, là thí dụ hai bên chiến đấu:

**Như lưỡng trận cộng chiến,
Đông khiếp hữu tấn thoái,
Thuyết giới diệt như thị,**

Tịnh uế sanh an úy.

*Như hai bên đánh nhau,
Gan, nhất có tiến thoái,
Thuyết giới cũng như vậy,
Tịnh, nhiễm sanh vui, sợ.*

Lại như trong cuộc chiến của hai phe, bên nào mạnh thì thắng tiến, còn phe yếu sẽ rút lui. Việc trì giới cũng không khác, nếu giữ gìn giới hạnh thanh tịnh, thì trong lòng cảm thấy an ổn; nếu hủy phạm giới hạnh, sẽ cảm thấy áy náy, sợ sệt, trong tâm luôn bất an.

Thông thường, chúng ta miêu tả người có tâm thần bất an, không chuyên chú bằng cụm từ “tâm viên ý mã”. Nếu muốn được như nguyện, mong thác sanh vào cõi lành, hoặc vãng sanh về Phật quốc, thì bình thường chúng ta phải điều phục cho được tâm như ngựa của mình, khiến cho tâm chúng ta phải biết lắng nghe, phải nhu nhuyễn. Nếu thường ngày cứ để tâm mãi dong ruổi, thì đến

lúc lâm chung, tâm từ trước đến nay vốn tán loạn có thể tự tĩnh lặng chăng? Không thể có được! Nếu thường ngày chỉ biết khoái lạc trong ngũ dục, chưa một lần để tâm an trú trong thiện pháp, đến lúc lâm chung, tâm sẽ khủng hoảng, ý sẽ loạn động, lúc đó không biết đi về đâu. Kinh dạy: “Trực tâm thị đạo tràng” (Tâm chính trực là đạo tràng)! Cho nên, bình thường chúng ta cần phải có chánh niệm, chánh tri, luôn giữ gìn niệm thiện, niệm thiện này không phải vừa lóe sáng liền tắt mất, mà phải giữ cho nó sinh khởi liên tục thì mới được.

Chúng ta cùng tinh tấn!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,
ngày 21.03.2015*